

Luận Đại Trí Độ

Tập II

Cuốn 26 - 30

(Mahàprajñàparamitàsatra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cưư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Luận Đại Trí Độ

Tập II

Cuốn 26 - 30

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Cuốn 26	3
Chương 38	3
Giải Thích: Mười Tám Pháp Không Chung	3
Cuốn 27	32
Chương 39 – Còn thiếu	32
Cuốn 28	33
Chương 40	33
Giải Thích: Sáu Thần Thông	33
Cuốn 29	51
Chương 41	51
Giải Thích: Tùy Hỷ, Hồi Hưởng	51
Cuốn 30	72
Chương 42	72
Giải Thích: Thiện Căn Cúng Dường	72

Cuốn 26

Chương 38

Giải Thích: Mười Tám Pháp Không Chung

Mười tám pháp không chung là: 1. Các đức Phật thân không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Niệm không lỗi. 4. Không có dị tưởng. 5. Không có tâm bất định. 6. Không có điều không biết đã bỏ. 7. Dục không giảm. 8. Tinh tấn không giảm. 9. Niệm không giảm. 10. Tuệ không giảm. 11. Giải thoát không giảm. 12. Giải thoát tri kiến không giảm. 13. Tất cả thân nghiệp hành theo trí tuệ. 14. Tất cả khẩu nghiệp hành theo trí tuệ. 15. Tất cả ý nghiệp hành theo trí tuệ. 16. Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại. 17. Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại. 18. Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại.

Hỏi: Ba mươi sáu pháp (Mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung) đều là Phật pháp, sao chỉ có mười tám pháp là không chung (chỉ riêng Phật có)?

Đáp: Trong mười tám pháp trước, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật có phần, trong mười tám pháp sau này, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật vô phần. Như Xá-lợi-phất hay phân biệt các pháp, diễn nói một câu, thông suốt không ngại, Phật khen rằng: khéo thông pháp tánh, còn A-nê-lô-đậu thì mắt trời bạc nhất. Các Thanh văn đều có phần như vậy. Đối với bốn việc không sợ có phần là, như Phật nói trong hàng đệ tử người có thể rống tiếng rống sư tử thì Tân-đầu-lô-phả-la-đỏa-thệ là bạc nhất. Xá-lợi-phất cũng tự thề rằng: ta trong bảy ngày bảy đêm có thể diễn nói một nghĩa khiến cho không cùng tận. Bốn phân biệt tuệ, các A-la-hán, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Phú-lâu-na, A-nan, Ca-chiên-diên... cũng biết được nghĩa, tên gọi, ngữ ngôn, và vui nói. Do vậy mười tám pháp trước chẳng gọi là không chung.

Hỏi: Sao Phật không có thân lỗi, không có miệng lỗi?

Đáp: Trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp Phật trì giới thanh tịnh nên thân nghiệp, khẩu nghiệp không lỗi. Còn các A-la-hán như Xá-lợi-phất trì giới không lâu, cực nhiều là 60 kiếp cho nên có lỗi. Phật trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nhóm các giới thanh tịnh được thành tựu, thường hành thiền định rất sâu, được tất cả trí tuệ vi diệu, khéo tu tâm đại bi, cho nên không lỗi.

Lại nữa, Phật nhỏ hết các nhân duyên gốc tội, cho nên không lỗi. Nhân duyên gốc tội có bốn: 1. Nhân duyên tham dục. 2. Nhân duyên sân nhuế. 3. Nhân duyên sợ hãi. 4. Nhân duyên ngu si. Nhân duyên và tập khí gốc tội đều đã nhỏ. A-la-hán, Bích-chi Phật tuy nhỏ nhân duyên tội mà tập khí đang còn, nên hoặc thời có lỗi. Phật đối với hết thầy pháp thường thành tựu trí tuệ biết khắp viên mãn. Nếu không biết nên có lỗi, như Xá-lợi-phất với 500 Tỳ-kheo du hành đến một ngôi chùa vắng ở lại đêm, lúc ấy gặp ngày thuyết giới, không biết việc nội giới ngoại giới thế nào, mới bạch Phật, Phật dạy tại trú xứ chỉ ở một đêm rồi bỏ, thời không có giới. Lại một lúc khác, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng với 500 Tỳ-kheo lúc trở về lại, to tiếng ồn ào, Phật đuổi đi ra ngoài, ấy là miệng có lỗi. Lại như Xá-lợi-phất không biết phép ăn bình đẳng nên Phật quở ông ăn đồ bất tịnh (trái pháp). Như vậy là thân, miệng có lỗi. Các phiền não tập khí Phật sạch hết, cho nên không có lỗi như vậy.

Lại nữa, hết thầy thân nghiệp, khẩu nghiệp của Phật đều hành theo trí tuệ cho nên thân không lỗi, miệng không lỗi. Do các nhân duyên như vậy nên thân không lỗi, miệng không lỗi.

Niệm không lỗi: Tâm khéo tu bốn niệm xứ suốt ngày đêm, khéo tu thiền định thâm sâu, tâm không tán loạn, khéo dứt dục ái và pháp ái, đối các pháp tâm không nhiễm trước, được chỗ tâm an ổn đệ nhất, nếu tâm bồn chồn vội vàng thì niệm có chỗ quên mất. Tâm Phật không có được mất, vì vậy nên không lỗi. Phật có Túc mạng thông, ba minh, mười lục, ba thứ trang nghiêm niệm, nên niệm được thành tựu không lỗi, vì niệm phần nhiều dụng ở quá khứ.

Lại nữa, niệm căn niệm lực vô biên vô tận nên niệm không lỗi.

Lại nữa, hết thầy ý nghiệp của Phật hành theo trí tuệ nên niệm không lỗi. Mỗi mỗi niệm đều theo ý hành. Như vậy gọi là niệm không lỗi, như trong kinh Trời hỏi nói:

“Người nào không lỗi làm?

Người nào không mất niệm?

Người nào thường nhất tâm?

Làm được việc đáng làm,

Chánh biết hết thầy pháp,

Thoát hết tất cả chướng,

Thành tựu các công đức,

Chỉ có một mình Phật”.

Không dị tướng: Phật đối với chúng sanh không có phân biệt, không có tướng xa gần dị biệt: người ấy quý có thể nói cho, người kia hèn không thể nói cho. Như mặt trời xuất hiện chiếu khắp vạn vật, ánh sáng đại bi của Phật bình đẳng thương xót cứu độ hết thảy chúng sanh, người cung kính, người không cung kính, oán, thân, quý, tiện, tất cả đều bình đẳng, như người hốt phân tên Ni-đà, Phật cũng hóa độ cho thành đại A-la-hán, như cư sĩ Đức Hộ, làm hầm lửa, bỏ độc vào đồ ăn muốn để hại Phật, liền trong ngày ấy được trừ ba độc, diệt lửa tà kiến. Như vậy là không có tướng dị biệt.

Lại nữa, đối với Xá-lợi-phất, Di-lặc Bồ-tát... thuận theo Phật pháp tu hành, Phật cũng không thiên ái, đối với Đề-bà-đạt-đa, Phú-la-na ngoại đạo, lục sư tà kiến... Phật cũng không ghét, ấy là Phật huân tu tâm trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nên là báu ở giữa chúng sanh, như chơn kim không thể làm cho biến khác được.

Lại nữa, Phật dùng Phật nhãn ngày đêm sáu thời quán hết thảy chúng sanh ai có thể độ, không bỏ mất thời. Phật bình đẳng quán chúng sanh, nên không có tướng dị biệt.

Lại nữa, Phật dùng các nhân duyên, khen thiện pháp chê bất thiện pháp, tâm cũng không tăng giảm đối với thiện ác, chỉ vì độ chúng sanh, nên mới có sự phân biệt, ấy là không có tướng dị biệt.

Lại nữa, như trong kinh Nhất thiết bát hành nói: Phật quán hết thảy chúng sanh như thân mình, việc cần làm đã làm xong, không đầu, không giữa, không cuối, ấy gọi là không có tướng dị biệt.

Lại nữa, Phật quán hết thảy chúng sanh và các pháp, từ xưa lại nay không sanh không diệt, thường thanh tịnh như Niết-bàn; ấy gọi là không có tướng dị biệt.

Lại nữa, vào cửa pháp bất nhị là cửa các pháp thật tướng. Dị tướng tức là hai pháp, hai pháp tức là tà đạo. Phật là người không đối pháp, không nên hành đối pháp, thường hành vào cửa pháp bất nhị. Đối pháp tức là dị tướng. Như vậy gọi là không có tướng dị biệt.

Không có tâm bất định: Định là nhất tâm không loạn, trong tâm loạn không thể thấy được sự thật, như nước dậy sóng không thể trông thấy mặt, như đèn giữa gió không thể soi tỏ. Do vậy nói Phật không có tâm bất định.

Hỏi: Định là từ Vị đáo địa cho đến Diệt tận định. Vào trong các định không thể khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nếu Phật thường định, không có lúc nào tâm không định, thời làm sao du hành các nước, đủ bốn oai nghi, vì đại chúng dùng đủ nhân duyên, thí dụ mà thuyết pháp? Việc như vậy, tâm thuộc Dục giới và ở Phạm thế không vào định, mới có thể có việc ấy?

Đáp: Không có tâm bất định có nhiều nghĩa. Định là thường nhiếp tâm ở trong thiện pháp, Phật định ở trong các pháp thật tướng, không thối không mất, ấy gọi là không có tâm bất định.

Lại nữa, ở trong Dục giới có định, vào trong định ấy có thể thuyết pháp. Vì vậy nên trong A-tỳ-đàm nói: hệ thuộc Dục giới, có các công đức thù diệu là bốn thánh chủng, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, Vô tránh tam-muội, nguyện trí, bốn trí vô ngại. Phật vào định ở trong Dục giới nên gọi là không có tâm bất định. Các Thanh văn, Bích-chi Phật từ định khởi dậy, thì hoặc lại vào vô ký tâm hoặc vào thiện tâm, hoặc thối lui vào cấu tâm, còn Phật từ định khởi dậy liền vào định Dục giới, không hề có lúc nào tâm tán loạn, do vậy nên gọi là không có tâm bất định.

Lại nữa, như ở trong pháp Thanh văn, hóa nhân thuyết pháp thì hóa chủ không thuyết, hóa chủ thuyết pháp thì hóa nhân không thuyết. Phật thời không như vậy, hóa chủ hóa nhân đều có thể đồng thời thuyết pháp. Tâm định cũng có thể khác. Thanh văn vào định thời không thuyết, Phật ở trong định cũng có thể thuyết pháp, cũng có thể du hành, như tâm mật trong kinh Mật Tích nói: chư Phật tâm thường ở trong định, tâm cũng có thể thuyết pháp.

Lại nữa, pháp làm tâm tán loạn là các kiết sử, nghi, hối, Phật không có các thứ đó. A-la-hán tuy không còn nghi đối với lý Tứ đế, nhưng đối hết thấy pháp chỗ chỗ có nghi, Phật đối với hết thấy pháp, thường định không nghi, vì không có trí tuệ bất định.

Lại nữa, Thanh văn còn có các phiền não tập khí, có thói pháp cho nên tán loạn, Phật đối với chỗ nhất thiết trí, trí viên mãn cho nên không loạn; như trong bình nước đầy, thời không động không tiếng.

Lại nữa, chỉ một mình Phật là không dối pháp, tối thượng giữa ba hạng người kiên cố, khổ vui tâm không đổi khác, tướng nhất, tướng dị, tướng sanh diệt, tướng đoạn thường, tướng đi lại, các pháp tướng như vậy, đều là pháp hư dối, pháp hòa hợp hư vọng làm ra, Phật an trú trong các pháp thật tướng, nên tâm không có bất định. Không bất định nên tâm không đổi khác.

Lại nữa, trong năm pháp không thể nghĩ bàn (*chúng sanh nhiều ít, nghiệp lực, long lực, thiên định lực, Phật pháp lực – N.D*), Phật lại rất không thể nghĩ bàn. Mười tám pháp không chung ấy là tạng thâm của Phật, ai có thể nghĩ bàn được. Do vậy, Phật không có tâm bất định, việc chắc chắn phải như vậy.

Phật tuy thường nhập định, không có thô tâm giác quán, nhưng có trí tuệ không thể nghĩ bàn, cho nên cũng có thể thuyết pháp; ví như nhạc trời, tùy theo trời muốn, các tiếng ứng ra, cũng là vô tâm, cũng là pháp vô thức, do nhân duyên phước đức của chư thiên nên có được như vậy. Như nhạc trời vô tâm, vô thức mà hay cảm ứng vật, huống Phật hữu tâm mà không thuyết pháp. Do vậy nói Phật không có tâm bất định.

Không có điều không biết đã xả: Chúng sanh có ba thọ là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Thọ khổ sanh sân, thọ vui sanh ái, thọ không khổ không vui sanh ngu si. Ba thọ ấy thọ khổ sanh khổ, ở trong khổ thì mất vui, thọ vui sanh vui, ở trong vui thì mất khổ, còn thọ không khổ không vui thì không biết là khổ, không biết là vui, những người độn căn phần nhiều biết thọ khổ thọ vui, còn đối với thọ không khổ không vui, không hay không biết mà chỉ có tâm xả, ấy là bị kiết sử ngu si sai khiến. Phật đối với thọ không khổ không vui biết rõ khi nó sanh, biết rõ khi nó trụ, biết rõ khi nó diệt. Do vậy nói Phật không có tâm không biết đã xả.

Hỏi: Trong đây thế nào gọi là xả? Không khổ không vui tức là xả? hay xả giác chi trong bảy giác chi? hay xả trong bốn tâm vô lượng gọi là xả?

Đáp: Không khổ không vui tức là xả. Xả trong hai chỗ kia cũng như vậy, vì sao? Vì các người khác đối với thọ không khổ không vui, trong mỗi niệm khi sanh, khi trụ, khi diệt, thật lâu mới rõ, còn Phật trong mỗi niệm đều biết rõ; xả giác chi trong bảy giác chi, nếu tâm chánh đẳng không trầm không động, lúc ấy là xả. Nếu khi trầm thì hành tinh tấn tưởng, nếu khi động thì hành nhiếp tâm tưởng. Các Thanh văn, Bích-chi Phật hoặc có khi nhiếp tâm sai, tâm rung động chưa được bình đẳng liền xả, còn Phật ở trong mỗi niệm tâm thô, tế cạn sâu đều biết hết, biết rồi mới xả.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật vì Nan-đà nói, bảo các Tỳ-kheo rằng: Nan-đà đối với các thọ khi sanh giác biết, khi trụ giác biết, khi diệt giác biết. Các tướng các giác cũng như vậy?

Đáp: Giác biết có hai: 1. Giác biết trong tâm khổ thọ sanh biết khổ thọ sanh, khổ thọ trụ biết khổ thọ trụ, khổ thọ diệt biết khổ thọ diệt; lạc thọ sanh biết lạc thọ sanh, lạc thọ trụ biết lạc thọ trụ, lạc thọ diệt biết lạc thọ diệt. Bất khổ bất lạc thọ

cũng như vậy. Chỉ biết được tướng tổng quát không biết được tướng riêng biệt.
2. Trong mỗi niệm có khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ đều giác đều biết. Tâm số pháp trong mỗi niệm, không đều gì không biết mà bỏ qua. Do vậy nói Phật không có điều không biết đã xả.

Lại nữa, có khi Phật bỏ chúng sanh, để vào thiên định thậm thâm một tháng hai tháng. Có người nghi: Phật vì độ chúng sanh mà ra đời, có sao thường nhập định? Phật nói: Ta có đủ nhân duyên biết rồi nên xả, chứ chẳng phải không biết đã xả.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên biết rồi mới xả?

Đáp: Đối với đại chúng mệt nhọc nhàm chán nên tạm nghỉ.

Lại nữa, Phật đời đời thường ưa hạnh viễn ly, khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, mẹ cũng ưa hạnh viễn ly, đi khỏi thành bốn mươi dặm ở trong vườn Lâm-tỳ-ni đản sanh, khi thành đạo, tại trong rừng Ưu-lâu-tần-loa (Uruvela) một mình ở dưới cây thành Phật, lúc ban đầu Chuyển pháp luân cũng ở tại rừng Nai chỗ tiên nhân ở, lúc vào Niết-bàn thì ở dưới cây Ta-la song thọ, mãi mãi ưa hạnh hạnh viễn ly. Do vậy nên Phật vào thiên định.

Lại nữa, Phật thường thành tựu tâm xả, cho nên vào thiên định.

Lại nữa, Phật thường xa lìa chỗ ồn ào tạp ngữ, tự quán công đức tạng của chư Phật, hưởng thọ cái vui thanh tịnh đệ nhất, cho nên vào thiên định.

Lại nữa, khi Phật thuyết pháp xong, thường dạy các Tỳ-kheo nên tọa thiền, để sau khỏi hối hận, miệng nói và thân cũng tự làm như vậy, cho nên vào thiên định.

Lại nữa, chán ghét cùng dường, biết chúng sanh kẻ đáng được độ, vào thiên định làm hóa nhân đi đến độ.

Lại nữa, có chúng sanh định ít tuệ nhiều, nên thân thị hiện hành thiền để giáo hóa.

Lại nữa, có người vì thường thấy Phật nên sanh tâm nhàm chán, Phật tạm xa lánh để khiến họ khao khát trông thấy.

Lại nữa, Phật muốn thuyết pháp cho chư thiên, nên ở chỗ nhàn tịnh.

Lại nữa, Phật muốn làm phép tắc cho đời sau, cho nên tọa thiền.

Lại Phật tự Chuyển pháp luân xong, đem việc ấy giao phó lại cho đệ tử, nên vào thiền định.

Lại nữa, thị hiện hai đạo để nhiếp hóa chúng sanh: 1. Thiền định, 2. Trí tuệ. Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng, là thị hiện trí tuệ; ở chỗ vắng nhiếp tâm là thị hiện thiền định.

Lại nữa, chúng sanh đối với sáu trần có ba cách hành xử: Thấy sắc đẹp sanh vui mừng, thấy sắc xấu sanh ưu khổ, thấy sắc không đẹp không xấu sanh xả tâm, cho đến ý biết pháp cũng như vậy. Phật đối với sáu trần rất tự tại, ở chỗ vui mừng ưu khổ đều sanh xả tâm, như được nói trong đoạn Thánh như ý.

Như vậy, do các nhân duyên nên vào thiền định, chẳng phải không biết đã xả.

Dục không giảm: Phật biết cái ân của thiện pháp, nên thường muốn nhóm các thiện pháp, ham muốn ấy không giảm sút. Tu tập các thiện pháp, tâm không biết nhàm đủ, ấy là dục không giảm. Thí như một Trưởng lão Tỳ-kheo mù mắt, tự vá áo Tăng-già-lê, khâu kim không được, nói với mọi người rằng: ai ham muốn phước đức, hãy khâu kim dùm tôi. Bấy giờ Phật hiện ở trước mặt, nói rằng: Ta là người ham muốn phước đức không biết nhàm đủ, hãy đưa kim ông đây. Tỳ-kheo ấy cố gắng thấy được ánh sáng của Phật, lại biết âm thanh của Phật, bạch Phật rằng: biển công đức của Phật vô lượng, đều tận cùng biên tế, có sao không biết nhàm đủ?

Phật bảo Tỳ-kheo: quả báo công đức rất sâu, không có ai như Ta biết phần ân công đức. Ta tuy đã tận cùng biên tế công đức, mà vốn vì Tâm ta ham muốn không nhàm đủ nên được thành Phật, thế nên nay vẫn ham không ngừng. Tuy không có tướng công đức khả đắc, mà tâm ham muốn của Ta cũng không dừng.

Chư thiên, người đời kinh ngạc, tình ngộ, Phật đối với công đức còn không biết nhàm đủ, huống gì người khác.

Phật nói pháp cho Tỳ-kheo ấy, bấy giờ mắt thịt sáng ra, tuệ nhãn được thành tựu.

Hỏi: Như Phật tướng, đã dứt ham muốn đối với hết thảy thiện pháp, có sao nay nói ham muốn không giảm?

Đáp: Nói dứt ham muốn đối với hết thảy thiện pháp là chưa được muốn được, được rồi muốn tăng ích, Phật không có ham muốn như vậy, hết thảy công đức Phật đã đầy đủ, không có công đức gì không được, cũng không tăng ích. Nay

nói ham muốn là như trước nói, Phật tuy có đủ hết thầy công đức mà tâm ham muốn công đức cũng không thôi; ví như ngựa báu, tuy đi đến nơi mà tâm ham muốn đi không ngừng, đến chết không bỏ. Phật bảo cũng như vậy.

Lại nữa lửa lớn lúc kiếp tận, đốt cháy hết tam thiên đại thiên thế giới, mà thế lửa vẫn không ngừng, lửa trí tuệ của Phật cũng như vậy, đốt cháy hết phiền não, chiếu rõ các pháp rồi mà lòng ham muốn tương ứng với trí tuệ vẫn không tận.

Lại nữa, Phật đầy đủ hết thầy công đức thiện pháp, mà chúng sanh chưa độ hết, nên tâm muốn độ không ngừng nghĩ.

Hỏi: Nếu Phật muốn độ chúng sanh chưa ngừng nghĩ, có sao Ngài vào Niết-bàn?

Đáp: Độ chúng sanh có hai lối: hoặc có người hiện tiền đắc độ, hoặc có người sao khi Phật Niết-bàn đắc độ. Như trong kinh Pháp Hoa nói: thầy thuốc chế thuốc đưa cho các đứa con, các con bỏ không dùng, vì thế nên vào Niết-bàn.

Lại nữa, có chúng sanh căn độn đức mỏng, không thành đại sự được, chỉ có thể gieo nhân duyên phước đức, vì thế nên vào Niết-bàn.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ, cũng có người chứng được A-la-hán, có sao nói chỉ có thể gieo nhân duyên phước đức?

Đáp: Tuy có người chứng được A-la-hán, nhưng ít nên không nói. Như lúc Phật còn ở đời, một lần thuyết pháp, có vô số chúng sanh trong mười phương đắc đạo, sao khi Phật diệt độ thời không như vậy, ví như nước lớn đi chinh phạt, tuy được chút ít thì không gọi là được. Vậy nên, tuy chúng sanh chưa độ hết, mà Phật vào Niết-bàn.

Lại nữa, trong kinh Đại thừa Thủ-lăng-nghiêm nói: Phật ở thế giới trang nghiêm, sống lâu 700 A-tăng-kỳ kiếp, độ thoát chúng sanh. Do vậy nên nói Phật có ham muốn không giảm.

Tinh tấn không giảm: Như nói nghĩa ham muốn ở trong phần nói về dục không giảm ở trên, chính là tinh tấn.

Hỏi: Nếu như vậy thời không có mười tám pháp không chung. Lại nữa, dục và tinh tấn là hai tâm số khác nhau, có sao nói dục chính là tinh tấn?

Đáp: Dục là mới khởi hành, dục tăng trưởng gọi là tinh tấn. Như Phật nói: hết thầy pháp, dục là căn bản. Dục như người khát muốn được uống, tinh tấn như

nhân duyên phương tiện, tìm cầu được uống. Dục là tâm muốn được, tinh tấn là thành được việc ấy. Dục thuộc ý nghiệp, tinh tấn thuộc ba nghiệp. Dục là trong, tinh tấn là ngoài. Sai khác nhau như vậy.

Lại nữa, tinh tấn là điều chư Phật ưa, như đức Thích-ca Mâu-ni Phật do sức tinh tấn mà vượt được chín kiếp, mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, như nói một lần Phật bảo A-nan: ông hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, Ta đau lưng tạm nghỉ một lát. Rồi Thế Tôn gấp y Uất-đa-la-tăng thành bốn lớp trải dưới, lấy y Tăng-già-lê gói đầu nằm. Khi ấy A-nan thuyết về ý nghĩa bảy giác phần, đến tinh tấn giác phần, Phật nghe bỗng ngồi dậy nói với A-nan: ông tán thán tinh tấn ư? A-nan thưa: tán thán! Như vậy nói ba lần.

Phật khen: lành thay! lành thay! khéo tu tinh tấn, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn chứng được, hưởng gì đạo quả khác. Do nghĩa ấy, Phật tinh tấn không giảm. Lúc bệnh còn không nghỉ, hưởng là không bệnh.

Lại nữa, Phật vì độ chúng sanh nên bỏ cái vui trong thiên định thậm thâm, dùng các loại thân, các loại ngữ ngôn, các loại phương tiện để độ thoát chúng sanh, có khi đi qua đường hiểm ác, có khi ăn đồ ăn xấu, có khi chịu lạnh, nóng, có khi gặp kẻ tà kiến nạn vắn, miệng dữ máng nhiếc, vẫn nhẫn chịu không chán. Phật, Thế Tôn tuy đã tự tại đối với các pháp, mà hành việc ấy không giải đãi, như Phật độ chúng sanh xong, ở giữa rừng Sa-la nằm dưới cây song thọ. Phạm-chí Tu-bạt-đà-la nói với A-nan: tôi nghe đáng nhất thiết trí, sẽ Niết-bàn đêm nay, tôi muốn gặp Phật. A-nan ngăn lại nói: Phật thuyết pháp cho mọi người, đang mệt lắm.

Phật từ xa nghe tiếng bảo: A-nan để cho ông Tu-bạt-đà vào, đây là đệ tử cuối cùng của Ta.

Tu-bạt-đà được vào, hỏi Phật chỗ nghỉ, Phật theo ý thuyết pháp, Tu-bạt-đà dứt nghỉ, được đạo, nhập Vô dư Niết-bàn trước Phật.

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Thế Tôn rất là hy hữu, cho đến cuối cùng còn thương xót Phạm-chí ngoại đạo, mà cùng nói năng.

Phật dạy: Ta chẳng phải chỉ đời này lúc cuối cùng còn hóa độ, mà đời trước khi chưa đắc đạo, lúc cuối cùng cũng hóa độ. Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ, có rừng cây lớn, có nhiều cảm thú, lửa nội đến đốt cháy, ba phía lửa đỏ, chỉ còn một phía mà lại cách một dòng nước, cảm thú cùng quần bức bách, không nơi

chấn mạng. Ta lúc bấy giờ là con nai thân to sức mạng, lẩy chân trước gác qua một bờ, chân sau chống một bờ, khiến các cầm thú đạp trên lưng mà đi qua, da thịt ta rã hết, vì sức từ bi nên nhẫn chịu cho đến chết, sau chót một con thỏ đi đến, khí lực Ta đã kiệt, tự gắng nỗ lực, khiến nó qua được, qua xong, lưng Ta gãy, rơi xuống nước mà chết. Việc như vậy có từ lâu, chứ chẳng phải chỉ có ngày nay. Những con thú qua trước là các đệ tử hiện nay, còn con thỏ qua cuối cùng là Tu-bạt-đà vậy.

Phật đời đời vui tinh tấn nay vẫn không ngừng, do vậy nên nói tinh tấn không giảm.

Niệm không giảm: Hết thầy trí tuệ tương ưng với pháp của chư Phật ba đời, nên niệm đầy đủ không giảm.

Hỏi: Trước đã nói niệm không lỗi, nay lại nói niệm không giảm. Niệm không lỗi, niệm không giảm là một hay khác? Nếu một thì sao nay còn nói lại, nếu khác thì khác thế nào?

Đáp: Thất niệm là sai lầm, giảm niệm là chẳng kịp. Thất niệm là sai lầm trong các oai nghi cúi ngược đi lại, niệm không giảm là trú trong thiền định thân thông, niệm quá khứ, hiện tại, thông suốt không chướng ngại.

Hỏi: Có sao niệm không giảm chỉ riêng Phật có?

Đáp: Thanh văn, Bích-chi Phật, khéo tu bốn niệm xứ nên niệm được kiên cố, niệm tuy kiên cố nhưng cũng còn giảm thiểu, chướng ngại không thông suốt, như trong đoạn trí lực túc mạng nói: Thanh văn, Bích-chi Phật, niệm về túc mạng thật nhiều trong tám vạn kiếp, đối với rộng lớn thì có giảm, cũng như đối với người kiến đế đạo, không thể mỗi niệm phân biệt, còn Phật ở trong mỗi niệm đều phân biệt rõ ba tướng. Tâm Phật không có một pháp nào đi qua mà không nghĩ nhớ, vì vậy nên chỉ riêng Phật có niệm không giảm.

Lại nữa, trí lực túc mạng theo niệm mà biết, Phật đối với việc ấy có lực, Thanh văn, Bích-chi Phật còn không có niệm lực ấy hướng gì người khác!

Lại nữa, Phật do có nhất thiết trí vô ngại giải thoát thủ hộ niệm, cho nên niệm không giảm. Do các nhân duyên như vậy, Phật có niệm không giảm.

Tuệ không giảm: Phật được hết thầy trí tuệ nên tuệ không giảm. Trí tuệ ba đời vô ngại nên tuệ không giảm.

Lại nữa, mười lục, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại thành tựu, nên niệm không giảm.

Lại nữa, ví như dầu đầy, tim đèn tốt, thời ánh sáng mạnh tỏ, Phật cũng như vậy, dầu *Tam-muội vương các tam-muội thiên định*, tim đèn *niệm trong sạch không giảm*, nên ánh sáng trí tuệ vô lượng không giảm.

Lại nữa, từ sơ phát tâm trong vô lượng, vô số kiếp chứa nhóm hết thấy trí tuệ, thâm tâm vì pháp, đầu mắt tủy não, bỏ hết vật sở hữu trong ngoài mà bố thí, nhảy vào lửa, gieo xuống núi, lột da cắt thân, như vậy không có khổ gì không nhẫn chịu, nhất tâm vì chứa nhóm trí tuệ nên tuệ không giảm.

Lại nữa, trí tuệ của Phật nhờ hết thấy công đức trì giới, thiên định giúp thành, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, đời đời tìm hết thấy kinh sách, pháp đời, pháp Phật, thô tế, thiện bất thiện đều học biết hết, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, từ chỗ mười phương vô lượng chư Phật, nghe pháp, tụng đọc, tư duy, tu tập, vắn nạn, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, vì hết thấy chúng sanh, vì tăng ích hết thấy thiện pháp, phá hết thấy vô minh, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, trí tuệ ấy thật biết tướng các pháp không sanh không diệt, không sạch, không nhơ, không tác, không hành, không phân biệt là trí chẳng phải trí, biết các pháp nhất tướng bình đẳng, thanh tịnh như hư không, không nhiễm, không trước, không dùng hai pháp, nên được pháp tướng bất nhị nhập. Pháp tướng bất nhị nhập vô lượng vô biên, thế nên tuệ không giảm. Các nhân duyên như vậy, tuệ không giảm.

Giải thoát không giảm: Giải thoát có hai: hữu vi giải thoát và vô vi giải thoát. Hữu vi giải thoát là giải thoát tương ứng với trí tuệ vô lậu. Vô vi là giải thoát là hết thấy tập khí phiền não đều dứt hết không còn. Phật đối với hai giải thoát không giảm, vì có sao? Vì Thanh văn, Bích-chi Phật trí tuệ không lớn, không nhạy bén, phiền não không dứt hết, nên trí tuệ có giảm, còn Phật trí tuệ nhạy bén đệ nhất, tập khí phiền não dứt sạch vĩnh viễn không còn, cho nên giải thoát không giảm.

Lại nữa, như trong đoạn lậu tận lực nói, giải thoát của Phật và Thanh văn, có khác nhau. Phật được lực lậu tận nên giải thoát không giảm, nhị thừa không có lực ấy nên giải thoát có giảm.

Giải thoát tri kiến không giảm: Phật đối với các giải thoát, trí tuệ thanh tịnh vô biên vô lượng, gọi là giải thoát tri kiến không giảm.

Hỏi: Phật đối với hết thảy pháp không giảm, cứ sao chỉ trong sáu việc không giảm?

Đáp: Đối với hết thảy việc tự lợi, lợi tha, bốn việc có thể làm cho đầy đủ: **Dục** cội gốc của việc mong cầu hết thảy thiện pháp. **Tinh tấn** khả năng thật hành. **Niệm** khả năng thủ hộ, như người giữ cửa, người thiện cho vào, người ác ngăn lại. **Tueã** soi hết thảy pháp môn, dứt hết thảy phiền não. Dùng bốn pháp ấy, việc được thành tựu.

Quả báo của bốn pháp ấy có hai: 1. Giải thoát. 2. Giải thoát tri kiến. Nghĩa giải thoát như trước đã nói. Còn nghĩa giải thoát tri kiến là dùng giải thoát tri kiến ấy biết hai tướng giải thoát ấy là hữu vi và vô vi giải thoát.

Biết các tướng giải thoát, đó là thời giải thoát, bất thời giải thoát, tuệ giải thoát, câu giải thoát, hoại giải thoát, bất hoại giải thoát, tám giải thoát, bất khả tư nghị giải thoát, vô ngại giải thoát... Phân biệt các tướng giải thoát bền chắc không bền chắc, ấy gọi là giải thoát tri kiến không giảm. Như trong đoạn nói về niệm Phật, Phật thành tựu năm vô lậu uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, trong đây đã có nói rộng.

Hỏi: Giải thoát tri kiến, chỉ nói biết, sao còn nói kiến?

Đáp: Nói biết, nói kiến, sự được bền chắc; ví như hai giây hiệp làm một thời bền chắc.

Lại nữa, nếu chỉ nói biết, thời không thu nhiếp hết thảy tuệ, như Luận tạng nói, Tuệ có ba thứ: có thứ biết chẳng phải thấy, có thứ thấy chẳng phải biết, có thứ cũng thấy cũng biết. Biết chẳng thấy là tận trí, vô sanh trí, trí tương ưng năm thức. Thấy chẳng phải biết là tám nhãn (**Khổ pháp nhãn, tập pháp nhãn, diệt pháp nhãn, đạo pháp nhãn, khổ loại nhãn, tập loại nhãn, diệt loại nhãn, đạo loại nhãn – N.D chú**), thế gian chánh kiến, năm tà kiến. Cũng biết cũng thấy là các tuệ còn lại. Nếu nói biết thời không bao gồm thấy, nếu nói thấy thời không thu nhiếp biết, vì vậy nói tri kiến thời đầy đủ.

Lại nữa, như tụng đọc, phân biệt, trừ lượng theo người gọi là biết, tự mình chứng được gọi là thấy, ví như tai nghe việc ấy, vẫn còn hồ nghi, ấy là biết, chính tự mắt thấy, rõ ràng không nghi, ấy là thấy. Biết và thấy đối với giải thoát cũng sai khác như vậy.

Lại nữa, có người nói: A-la-hán còn nghi đối với giải thoát của chính mình, không thể tự biết rõ là A-la-hán hay chẳng phải là A-la-hán. Phật vì phá tà kiến ấy nên nói các thánh nhân đối với giải thoát cũng biết cũng thấy. Các A-la-hán tuy được giải thoát tri kiến, mà giải thoát trí kiến có giảm vì không được nhất thiết trí, vì không thành tựu trí tuệ căn thượng thượng, vì không phân biệt được biệt tướng các pháp khi sanh khi diệt trong mỗi niệm; còn Phật thành tựu trí tuệ căn thượng thượng, biết biệt tướng các pháp sanh diệt trong mỗi niệm, nên giải thoát tri kiến không giảm.

Lại nữa, thành tựu đầy đủ pháp nhãn thanh tịnh như đã nói ở trong nghĩa pháp nhãn. Biết chúng sanh ấy do cửa *Không giải thoát* vào Niết-bàn, chúng sanh do cửa *Vô tướng giải thoát* vào Niết-bàn, chúng sanh ấy do cửa *Vô tác giải thoát* vào Niết-bàn; biết chúng sanh ấy do cửa *Quán năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới*, do các pháp môn như vậy được giải thoát.

Phật đối với giải thoát tri kiến biết hết biết khắp, thế nên nói. Phật giải thoát tri kiến không giảm.

Hết thân nghiệp, hết thân khẩu nghiệp, hết thân ý nghiệp, hành theo trí tuệ: Phật hết thân, khẩu, ý nghiệp trước biết rồi sau theo chỗ biết mà hành. Thân, khẩu, ý nghiệp của chư Phật, mọi hành động đều lợi ích chúng sanh, cho nên gọi là trước biết rồi sau theo trí tuệ mà hành. Như trong Kinh nói: chư Phật cho đến thở vào thở ra còn lợi ích chúng sanh, hưởng gì thân, khẩu, ý nghiệp cố làm mà không lợi ích? Các chúng sanh oán ác nghe hương khí hơi thở ra vào của Phật, đều được tín tâm thanh tịnh, ưa vui nơi Phật: chư thiên nghe hương khí hơi thở của Phật cũng đều bỏ năm dục, mà phát tâm tu thiện. Do vậy, nói thân, khẩu, ý nghiệp hành theo trí tuệ. Thanh văn, Bích-chi Phật không có việc ấy. Tâm cố làm thiện rồi sau thân, khẩu nghiệp mới thiện, mà ý nghiệp có khi vô ký, không theo trí tuệ mà tự sanh, hưởng gì người khác, như Tỳ-kheo Kiều-phạm-ba-đề tuy chứng được A-la-hán mà tự nhả đồ ăn rồi nhai lại; nghiệp ấy không theo trí tuệ.

Lại như Tỳ-kheo A-la-hán Ma-đầu Ba-tư-đà nhảy trên xà nhà, gác, trên vách, cây.

Lại như Tỳ-kheo Tát-lăng-già-bà-ta mắng nữ thần sông Hằng rằng “Con bé”. Như vậy là thân khẩu nghiệp trước không có trí tuệ cũng không theo trí tuệ mà hành. Phật không có việc ấy.

Hỏi: Nếu như vậy sao Phật có khi thân khẩu nghiệp in tuồng không theo trí tuệ hành, vì sao? Vì là khi Phật vào trong chúng ngoại đạo thuyết pháp mà họ đều không tin thọ?

Lại có lần Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp, bày ngược cho Ni-kiền-tử thấy? Lại vì một người nghi không thấy hai tướng mà Phật ở giữa đại chúng bày tướng lười và tướng âm tàng? Lại mắng các đệ tử, các người là người ngu cuồng! mắng Đề-bà-đạt-đa người là người cuồng, người chết, người nhỏ mửa! Phật kết giới không cho phép giữ tám thứ bình bát, chỉ cho Tỳ-kheo dùng hai thứ bình bát hoặc bằng sành hoặc bằng thiết, mà Phật lại tự dùng bát đá? Có khi ngoại đạo nạn vấn, Phật im lặng không trả lời?

Lại Phật ở chỗ này nói hữu ngã, chỗ kia nói vô ngã; chỗ này nói các pháp có, chỗ kia nói các pháp không. Như vậy thân khẩu nghiệp của Phật in tuồng không theo trí tuệ mà hành. Thân khẩu nghiệp không lìa ý nghiệp, ý nghiệp cũng phải có khi không theo trí tuệ hành, vậy có sao nói Phật thường theo trí tuệ hành?

Đáp: Nói như vậy không đúng. Đối với các việc ấy đều trước có trí tuệ, rồi sau các nghiệp theo trí tuệ mà hành, vì có sao? Vì Phật vào giữa chúng ngoại đạo, tuy biết đời này họ không tin không thọ, mà vì để gieo nhân duyên lớn cho đời sau. Lại để ngăn ngoại đạo phỉ báng nói Phật tự cao mạng, vì vậy Phật tự đi vào trong chúng đó. Lại ngoại đạo nói: Phật tự nói có tâm đại bi tế độ khắp tất cả, mà chỉ vì bốn chúng thuyết pháp, còn chúng ta đây cũng là người xuất gia cầu đạo mà không thuyết cho! Lại như trong kinh Bát-nhã này nói: Phật đi đến giữa chúng ngoại đạo thuyết pháp, họ không nói là không tin thọ. Phật từ xa trông thấy ngoại đạo đại hội, lớn tiếng luận nghị, định đến nơi khác, lại quay trở lại đi vào đây. Các luận nghị sư từ xa thấy Phật đi đến, tự mình nói với nhau rằng: các người hãy im lặng! Phật là người ưa tịch tịnh, thấy các người im lặng, Ngài có thể đến đây.

Cả chúng liền im lặng. Phật đi vào giữa chúng ấy thuyết ba đế cho Bà-la-môn, chúng ngoại đạo đều im lặng. Phật nghĩ rằng bọn người cuồng bị ác ma che lấp, pháp này vi diệu, mà cho đến không có một người thử làm đệ tử. Nghĩ vậy, rồi từ tòa đứng dậy đi, những người ấy thoát khỏi ma che, liền tự nghĩ: chúng ta được nghe pháp mâu, tại sao không lấy làm tự lợi, liền cùng đi đến chỗ Phật, làm đệ tử Phật, đắc đạo, lìa khổ.

Lại nữa, đệ tử ngoại đạo lo sợ thầy họ, nên không dám đến Phật, cho nên Phật tự đi vào giữa chúng ấy thuyết pháp, họ được nghe pháp tin thọ kiên cố, không

còn la sợ thầy họ, lại được làm đệ tử Phật, hoặc đắc dầu đạo. Có các nhân duyên trí tuệ như vậy, nên đi vào chúng ngoại đạo.

Lại nữa, Tát-giá-kỳ-ni-kiền-tử lấy lá đồng bịt bụng, tự thề rằng: không có người nào bị ta nạn vấn mà không toát mồ hôi bại hoại. Voi lớn cho đến cỏ cây sành đá, nghe tiếng nạn vấn của ta cũng đều toát mồ hôi! Thề như vậy rồi đi đến chỗ Phật; luận nghị với Phật. Phật gạn hỏi, đều không đáp được, mồ hôi đổ xuống đất, cả mình như ngâm. Phật bảo Ni-kiền, trước ông thề rằng, không người nào nghe ta nạn vấn mà không đổ mồ hôi, nay chính ông đổ mồ hôi xuống đất. Ông thử xem Phật, thấy có mồ hôi chẳng? Khi ấy Phật cười y Uất-đa-la-tăng chỉ cho ông và hỏi: mồ hôi chỗ nào?

Lại nữa, có người nói, hoặc có người đầu đổ mồ hôi thân không đổ mồ hôi, Phật tuy đầu không đổ mồ hôi mà thân chắc có mồ hôi, vì vậy Phật cười y Uất-đa-la-tăng bày thân ra, nhân đó ngoại đạo rất tin tưởng Phật, đều vào trong Phật pháp, ấy là nhân duyên trí tuệ, thân nghiệp hành theo.

Phật bày tướng lưỡi, tướng âm tàng là vì có người nghi hai tướng ấy nơi thân Phật, mà người ấy là người có thể đắc đạo, chỉ vì nghi nên không đắc, vì vậy Phật bày hai tướng cho thấy. Lè lưỡi ra phủ cả mặt, lưỡi tuy lớn mà trở vào trong miệng cũng không chướng ngại, người ấy thấy rồi hết nghi. Có người thấy tướng lưỡi lè ra, hoặc sanh tâm khinh mạn, lè lưỡi như con nít, khi thấy lưỡi trở vào miệng mà thuyết pháp không bị trở ngại, liền khởi tâm cung kính, khen chưa từng có.

Có người nghi tướng âm tàng của Phật không hiện. Bảy giờ Thế Tôn hóa làm voi báu, ngựa báu; có tướng âm tàng, chỉ cho thấy và nói: tướng âm tàng của Phật không hiện, cũng giống như vậy. Có người nói, Phật bày tướng âm tàng, chỉ cho một người thấy để dứt nghi của họ. Các luận nghị sư nói: Phật có tâm đại từ bi, nếu có người do thấy tướng âm tàng của Phật mà có thể chứa nhóm thiện căn, phát tâm đại Bồ-đề và sanh tâm rất vui mừng tín kính, thì Phật đều làm cho được thấy, dứt nghi tâm của họ, ngoài ra không ai được thấy!

Phật vì tâm đại bi độ chúng sanh nên đối ba hạng người trên tạm bày ra cho họ thấy nhanh như điện chớp, các chúng sanh ấy thấy rồi, tin Phật có tâm đại bi, chứ Phật đối với giới pháp Phật không thủ không đấm trước. Do nhân duyên như vậy nên hiện bày hai tướng, chứ chẳng phải đùa cợt, chẳng phải không biết hổ.

Phật nói lời gay gắt với các Tỳ-kheo: các ông là người ngu cuồng. Lời gay gắt có hai loại: 1. Tâm ô cấu sân giận mắng nhiếc. 2. Vì thương xót chúng sanh muốn giáo hóa.

Người ly dục còn không có tâm ô cấu sân giận mắng nhiếc, huống gì Phật! Phật vì thương xót giáo hóa nên nói lời gay gắt. Có chúng sanh nghe lời giáo huấn êm dịu hiền lành không đưa vào khuôn phép đạo được, phải nói lời gay gắt thô kịch mới đưa vào đạo được. Như ngựa hay thấy bóng roi liền chạy, còn lừa ngu phải quát đau mới đi; cũng như có thứ ghê được thuốc êm dịu, phun thoa liền lành, có thứ ghê phải lấy dao xẻ lấy thịt thúi ra, xúc thuốc dũ mới lành.

Lại nữa, lời gay gắt có năm: 1. Nói thêu dệt. 2. Miệng nói dũ và cũng thêu dệt. 3. Miệng nói dũ và cũng thêu dệt, vọng ngữ. 5. Tâm không phiền não mà nói lời gay gắt để giáo hóa đệ tử, phân biệt đều thiện bất thiện, kéo chúng sanh ra khỏi đất khổ nạn. Đủ bốn thứ ác ngữ tội rất nặng. Àc ngữ thứ ba, hai, một tội nhỏ nhẹ lần. Hàng cư sĩ đệ tử Phật chứng đắc đạo quả thứ nhất, thứ nhì sai khiến nô tỳ với lời nói ác, chẳng phải là đạo bất thiện.

Nhiếp luật nghi có hai thứ: hoặc nói thêu dệt, hoặc nói ác và thêu dệt. A-na-hàm, A-la-hán, không có phiền não khỏi lời nói ác, chỉ do tịnh tâm, cần nói ác để giáo hóa nên nói ác và nói thêu dệt. A-na-hàm, A-la-hán còn không có phiền não khỏi lời ác huống gì Phật.

Lại nữa, nếu Phật có lời nói gay gắt, không nên nghi, không nên nạn vấn cho là Phật có ác tâm phát ra lời nói gay gắt, vì có sao? Vì ác tâm Phật đã dứt lâu rồi, chỉ vì thân tâm nghĩ tới chúng sanh như cha lành dạy con, tuy có lời gay gắt, cũng vì chỉ thành tựu cho con, chẳng phải là ác tâm. Lúc Phật còn là Bồ-tát, ba độc chưa hết, làm tiên nhân tên là Sần-đề bị vua ác cắt tai, mũi, tay, chân mà không sanh tâm ác, không nói lời ác. Bấy giờ chưa đắc đạo, còn không có ác tâm, huống gì khi được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ba độc đã hết, đầy đủ tâm đại từ bi đối với chúng sanh, sao được nghi Phật có ác tâm, nói lời gay gắt.

Lại nữa, nếu Phật nói người là người ngu cuồng, thì ấy là lời êm dịu, lời nói thật, vì sao? Vì ba độc phát sanh gọi là ngu cuồng, lại đem việc lành làm lợi ích cho mà không khấn chịu, không hiểu ý Phật, không lãnh thọ lời Phật, ấy là ngu cuồng.

Lại nữa, Phật bên trong thường hành trí tuệ vô ngã, bên ngoài thường quán các pháp không, như vậy thì làm sao có ác khẩu? Đó chỉ do chúng sanh không hiểu

tâm Phật, nên tìm chỗ đỡ nơi lời nói của Phật, nếu chúng sanh hiểu Phật lấy tâm thương xót, thời giả sử Phật khiến nhảy vào lửa lớn liền hoan hỷ nhảy vào, như người bị nóng bức nhảy vào ao nước mát, hưởng gì Phật chỉ nói mà không chịu lãnh thọ. Chúng sanh bị ác ma che lấp không biết, nên Phật đem tâm nghĩ tới, mà không lãnh thọ lời Phật. Vì vậy, Phật nói người là người ngu cuồng.

Lại nữa, có người nghe lời nói gay gắt thì vui mừng nói: vì thương ta nên nói như vậy. Vì vậy, Phật nói người là người ngu cuồng.

Phật nói: Đề-bà-đạt người là người cuồng, người chết, người súc nhỏ. Người cuồng là vì Đề-bà-đạt tội nặng sẽ xa vào địa ngục A-tỳ, cho nên nói ba lời gay gắt. Người chết là tựa như người mà không thể chữa nhóm các điều thiện. Cũng vì Đề-bà-đạt cạo đầu mặt áo pháp, tựa như thánh nhân, mà bên trong không có tuệ mạng, nên gọi là người chết. Như người chết được trang sức đủ thứ mà dần dần tiêu hoại, không thể làm cho sống được, Đề-bà-đạt cũng như vậy. Phật ngày ngày giáo hóa cho đủ cách mà ác tâm càng mạnh, pháp ác bất thiện ngày càng tăng, cho đến gây ba tội nghịch, vì vậy nên gọi là người chết. Người súc nhỏ là vì Đề-bà-đạt tham lợi dưỡng mà hóa làm đứa trẻ nít thân trời, ở trong tay ôm của vua A-xà-thế, vua than miệng ông thúì, nên nhỏ nước miếng bảo súc miệng. Vì vậy gọi là người súc nhỏ.

Hỏi: Đề-bà-đạt đã được thiên định, đã lìa dục, có sao còn súc miệng bằng nước miếng của người khác?

Đáp: Người ấy ác tâm cũng sâu, căn kia cũng nhạy bén, lìa dục cho nên có thể biến hóa, khi súc nước miếng liền mất, vì căn nhạy bén nên khi tìm lại liền được, vì vậy nên gọi là người súc nhỏ. Nghĩa cuồng như đoạn trước đã nói.

Lại nữa, vì Đề-bà-đạt bạch Phật: Phật đã già yếu, thường ưa nhàn tịnh, Ngài có thể vào rừng tự vui, Tăng chúng có thể giao cho tôi. Phật nói: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... có trí tuệ lớn, là người hiền thiện, nhu hòa, thanh tịnh, Ta còn không cho nhiếp Tăng, hưởng gì người là người cuồng, người chết, người súc nhỏ.

Có các nhân duyên như vậy, Phật đối với các pháp tuy không nhiếp trước mà vì giáo hóa nên nói lời gay gắt.

Phật không cho Tỳ-kheo dùng tám thứ bình bát: Những bát châu báu vàng, bạc... vì vật báu bị người tham, khó kiếm được, sanh tham đắm, nên không cho cất giữ bảo vật đó, cho đến không được lấy tay cầm, cũng không được cất giữ

các danh bảo, nếu có làm phép tịnh thí, thời được dùng, vì giá trị không còn quý. Bát gỗ dùng để sanh cấu bần, bất tịnh nên không cho dùng. Ba thứ bát khác (sành, thiết, đá) không có các việc như vậy.

Hỏi: Bát sành, thiết cũng dễ bị cấu bần không khác bát gỗ, tại sao cho phép dùng?

Đáp: Bát sành, thiết, nếu không hun khói cũng không được phép dùng, do hun khói nên không bị cấu bần. Bát đá có thô, tế. Đá mịn láng cũng không bị cấu bần cho nên Thế Tôn tự dùng, nhưng Phật không cho Tỳ-kheo dùng vì nó nặng, sức của Phật hơn vạn voi trắng, nên không cho là nặng. Vì thương các Tỳ-kheo nên không cho phép dùng.

Hỏi: Thị giả La-đà, Du-thiện-ca, Tu-na-sát-la-đa, Na-già-ta-bà-la, A-nan... thường hầu Phật bưng bình bát, có sao Phật không thương xót?

Đáp: Các thị giả tuy bưng bát của Phật, song vì oai đức của Phật và vì tâm cung kính tôn trọng Phật, nên không biết nặng. Lại, thân lực A-nan cũng to lớn.

Lại nữa, vì bát đá mịn láng khó kiếm được, còn thô xám thì bị dính cấu bần, nên không cho phép dùng.

Bát đá của Phật tự nhiên sanh ở bốn chót núi của bốn vua trời, các người khác không có bát tự nhiên ấy, nếu tìm cho có để làm rất khó, bị trở ngại mất công nhiều, nên Phật không cho phép dùng.

Lại muốn cho bát của Phật khác với đệ tử, nên Phật dùng bát đá.

Lại như quốc vương, được mọi người tôn trọng, thì đồ dùng để ăn cũng khác. Có người thấy bát của Phật khác với bát người khác, càng thêm tôn trọng cúng dường, sanh tín tâm thanh tịnh.

Hỏi: Nếu bình bát đã phải khác có sao y lại đồng?

Đáp: Y của Phật cũng khác. Khi Phật mới thành đạo, biết y của Phật Ca-diếp, thích hợp với Phật mang. Y của Phật Ca-diếp giá trị mười vạn lượng vàng. Sau đó lương y Kỳ-vức (Jivaka) dâng cho Phật cái y Thâm-ma-căn-kiết-bá cũng giá trị mười vạn lượng vàng. Phật dạy A-nan đem y ấy cắt may thành y Tăng-già-lê. May xong Phật nhận mang, ấy là khác.

Hỏi: Phật nhân đó bảo các Tỳ-kheo, từ nay có vị Tỳ-kheo nào nhất tâm cầu Niết-bàn, trái bỏ thế gian, nếu muốn mặc y giá trị mười vạn lượng vàng, cũng cho

phép ăn đồ ăn trăm vị. Đồ ăn khác, y mặc khác mà sau cho phép, sao riêng bình bát không cho phép?

Đáp: Trước tôi đã nói nhân duyên về bát đá, nay nói thêm: Bát của Phật không thọ nhận từ người. Khi Phật mới Thành đạo, muốn ăn cần đồ đựng, bốn vua trời biết tâm niệm Phật, đem bốn bình bát dâng Phật. Phép của Phật ba đời đều dùng bình bát của bốn vua trời, lúc bấy giờ chưa có chúng tăng, làm sao nói cho phép, về sau nếu cho phép, lại không ai cúng cho bát đá. Lại cõi Diêm-phù-đề không ưa bát đá, cho nên không ai cúng cho.

Lại nữa, Phật dạy Tỳ-kheo thường nên che dấu công đức, nếu thọ nhận bát đá, người đời sẽ nói bát ấy từ trời rỗng mà có được, nếu bảo người làm thì công phu quá khó. Lại sợ người ta nói Tỳ-kheo này muốn ngang công với Phật, vì vậy Phật không cho phép. Còn y, hoặc có người nói Phật ở giữa Tăng thọ nhận y tốt của đàn-việt để mặc riêng mà không cho Tỳ-kheo mặc, vì vậy Phật cho phép mặc. Nhưng Tỳ-kheo cũng tự không mặc, vì người thí khó có nên người mặc khó được. Nếu Tỳ-kheo không thanh tịnh thời người ta không cúng, nếu Tỳ-kheo thanh tịnh thì ít muốn, biết đủ, nên không mặc. Phật dứt nghi hoặc của người, nên cho phép mặc y, còn đối bình bát thì không có mong, nên không cho phép dùng.

Hỏi: Như trong kinh nói: Phật Kim cang thân, không nhờ cậy ăn, thì cần gì giữ bát?

Đáp: Phật pháp có hai đạo: 1. Thanh văn đạo. 2. Phật đạo.

Theo pháp Thanh văn, Phật tùy theo cách thức thường lệ của con người có sự ăn dùng, còn theo pháp Đại thừa, phương tiện vì người, nên thị hiện có ăn, mà kỳ thật không ăn.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Phật muốn độ người nên thị hiện làm theo cách thức con người, nếu không như vậy, người ta sẽ nói: Phật chẳng phải người, chúng ta làm sao thực hành được pháp của Phật.

Lại nữa, có người nhân bố thí mà đắc độ, vì hạng người ấy nên Phật thọ nhận đồ ăn của họ, họ liền nghĩ rằng: Đồ ăn của chúng ta giúp ích thân Phật, nên tâm họ rất hoan hỷ, do tâm hoan hỷ mà tín thọ lời Phật dạy, như đại quốc vương được hạ thần mời ăn, vua tuy không cần, nhưng vì thâm nhiếp người ấy mà ăn ít nhiều, để cho họ hoan hỷ. Do các nhân duyên như vậy, Phật thị hiện thọ thực.

Hỏi: Nếu Phật không ăn thì vật Phật lãnh thọ để ở chỗ nào?

Đáp: Phật sự bất khả tư nghì, không nên hỏi.

Lại nữa, có người được đồ ăn của Phật mà đắc độ, có Thanh văn thấy sắc, chạm thân, nghe hương mà đắc độ. Người cần đồ ăn mà đắc độ thì Phật lấy đồ ăn cho. Như trong kinh Mật Tích Kim cang nói: Phật lấy đồ ăn để trong miệng, đưa cho vị trời cầu Phật đạo, đem đến mười phương thí.

Hỏi: Nếu như vậy, trong đoạn nói về **Niệm Tăng** trước kia đã nói, đồ ăn của Phật không có chúng sanh nào có thể ăn, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Phật không cho thì không ai có thể ăn, nay Phật cho nên được ăn, vì sao biết? Khi Phật ăn mã mạch, đưa đồ ăn cho A-nan, có Sa-môn Nhị-thập-ức dâng canh ngon cho Phật, Phật lấy canh thừa cho vua Tần-bà-ta-la, do vậy nên biết Phật thọ dụng rồi đem cho thời được ăn, không cho thời không thể tiêu hóa được.

Lại nữa, vì Phật mà thiết đặt đồ ăn, Phật chưa ăn, người khác ăn không tiêu hóa được, đồ ăn thừa Phật cho ăn thời tiêu hóa được. Vì vậy, nên tuy thật Phật không ăn, mà vì độ người, nên thị hiện thọ thực, cất bình bát.

Phật không đáp mười bốn nạn vấn: Phật có 4 cách đáp: 1. Đáp bằng cách quyết định chắc chắn. 2. Đáp bằng cách phân biệt nghĩa lý rõ ràng. 3. Đáp bằng cách hỏi ngược lại. 4. Đáp bằng cách bỏ qua. Mười bốn nạn vấn ấy, đúng phép nên đáp bằng cách bỏ qua.

Lại nếu có việc lợi ích thời đáp. Ngoại đạo hỏi không phải vì Niết-bàn, chỉ tăng trưởng nghi hoặc, cho nên Phật dùng lối đáp bằng cách bỏ qua. Biết chắc việc có ích thời phân biệt rõ ràng đáp; còn không có ích thì bỏ qua không đáp. Do nhân duyên ấy, biết Phật là bậc nhất thiết trí.

Lại nữa, nếu Phật nói ba loại pháp là pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp bất khả thuyết, thế là đã nói hết thủy pháp.

Lại nữa, các ngoại đạo ấy, nương dựa thường kiến, nương dựa đoạn diệt kiến, nên hỏi thường, hỏi đoạn diệt. Thật tướng không có thường, đoạn, nên Phật không đáp. Như ngoại đạo thấy thường, không có việc ấy, vì có sao? Chỉ vì ngoại đạo thủ tướng nên vướng vào thường, đoạn, còn Phật tuy nói thường, nói vô thường, chỉ vì để đối trị mà dùng thôi.

Lại nữa, nếu người nói không là có, có là không, người như vậy là tội lỗi. Phật không đáp thời không lỗi, như mặt trời chiếu thiên hạ, không thể làm cho chỗ cao thành thấp, thấp thành cao, chỉ có làm cho hiển hiện mà thôi. Phật cũng như vậy, không làm gì khác đối với các pháp, các pháp có thời nói có, không thời nói không, như nói: sanh làm nhân duyên cho già, chết, cho đến vô minh làm nhân duyên cho hành; có Phật không Phật, pháp nhân duyên ấy tương tục thường ở thế gian. Chư Phật ra đời, vì chúng sanh chỉ bày pháp ấy cho thấy.

Lại nữa, nếu đáp thường hay đoạn đều có lỗi, như hỏi đứa con của con gái đá, con của kẻ hoàng môn là cao hay thấp, đen hay trắng, loại gì? Những câu hỏi ấy không nên đáp. Mười bốn nạn vẫn cũng như vậy, chỉ lấy thường, đoạn làm gốc để hỏi. Vì thật tướng không thường không đoạn nên Phật không đáp.

Do các nhân duyên như vậy, Phật không đáp mười bốn nạn vẫn, không lỗi.

Phật ở nhiều nơi nói có ngã, nhiều nơi nói không ngã: Nếu với người hiểu nghĩa Phật pháp, biết giả danh, thời nói có ngã, nếu với người không hiểu nghĩa Phật pháp không biết giả danh, thời nói không ngã.

Lại nữa, Phật vì chúng sanh sắp đọa vào đoạn diệt kiến, thời nói có ngã chịu quả báo tội phước đời sau. Nếu người sắp đọa vào thường kiến, thời vì họ nói không có ngã, không có người làm, không có người chịu, lìa năm uẩn giả danh, thì không có một pháp gì tự tại.

Hỏi: Nếu như vậy, thì những gì là thật?

Đáp: Vô ngã là thật. Như trong ba pháp ấn nói: hết thấy hành (tác pháp) vô thường, hết thấy pháp vô ngã, tịch diệt là Niết-bàn an ổn. Pháp ấn là thật tướng các pháp. Nếu người thiện căn chưa thuần thực, trí tuệ không lanh lợi, Phật không nói pháp vô ngã thâm sâu cho họ. Nếu nói họ liền đọa vào trong đoạn diệt kiến.

Hỏi: Nếu như vậy, như trong lời Ca-diếp hỏi, Phật nói ngã là một bên, vô ngã là một bên, lìa hai bên ấy là trung đạo, sao nay nói vô ngã là thật, có ngã là phương tiện nói?

Đáp: Nói vô ngã có hai: 1. Chấp thủ tướng vô ngã, dính mắc vô ngã. 2. Phá ngã không chấp thủ vô ngã, cũng không dính mắc vô ngã, tự nhiên lìa bỏ. Như vậy trước nói vô ngã là một bên, sau nói vô ngã là trung đạo.

Lại nữa, Phật nói hữu ngã vô ngã có hai nhân duyên: 1. Dùng theo thể tục thì nói hữu ngã. 2. Dùng theo đệ nhất thật tướng thì nói vô ngã. Như vậy, nói hữu ngã, vô ngã không lỗi.

Phật ở nhiều nơi nói các pháp có, ở nhiều nơi nói các pháp không: Hỏi: Không nên nói riêng các pháp có, không, vì có tức là có ngã, không tức là không ngã, sao còn nói lại?

Đáp: Không phải vậy. Phật pháp có hai thứ không: 1. Chúng sanh không. 2. Pháp không. Nói vô ngã là nói chúng sanh không. Nói không có pháp ngã sở là chỉ pháp không. Nói có ngã là chỉ cho biết có tướng giả danh, đối người không chấp trước ngã nói có ngã, đối người chấp trước ngã tướng trong năm uẩn, vì phá cái chấp trước ngã đó nên chỉ nói có năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt Niết-bàn ấy gọi là có.

Lại nữa, có hai thứ đoạn kiến: 1. Vì hạng tà kiến cho rằng không có thọ quả báo tội phước khổ, vui đời sau, nên nói có ngã từ đời này đến đời sau thọ quả báo tội phước. 2. Vì hạng tà kiến chấp trước hết thầy trống không, hư vô, mà nói có hết thầy pháp. Đó là pháp hữu vi, vô vi.

Lại nữa, đối chúng sanh căn không lanh lợi lắm thì nói vô ngã, đối chúng sanh căn lanh lợi, trí tuệ sâu xa thì nói các pháp rốt ráo không, vì có sao? Vì nếu vô ngã thời bỏ hết các pháp, như kệ nói:

“Nếu rõ biết vô ngã,

Có người như thế ấy,

Nghe có pháp không mừng,

Nghe không pháp không lo”.

Nói ngã là chỗ nương của hết thầy pháp, nếu nói vô ngã là, hết thầy không có chỗ nương.

Lại nữa, Phật pháp có hai cách nói: nếu nói rõ ràng thời nói hết thầy pháp không, nếu phương tiện nói, thời nói vô ngã. Hai cách thuyết pháp ấy đều đưa vào Bát-nhã ba-la-mật. Vì vậy trong Kinh Phật nói: con đường đi đến Niết-bàn đều chung một hướng, không có nẻo khác.

Lại nữa, có ngã có pháp, phần nhiều nói cho người tại gia, có cha mẹ, có nghiệp báo tội phước lớn nhỏ, vì người tại gia phần nhiều không cầu Niết-bàn, nên đấm

trước nơi quả báo đời sau. Đối người xuất gia, phần nhiều nói vô ngã vô pháp, vì người xuất gia phần nhiều hướng đến Niết-bàn. Người cầu Niết-bàn thì không thọ lãnh hết thủy pháp, tự nhiên tịch diệt ấy là Niết-bàn.

Lại nữa, có người chưa thành thực các căn tín... trước cầu được những điều có tướng, vậy sau mới xả. Vì hạng người đó Phật dạy làm các thiện pháp, bỏ các việc ác. Những người đó đã thành thực các căn tín... đối với các pháp họ không cầu được điều có tướng mà chỉ cầu đạo xa lìa sanh tử. Vì hạng người đó Phật nói các pháp là không, vô sở hữu. Hai việc đó đều thật, như ngón tay vô danh cũng dài cũng ngắn, so với ngón tay giữa thì ngắn; so với ngón tay út thì dài, dài ngắn đều thật, nói có nói không cũng như vậy. Nói có, có khi là thế tục, có khi là đệ nhất nghĩa; nói không, có khi là thế tục, có khi là đệ nhất nghĩa. Phật nói có ngã, không ngã, đều là thật.

Hỏi: Nếu hai việc ấy đều thật, tại sao Phật phần nhiều tán thán không mà hủy báng có?

Đáp: Không, vô sở hữu, là pháp tạng của mười phương hết thủy chư Phật, hiền thánh. Như trong phẩm Chúc lụy của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Bát-nhã ba-la-mật là pháp tạng của chư Phật ba đời, mười phương. Bát-nhã ba-la-mật tức là không vô sở hữu. Có khi Phật nói có, để giáo hóa chúng sanh, lâu về sau đều sẽ vào trong pháp tạng Vô sở hữu.

Hỏi: Nếu như vậy, sao trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Nếu quán năm uẩn không vô sở hữu, chẳng phải là đạo?

Đáp: Trong kinh Bát-nhã ba-la-mật ấy nói: có và không đều không. Như trong kinh Trường Trảo Phạm-chí nói có ba thứ tà kiến: 1. Hết thủy có. 2. Hết thủy không. 3. Nửa có nửa không.

Phật bảo Phạm-chí Trường Trảo rằng: hết thủy hữu kiến là bị dục nhiễm, bị sân nhuế, ngu si trói buộc. Hết thủy vô kiến, là không nhiễm, không sân, không si, không đắm, không buộc. Nửa có nửa không, có thời đồng bị buộc như trên, không thời đồng không bị buộc như trên. Đối ba thứ kiến ấy, thánh đệ tử nghĩ rằng: nếu ta chấp thọ hết thủy hữu kiến, thời cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng người chấp hết thủy không và hạng người chấp nửa có nửa không. Nếu ta chấp thọ hết thủy vô kiến, cũng cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng người chấp hết thủy có và hạng người chấp nửa có nửa không. Nếu ta chấp thọ nửa có nửa không, cũng cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng người chấp hết thủy không và hạng người chấp hết thủy có. Vì đấu tranh nên phải

báng nhau, vì phỉ báng nhau nên gây phiền não. Vì thấy sự đấu tranh phiền não ấy nên bỏ vô kiến ấy, và các kiến khác cũng không chấp thọ, không chấp thọ nên liền được vào đạo.

Nếu không chấp trước hết thảy các pháp không, thời tâm không nổi lên đấu tranh, chỉ dứt trừ kiết sử, ấy gọi là thật trí. Nếu chấp thủ tướng không của các pháp, thời nổi lên đấu tránh, không diệt được các kiết sử, nương dựa trí tuệ ấy, là chẳng phải thật trí. Như Phật nói: vì độ chúng sanh cho nên có nói pháp, tất cả đều thật, chỉ vì chúng sanh đối với pháp ấy có chấp trước không chấp trước nên có thật với không thật.

Do các nhân duyên như vậy, thân, khẩu, ý nghiệp của Phật không có tội lỗi. Thế nên nói Phật thân, khẩu, ý trước đã biết rõ, vậy sau theo trí tuệ đó mà hành.

Hỏi: Lúc đầu nói Phật thân không lỗi, miệng không lỗi, ý không lỗi, nay lại nói thân khẩu ý theo trí tuệ mà hành, có nghĩa gì sai khác?

Đáp: Trước nói ba thứ không lỗi, không nói đến nhân duyên, nay nói nhân duyên vì theo trí tuệ mà hành nên không lỗi; nếu trước không trừ lượng mà khởi lên thân khẩu ý nghiệp thời có lỗi. Phật trước dùng trí tuệ khởi thân, khẩu, ý nghiệp nên không lỗi.

Lại nữa, Phật thành tựu ba thứ tịnh nghiệp; ba thứ tịch tịnh nghiệp, ba thứ bất hộ nghiệp.

Có người nghi nói: nhân duyên gì Phật thành tựu nghiệp như vậy? Vì vậy nên Phật nói: Ta hết thảy thân, khẩu, ý nghiệp trước do trí tuệ, vậy sau theo trí tuệ đó mà hành.

Phật lấy trí tuệ biết quá khứ, vị lai, hiện tại, thông suốt không chướng ngại: Ba thứ trí tuệ ấy đối với ba đời thông suốt không chướng ngại, nên ba nghiệp theo trí tuệ mà hành.

Hỏi: Các pháp quá khứ đã diệt đã tận, không còn có gì; các pháp vị lai hiện chẳng đến chẳng sanh, chưa hòa hợp; các pháp hiện tại, cho đến trong một niệm cũng không có lúc trụ lại, làm sao mà có thể biết ba đời thông suốt không chướng ngại?

Đáp: Phật nói quá khứ, vị lai, hiện tại, thông suốt không chướng ngại, lời nói đó đâu phải hư dối.

Lại nữa, nếu không có quá khứ, vị lai, chỉ có khoảnh khắc một niệm trong hiện tại, thời Phật cũng không thành tựu được vô lượng công đức. Như mười trí là mười lực, khi ấy cũng không thể một tâm có mười trí được. Nếu như vậy, Phật cũng không được đầy đủ mười lực. Do nhân duyên ấy, biết có quá khứ, vị lai.

Hỏi: Nếu quá khứ, vị lai, hiện tại đều có, vậy thế nào là không? Phật nói Bốn đế, về khổ đế quán tướng vô thường... vô thường là sanh diệt, bại hoại, bất khả đắc. Nếu pháp quá khứ nay thật có thời không gọi là vô thường, bại hoại, bất khả đắc.

Lại nữa, nếu quá khứ, vị lai, hiện tại đều có, thì đọa vào thường kiến, vì sao? Vì Pháp ấy chắc chắn sẵn có ở trong vị lai, chuyển từ vị lai đến hiện tại, từ hiện tại chuyển vào quá khứ, như người từ một phòng đi vào một phòng, không gọi là mất người?

Đáp: Nếu không mất, có lỗi gì?

Hỏi: Nếu không vô thường, thời không tội không phước, không sanh không tử, không trói không mở. Tội là mười nghiệp đạo bất thiện-sát... nếu không vô thường, thời không có tội sát. Như trong đoạn phân biệt tà kiến nói, lưỡi dao đi qua giữa bảy phần của thân (*Phái ngoại đạo Pakudha chủ trương bảy yếu tố: đất, nước, gió, không, khổ vui, linh hồn, hợp thành thân. Bảy yếu tố độc lập với nhau – ND*), không gây nhiễu hại. Phước là mười nghiệp đạo thiện, bất sát... vô thường là phân biệt sanh tử, nếu không vô thường thời cũng không có sanh tử, cũng không trói, không mở, như vậy sai lầm vô cùng?

Đáp: Các pháp trong ba đời đều có tướng riêng, pháp quá khứ có tướng quá khứ, pháp vị lai có tướng vị lai, pháp hiện tại có tướng hiện tại. Nếu pháp quá khứ, vị lai mà có tướng hiện tại, thì nên có lời nạn vấn ấy. Nay quá khứ, vị lai, hiện tại đều có tướng riêng.

Lại nữa, nếu thật không có quá khứ, vị lai thời cũng không có luật nghi xuất gia, vì có sao? Vì nếu hiện tại trụ trong ác tâm, quá khứ lại không có thọ giới, ấy là chẳng phải Tỳ-kheo.

Lại tâm bậc hiền thánh ở trong thế tục, khi ấy lẽ đáng phải là phạm phu; vì không có đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Như vậy cũng không có tội ngũ nghịch (*giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm tổn thương thân Phật, phá hòa hợp Tăng – ND*), vì có sao? Vì tội nghiệp ngũ nghịch đã qua đi, khi người chết đã vào địa ngục, tội ngũ nghịch ấy ở vị lai không có nghiệp nên không có báo, còn thân hiện tại

không làm tội nghịch. Nếu không có quá khứ thì không có tội nghịch, nếu không có tội nghịch, thì đâu có tội khác. Phước cũng như vậy, nếu không tội phước, ấy là tà kiến, khác gì cầm thú!

Lại nữa, ta không nói quá khứ, vị lai có như tướng hiện tại có, ta nói quá khứ tuy diệt mà có thể nhớ tưởng, phát sanh tâm tâm số pháp, như lửa tắt ngày qua, ngày nay có thể nhớ tưởng lại, không thể nói vì nhớ tưởng tới được cho nên lửa liền có. Hoặc thấy chất củi cũng sanh tâm tưởng nhớ biết sẽ đốt lửa. Lửa ngày mai như lửa đã qua, không thể vì nay có tâm nghĩ tới lửa mà lửa liền có. Các việc vị lai cũng như vậy. Tâm hiện tại, tuy không trụ lại trong một niệm, song tương tục sanh, cho nên có thể biết các pháp. Bên trong do ý hiện tại làm nhân, bên ngoài do các pháp làm duyên, từ nhân duyên ấy phát sanh ý thức, dùng ý thức tự tại biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, chỉ không tự biết tâm tâm số pháp hiện tại, ngoài ra đều biết được.

Hỏi: Trong phẩm Như tướng của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: ba đời chỉ một tướng, đó là vô tướng, tại sao nói trí tuệ Phật biết ba đời thông suốt không chướng ngại?

Đáp: Chư Phật có hai lối thuyết pháp: trước phân biệt các pháp, sau nói rốt ráo không. Nếu nói các pháp ba đời, thông suốt không chướng ngại, ấy là phân biệt nói, nếu nói ba đời một tướng vô tướng, ấy là nói rốt ráo không.

Lại nữa, chẳng phải bậc nhất thiết trí, đối với ba đời trí tuệ có ngại, cho đến các bậc hiền thánh Quán Thế Âm, Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc, Xá-lợi-phất đối với ba đời trí tuệ đều có chướng ngại. Do nhân duyên ấy, nói trí tuệ của Phật đối với ba đời thông suốt không chướng ngại, không vì vô sự mà nói.

Lại nữa, có người đối với ba đời sanh tà kiến, cho rằng pháp quá khứ và chúng sanh có ban đầu, không có ban đầu. Nếu có ban đầu thì có chúng sanh mới sanh. Các pháp cũng không nhân không duyên mà sanh. Nếu không ban đầu thì cũng không cuối cùng. Nếu không ban đầu, không cuối cùng thì đoạn giữa cũng không. Có ban đầu là có giữa, có sau, không có trước; có cuối cùng là có đầu, có giữa, không có sau; có giữa là có đầu có sau. Nếu chúng sanh và các pháp không có ban đầu thì cũng không giữa không sau. Nếu không ba đời, thì hoàn toàn không có gì.

Lại nữa, nếu không có ban đầu, làm sao có bậc Nhất thiết trí? Vì phá các tà kiến như vậy, nên nói các pháp ba đời nhất tướng, đó là vô tướng; chứ không phá trí tuệ về ba đời của Phật.

Hỏi: Vô tướng là hữu biên?

Đáp: Nếu vô tướng tức là vô biên, là pháp không thể nói không thể nạn, làm sao nói là hữu biên.

Nếu trong vô tướng mà chấp thủ tướng, chẳng phải là vô tướng. Vô tướng ấy gọi là bất khả đắc không, trong ấy vô tướng cũng bất khả đắc, không cũng bất khả đắc, thế nên gọi là bất khả đắc không.

Lại nữa, Phật có hai đạo: 1. Phước đức đạo. Có người nghe Phật có mười lục, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, sanh tâm cung kính tin vui. 2. Trí tuệ đạo. Có người nghe nói các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, nên không có tự tánh, liền lìa bỏ các pháp, đối với “không” tâm không chấp trước, như mặt trăng hay làm thắm vật, mặt trời hay làm chín vật, nhờ hai nhân duyên ấy vạn vật được thành. Phước đức và trí tuệ cũng như vậy. Phước đức đạo hay sanh các công đức, trí tuệ đạo đối với phước đức đạo hay lìa các tà kiến chấp trước. Vì vậy, Phật tuy nói rõ ràng không, mà cũng nói thông suốt ba đời không chướng ngại, mà không bị lỗi.

Như vậy, đã lược nói nghĩa *mười tám pháp không chung* của Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Ca-chiên-diên Ni-tử nói mười lục, bốn vô sở úy, đại bi, ba ý chỉ không chung, gọi là mười tám pháp không chung? Nếu trước đó vừa nói mười tám pháp không chung là nhân nghĩa, thì sao Ca-chiên-diên Ni-tử cũng nói mười tám pháp không chung như vậy?

Đáp: Vì vậy nên gọi là Ca-chiên-diên Ni-tử, còn nếu là Thích tử thì không nói như vậy. Thích tử nói là nói pháp không chung thật. Phật pháp vô lượng, ba mươi sáu pháp ấy (*10 lục, 4 vô úy, đại bi, ba niệm, 18 pháp không chung – ND*) chỉ là một giọt nước trong biển cả Phật pháp, pháp cũng không ít, cứ sao trùng số mười tám?

Lại nữa, các A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát cũng có mười lục biết được đúng đạo lý không đúng đạo lý, phân biệt nghiệp quả báo ba đời, các thiên định cho đến lậu tận trí... cứ sao nói (*Ca-chiên-diên-ni-tử nói 18 pháp ấy – ND*) là pháp không chung?

Hỏi: Thanh Văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát không thể biết hết biết khắp, chỉ có thông và minh, không có lục, riêng Phật mới biết hết biết khắp, nên nói là không chung, như trong mười lục nói?

Đáp: Phật nói nghĩa mười lục, không nói biết hết biết khắp, chỉ nói ngay là biết đúng đạo lý không đúng đạo lý. Nói biết hết biết khắp là các luận nghị sư nói.

Hỏi: Ông trước tự nói trong kinh Đại thừa nói: Phật vì hành Bồ-tát mà tự nói biết hết biết khắp?

Đáp: Trong kinh Đại thừa nói, ích gì cho ông, ông không tin Đại thừa, không nên dẫn làm chứng. Ông nên tự nói ra pháp Thanh văn làm chứng.

Lại nữa, Phật tuy biết hết biết khắp, mà Thanh văn, Bích-chi Phật có được ít phần, còn mười tám pháp không chung (*chỉ riêng Phật có – ND*) thời Thanh văn, Bích-chi Phật trước sau đều vô phần. Vì vậy nên gọi là pháp không chung thật.

Hỏi: Mười tám pháp không chung, Nhị thừa cũng nên có phần, chỉ Phật thân khẩu niệm thường không lỗi, còn Nhị thừa thân khẩu niệm cũng có khi không lỗi. Như vậy đều nên có phần?

Đáp: Không phải, vì có sao? Vì thường không lỗi mới gọi là không chung, không phải chỉ do không lỗi mà gọi là không chung. Thanh văn, Bích-chi Phật, đối với thường không lỗi, vô phần.

Lại nữa, có chỗ nói A-la-hán có lục, không có chỗ nào nói A-la-hán có pháp không chung, ông không tin Đại thừa nên không thọ nhận mười tám pháp không chung thật, mà lại nói trùng con số mười lục... việc ấy không thể được. Như 80 vẻ đẹp của ông tin, trong Tam tạng không có, có sao không nói lại?

Hỏi: Chúng tôi phân biệt mười tám pháp không chung, không trùng số. Những gì là mười tám? 1. Biết thật tướng các pháp, gọi là nhất thiết trí. 2. Tướng các công đức của Phật khó hiểu, nên công đức vô lượng. 3. Thâm tâm thường nghĩ đến chúng sanh, nên gọi là đại bi. 4. Được trí không ai sánh bằng, nên trí tuệ tự tại. 5. Khéo hiểu tâm thường, nên định tự tại. 6. Được có phương tiện độ chúng sanh, nên biến hóa tự tại. 6. Được có phương tiện độ chúng sanh, nên biến hóa tự tại. 7. Khéo biết nhân duyên các pháp, nên ký biệt vô lượng. 8. Nói thật tướng các pháp, nên ký biệt không hư dối. 9. Phân biệt trừ lượng mới nói, nên nói không lỗi. 10. Thành tựu được mười lục, nên trí tuệ không giảm. 11. Trong hết thấy pháp hữu vi, chỉ quán pháp tự vô ngã, nên thường tu hạnh phóng xả. 12. Khéo biết phải thời không phải thời, an lập nơi tam thừa vì thường quán chúng sanh. 13. Thường nhất tâm, nên không thất niệm. 14. Thiệt tâm sâu xa trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nên không có tập khí phiền não. 15. Được trí chân tịnh, nên không ai có thể đúng như pháp chỉ lỗi được. 16. Đòi đòi kính trọng bậc tôn

quý nên có tướng đảnh không thể thấy. 17. Tu tâm đại từ bi, nên an tường để chân, dưới chân như nhuyển, chúng sanh gặp được liền được vui. 18. Được Thần thông ba-la-mật nên chuyển tâm chúng sanh làm cho hoan hỷ đắc độ; như khi đi vào thành, hiện lực thần biến?

Đáp: Mười tám pháp không chung như vậy, chẳng phải trong Tam tạng nói, mà các Kinh khác cũng không nói. Vì có người tìm kiếm pháp ấy, nên các luận nghị sư Thanh văn lược lạc chỗ nọ, chỗ kia soạn tập lại, tán thán công đức Phật. Như nói: nói không lỗi, tuệ không giảm, niệm không mất, đều là từ mười tám pháp không chung trong Đại thừa dẫn ra để luận nghị. Tuy có tướng đảnh không thể thấy, dưới chân như nhuyển, như vậy rất nhiều, không nên để ở trong mười tám pháp không chung. Pháp không chung đều lấy trí tuệ làm ý nghĩa. Thân lực của Phật như lực mười vạn bạch hương tượng và lực thần thông đều không nói, vì vậy nên biết trong mười tám pháp không chung, chỉ nói đến công đức trí tuệ, không nói đến quả báo tự nhiên.

Lại nữa, mười tám pháp không chung ấy, trong A-tỳ-đàm phân biệt thu nhiếp vào năm uẩn. Thân, miệng không lỗi, thân miệng theo trí tuệ hành, thì nhiếp vào sắc uẩn. Không dị tưởng thì nhiếp vào tưởng uẩn, không có tâm bất định thì nhiếp vào thức uẩn, còn lại thì nhiếp vào hành uẩn, đều ở trong bốn thiên. Phật ở trong bốn thiên đắc đạo, đắc Niết-bàn.

Có người nói: bốn pháp không chung thuộc sắc pháp (*Thân không lỗi, miệng không lỗi, thân nghiệp, khẩu nghiệp theo trí tuệ hành – ND*) thì nhiếp vào Sắc giới, Dục giới, các pháp không chung khác thì nhiếp vào chín địa; đều là thiện; đều là pháp vô lậu. Bốn pháp thuộc sắc do nhân duyên và tăng thượng duyên sanh, các pháp còn lại do bốn duyên sanh; bốn pháp không duyên, mười bốn pháp có duyên. Bốn pháp theo tâm hành, không tương ưng với tâm, mười ba pháp tương ưng với tâm cũng theo tâm hành, một pháp không tương ưng với tâm cũng không theo tâm hành. Các nghĩa như vậy đều có phân biệt trong A-tỳ-đàm.

Ban đầu phân biệt như vậy, khi vào trong Bát-nhã ba-la-mật, thật tướng các pháp thấy đều một tướng, đó là vô tướng, vào tâm Phật tất cả tướng đều diệt.

(Hết cuốn 26 theo bản Hán)

Cuốn 27

Chương 39 – Còn thiếu

---oOo---

Cuốn 28

Chương 40

Giải Thích: Sáu Thần Thông

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn trú ở sáu thần thông, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. **Hỏi:** Như đã nói trong phẩm Tán thán Bồ-tát, các Bồ-tát đều được năm thần thông, nay vì sao nói muốn trú ở sáu thần thông?

Đáp: Năm thông là sở đắc của Bồ-tát, nay muốn trú sáu thần thông là sở đắc của Phật. Nếu Bồ-tát được sáu thần thông thật, thời có thể đưa đến nạn vấn như thế.

Hỏi: Trong phẩm Vãng sanh nói: Bồ-tát trú ở sáu thần thông, đi đến các nước Phật, sao nay nói Bồ-tát đều được năm thông?

Đáp: Lậu tận thông thứ sáu có hai thứ: 1. Lậu và tập khí đều hết. 2. Lậu hết mà tập khí chẳng hết. Tập khí không hết nên nói đều được năm thông, lậu hết nên nói trú ở sáu thần thông.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đã hết lậu, tại sao còn sanh? tại sao thọ sanh? Hết thủy sự thọ sanh đều do ái tương tục nên có, ví như gạo tuy có được ruộng tốt, gieo đúng thời, tưới tắm, cũng không thể mọc được. Các bậc thánh nhân đã thoát khỏi lớp vỏ ái, tuy có nhân duyên của nghiệp hữu lậu sanh, cũng không thể sanh được?

Đáp: Trước đã nói, Bồ-tát vào pháp vị, trú ở địa vị bất thối chuyển, hết nhục thân cuối cùng, được pháp tánh sanh thân; tuy đã dứt các phiền não, mà còn nhân duyên của tập khí phiền não, nên thọ pháp tánh sanh thân, chứ chẳng phải sanh ở ba cõi.

Hỏi: A-la-hán phiền não đã hết, tập khí cũng chưa hết vì sao không sanh?

Đáp: A-la-hán không có tâm đại từ bi, không có bản thể nguyện độ hết thủy chúng sanh; lại lấy việc tác chứng thật tế, đã lìa sanh tử.

Lại nữa, trước đã đáp có hai thứ lậu hết, trong đây không nói Bồ-tát được Lậu tận thông, chỉ tự nói người muốn được sáu thần thông, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa của sáu thần thông như Phật nói ở phẩm sau. Phẩm Tán thán Bồ-tát trên kia, cũng đã nói nghĩa năm thần thông của Bồ-tát.

Hỏi: Thần thông có thứ lớp thế nào?

Đáp: Bồ-tát lìa năm dục, được các thiên, có từ bi nên vì chúng sanh mà thủ lấy thần thông, hiện các việc hy hữu kỳ lạ, khiến chúng sanh tâm được thanh tịnh, vì có sao? Vì nếu không có việc hy hữu thì không thể khiến nhiều chúng sanh đắc độ.

1. Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi, buộc tâm vào chỗ hư không trong thân, diệt tướng sắc thô trọng, thường thủ lấy tướng rỗng nhẹ, phát tâm đại dục tinh tấn, trí tuệ trừ lượng, thử sức tâm có thể cất nổi thân chưa? Trừ lượng rồi, tự biết sức tâm lớn, có thể cất nổi thân, ví như học bay, thường bỏ tướng sắc thô trọng mà thường tu tập theo tướng rỗng nhẹ, bấy giờ liền bay được.

2. Cũng có thể biến hóa các vật, khiến đất thành nước, nước thành đất, gió thành lửa, lửa thành gió, các đại như vậy, đều làm cho nó chuyển đổi, khiến vàng thành ngói gạch, ngói gạch thành vàng, các vật như vậy, đều khiến biến hóa. Muốn biến đất thành nước, thường tu tập niệm tướng nước làm cho nhiều hơn, không còn niệm tướng đất, khi ấy tướng đất theo như niệm tướng biến thành nước; các vật như vậy, đều có thể biến hóa.

Hỏi: Nếu như vậy thì có khác gì với tu nhất thiết nhập?

Đáp: Tu nhất thiết nhập là bước đầu của thần thông. Trước đã được nhất thiết nhập, tám bội xả, tám thắng xứ, làm cho tâm nhu nhuyễn chiếc phục, vậy sau mới dễ vào thần thông.

Lại nữa, trong nhất thiết nhập, chỉ riêng mình tự thấy đất biến thành nước, còn người khác không thấy, trong thần thông thời không vậy, tự thấy thật là nước, người khác cũng thấy thật là nước.

Hỏi: Nhất thiết nhập cũng là đại định, có sao không khiến thành là nước thật cho mình và người đều thấy?

Đáp: Đối tượng của pháp quán nhất thiết nhập rộng, nên chỉ có thể làm cho tất cả thành nước, mà không thể làm cho thật là nước. Còn thần thông không thể khắp tất cả chỗ, mà chỉ có thể khiến đất chuyển thành nước, bèn thành nước thật, vì vậy nên hai định lực khác nhau.

Hỏi: Việc biến hóa của hai định ấy là thật hay là hư? Nếu thật, làm sao đá thành vàng, đất thành nước? Nếu hư, tại sao thánh nhân mà làm việc không thật?

Đáp: Đều thật, thánh nhân không hư, vì đã nhờ hết ba độc, và vì các pháp không có tướng nhất định, nên có thể chuyển đất thành nước... như sáp, keo là loại đất

mà gặp lửa thì tiêu ra nước, thành tướng ướt. Nước gặp lạnh thì kết thành băng, là tướng cứng, nhựa đá thành vàng, vàng hồng thành đồng hoặc trở lại đá. Chúng sanh cũng như vậy, ác có thể thành thiện, thiện có thể thành ác, vì vậy nên biết hết thấy pháp không có tướng nhất định. Dùng sức thần thông biến hóa, là thật chứ không dối. Nếu pháp vốn có tướng nhất định, thì không thể biến.

3. Thần thông của các hiền thánh, tùy ý tự tại đối với sáu trần, thấy đẹp có thể sanh ý tưởng chán, thấy xấu có thể sanh ý tưởng vui, cũng có thể lia ý tưởng đẹp xấu mà hành tâm xả, ấy gọi là ba loại thần thông. Thần thông tự tại này, chỉ Phật mới đầy đủ. Bồ-tát được thần thông dạo qua các nước Phật, đối với ngôn ngữ bất đồng của các nước khác nhau và đối với âm thanh của chúng sanh vi tế, xa xôi không nghe được, nên cầu có Thiên nhĩ thông. Thường nhớ nghĩ đến nhiều loại tiếng lớn, thủ lấy tướng ấy tu hành, thường tu tập, nên được có tai tạo thành bởi sắc thanh tịnh của tứ đại cõi Sắc, được ròi, bèn nghe xa đối với âm thanh người, trời, thô, tế, xa, gần đều thông suốt không ngăn ngại.

Hỏi: Như trong Thiên kinh nói: Trước hết được Thiên nhãn, thấy chúng sanh mà không nghe được tiếng nó, nên cầu được Thiên nhĩ thông. Được Thiên nhãn, Thiên nhĩ thấy biết được thân hình, âm thanh của chúng sanh, mà không hiểu được ngôn ngữ, các lời lo, mừng, khổ, vui, nên cầu được trí từ vô ngại. Chỉ biết lời nó mà không biết được tâm nó, nên cầu được trí biết Tha tâm. Biết tâm nó mà chưa biết nó từ đâu đến, nên cầu được Túc mạng thông. Đã biết từ đâu đến, lại muốn trị tâm bệnh của nó nên cầu được Lậu tận thông. Được đầy đủ năm thông rồi, mà không thể biến hóa cho nên việc độ thoát chưa rộng, không thể hàng phục người tà kiến, người đại phúc đức, nên cầu được thần thông Như ý. Thứ lớp phải như vậy, có sao đây nói trước tiên cầu thần thông Như ý?

Đáp: Chúng sanh kẻ thô thì nhiều, kẻ tế thì ít, cho nên trước dùng thần thông Như ý, thần thông Như ý gồm được cả thô tế, độ người được nhiều nên nói trước.

Lại nữa, các thần thông được pháp khác nhau, số pháp khác nhau. Được pháp nhiều thì trước cầu Thiên nhãn, vì dễ được. Hành giả dùng các ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao, ngọc, lửa... thủ lấy tướng sáng của nó, thường siêng tinh tấn, khéo tu tập, ngày đêm không đổi khác, hoặc trên hoặc dưới, hoặc trước hoặc sau, đồng nhất sáng suốt, không bị ngăn ngại, khi ấy bắt đầu được Thiên nhãn thần thông. Các thần thông khác thứ lớp được, như vừa nói.

Lại nữa, Phật như chỗ tự chứng được mà thứ lớp nói cho người. Phật đầu đêm được một thông một minh, đó là Như ý thông và Túc mạng minh; giữa đêm được Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh; cuối đêm được Tha tâm trí thông và Lậu tận minh. Cầu được minh phải dụng công nhiều nên nói sau. Thông và minh thứ lớp được, như bốn quả Sa-môn, quả lớn thì ở sau.

Hỏi: Nếu Thiên nhãn dễ được nên ở trước, sao Bồ-tát không trước được Thiên nhãn?

Đáp: Bồ-tát đối với các pháp đều dễ không khó, còn người khác vì độn căn nên có khó có dễ.

Lại nữa, đầu đêm ma vương đến muốn chiến đấu với Phật, Bồ-tát dùng sức thần thông biến hóa các thứ làm cho binh khí của ma đều thành anh lạc, hàng ma xong, tiếp nghĩ đến thần thông muốn cho đầy đủ. Móng tâm liền vào, liền được đầy đủ thần thông. Hàng ma xong, tự nghĩ một thân làm sao được sức lớn? Bèn cầu Túc mạng minh, tự biết do năng lực phước đức đã tích tụ nhiều đời. Giữa đêm ma liền đi xa, vắng lặng không tiếng, vì thương xót tất cả, nghĩ tới tiếng chúng ma, phát sanh Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh. Dùng Thiên nhĩ ấy, nghe tiếng khổ vui của chúng sanh trong mười phương năm đường. Nghe tiếng xong muốn thấy hình nó mà bị ngăn che không thấy nên cầu được Thiên nhãn. Lúc cuối đêm đã thấy thân hình chúng sanh lại muốn biết tâm nó, nên cầu Tha tâm trí. Biết tâm chúng sanh đều muốn lìa khổ cầu vui, nên Bồ-tát cầu Lậu tận thông. Trong các thứ vui, vui Lậu tận hơn hết, nên làm cho chúng sanh chứng được.

Hỏi: Bồ-tát đã được vô sanh pháp nhãn, đời đời thường được quả báo thần thông, sao nay tự nghĩ, đã thấy chúng sanh mà không biết tâm nó?

Đáp: Có hai hạng Bồ-tát: 1. Pháp tánh sanh thân Bồ-tát. 2. Vì độ chúng sanh nên phương tiện chịu làm thân theo phép tắc của con người, sanh vào nhà vua Tịnh phạn, ra đạo bốn cửa thành, hỏi người già, bệnh, chết, làm vị Bồ-tát ngồi dưới cây thọ vương, đầy đủ sáu thần thông.

Lại nữa, Bồ-tát thần thông, trước đã có mà chưa đầy đủ, nay đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm chứng được, ấy là Phật thần thông. Làm theo phép tắc của con người nên tự nghi, không có lỗi.

Hỏi: Theo thứ lớp sáu thần thông, thì nên trước hết là Thiên nhãn, cuối cùng là Lậu tận thông. Song cũng có khi không theo thứ lớp như vậy chăng?

Đáp: Phần nhiều trước có Thiên nhãn, sau là Lộ tận trí, hoặc có khi tùy chỗ ưa tu mà được Thiên nhĩ trước hoặc thần túc trước.

Có người nói, ở Sơ thiên, Thiên nhĩ dễ được, vì có bốn tâm được giác quán (*nhãn, nhĩ, thân, ý thức – N.D*); ở Nhị thiên, Thiên nhãn dễ được, vì nhãn thức không có, tâm thu nhiếp không tán loạn; ở Tam thiên, Như ý thông dễ được, vì thân thụ hưởng khoái lạc; ở Tứ thiên, các thông đều dễ được, vì là chỗ hết thầy an ổn.

Nghĩa của Túc mạng, Tha tâm, Lộ tận như trong đoạn Mười lực đã nói.

Kinh: Muốn biết hết thầy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. **Hỏi:** Trong sáu thông đã nói thần thông biết Tha tâm, sao nay còn nói lại?

Đáp: Cảnh giới của Tha tâm thông ít, chỉ biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh hiện tại ở cõi Dục cõi Sắc, chứ không biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh ở quá khứ, vị lai và ở cõi Vô sắc. Phạm phu thông đối với Tứ thiên địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong bốn châu thiên hạ; Thanh văn thông đối với Tứ thiên trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong ngàn thế giới. Bích-chi Phật thông, đối với Tứ thiên địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong trăm ngàn thế giới. Người độn căn ở địa trên không thể biết tâm tâm số pháp của người lợi căn ở địa dưới; phạm phu không biết được tâm tâm số pháp của Thanh văn, Thanh văn không biết được tâm tâm số pháp của Bích-chi Phật; Bích-chi Phật không biết được tâm tâm số pháp của Phật. Vì vậy nên nói muốn biết hết thầy chúng sanh tâm hành hướng về đâu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Lấy trí gì mà biết được tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh?

Đáp: Các đức Phật có giải thoát vô ngại, vào trong giải thoát ấy có thể biết được tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh. Các đại Bồ-tát được giải thoát vô ngại tương tự, cũng có thể biết tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh. Tân học Bồ-tát muốn được giải thoát vô ngại của đại Bồ-tát ấy và của Phật, dùng giải thoát vô ngại ấy mà biết tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh. Đại Bồ-tát thì muốn được giải thoát vô ngại của Phật, nên tuy đã nói biết Tha tâm thông, nay

còn nói muốn biết hết thầy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Tâm xu hướng về đâu, tâm có đi hay không đi? Nếu có đi, thời ở đây không có tâm, giống như người chết; nếu không đi thời làm sao biết được? Như Phật nói, nương ý duyên pháp mà có ý thức sanh ra, nếu ý không đi thời không hòa hợp (*với pháp – N.D*)?

Đáp: Tâm không đi không ở mà có thể biết, như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Hết thầy pháp không có tướng đi đến, làm sao nói tâm có đi đến? Lại nói các pháp khi sanh không từ đâu đến, khi diệt không đi đâu, nếu có đến đi tức rơi vào thường kiến. Các pháp không có tướng nhất định. Vì vậy nên chỉ do trong sáu căn ngoài sáu trần hòa hợp sanh sáu thức, và sanh sáu thọ, sáu tưởng, sáu tư. Do vậy, nên tâm như huyền hóa, có thể biết tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh, mà không có người biết, không có người thấy. Như trong phẩm Tán thán Đại thừa nói: Nếu tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh, tánh thật có không hư dối, thời Phật không thể biết tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh; vì tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh, tánh thật hư dối, không đến không đi, nên Phật biết được tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh. Ví như Tỳ-kheo người tham cầu thì không được cúng dường, người không tham cầu thời không thiếu thốn chi. Tâm cũng như vậy, nếu phân biệt thủ tướng, thời không được thật tướng pháp, không được thật tướng pháp, thời không thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh. Nếu không thủ tướng, không phân biệt, thời được thật tướng pháp, được thật tướng pháp nên có thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thầy chúng sanh không ngăn ngại.

Hỏi: Các tâm của tất cả chúng sanh có thể biết được hết ư? Nếu biết hết thời chúng sanh có biên giới, nếu không biết thì có sao nói muốn biết hết thầy chúng sanh tâm xu hướng về đâu? Làm sao Phật có được nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tâm tâm số pháp của tất cả chúng sanh, có thể biết hết được, vì có sao? Vì như trong Kinh nói: Trong tất cả người nói thật, Phật là hơn cả. Nếu không thể biết tâm của hết thầy chúng sanh đến tận biên tế, thì sao Phật nói biết hết? Cũng không gọi là người nhất thiết trí, nhưng lời Phật nói đều thật, chắc chắn phải thật có người nhất thiết trí.

Lại nữa, chúng sanh tuy vô biên thì nhất thiết chủng trí cũng vô biên. Ví như hộp lớn nắp cũng lớn. Nếu trí tuệ có biên mà chúng sanh vô biên, mới nên có vấn nạn ấy. Nay trí tuệ và chúng sanh đều vô biên, thời vấn nạn của ông sai.

Lại nữa, nếu nói hữu biên vô biên, hai điều ấy ở trong Phật pháp bỏ qua không đáp. Mười bốn việc ấy hư dối không thật, vì vô ích nên không nên cật nạn.

Hỏi: Nếu hữu biên vô biên, đều không thật, nhưng Phật nhiều chỗ nói vô biên, như nói chúng sanh có si ái trở lại đây vô thí vô biên, mười phương cũng vô biên té?

Đáp: Chúng sanh vô biên, trí tuệ Phật vô biên, ấy là thật. Nếu ai chấp trước vô biên, thủ tướng hý luận, Phật nói đó là tà kiến. Ví như nói thế gian thường hoặc vô thường, cả hai đều điên đảo, rơi vào trong mười bốn nạn vấn, nhưng Phật phần nhiều dùng nghĩa vô thường để độ chúng sanh, ít dùng nghĩa hữu thường. Nếu chấp trước vô thường, thủ tướng hý luận, thì Phật nói đó là tà kiến hư vọng. Nếu không chấp trước vô thường, biết vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không, được như vậy nương vô thường quán mà vào các pháp không, bèn là thật. Vì vậy nên biết vô thường đứng vào trong chân đế, là thật, đứng vào trong mười bốn nạn vấn, vì lý do chấp trước, nên nói là tà kiến. Thế nên nói vô thường để rõ vô biên, vô biên nên chúng sanh nhằm chán sanh tử dài lâu, ví như bốn mươi Tỳ-kheo ở nước Ba-lê cùng tu mười hai tịnh hạnh, đi đến chỗ Phật, Phật dạy cho hạnh yếm ly. Phật hỏi Tỳ-kheo: Năm sông là Hằng-già, Lam-mâu-na, Tát-la-do, A-chỉ-la-bà-đề, Ma-hê, từ chỗ phát nguyên chảy vào biển cả, nước trong biển ấy nhiều hay ít? Tỳ-kheo thưa: rất nhiều! Phật nói: Chỉ một người trong một kiếp, khi làm súc sanh bị giết, cắt, lột, hoặc khi phạm tội bị cắt tay chân, chặt đầu, huyết chảy ra như vậy, nhiều hơn nước biển kia. Như vậy trong vô biên đại kiếp, thọ thân xuất huyết không thể kể xiết, kêu khóc rơi lệ và uống sữa mẹ, cũng nhiều như vậy. Một người trong một kiếp chứa xương chất quá hơn núi lớn Tỳ-phú-la (núi này người Thiên trúc thường trông thấy, dễ tin, cho nên nói đến). Chịu khổ sanh tử trong vô lượng kiếp như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, nhằm ghét thế gian, tức thời đắc đạo.

Lại nữa, nghe nói mười phương chúng sanh nhiều vô biên liền sanh tâm hoan hỷ thọ giới bất sát được vô biên phước đức. Do nhân duyên ấy đối Bồ-tát mới phát tâm, hết thấy chúng sanh trong thế gian đều nên cúng dường, vì có sao? Vì độ chúng sanh trong vô biên thế giới, nên công đức cũng vô biên, có lợi ích như vậy nên nói “Vô biên”. Vì vậy nên nói biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, như mặt trời chiếu thiên hạ, một lúc cùng chiếu đến, khắp nơi đều sáng.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn hơn trí tuệ của hết thầy Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. **Hỏi:** Thế nào là trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Do tướng chung tướng riêng quán thật tướng các pháp, đó là trí tuệ Thanh văn, như trong Kinh nói: Đầu lấy trí tuệ phân biệt các pháp, sau dùng trí tuệ Niết-bàn. Trí tuệ phân biệt các pháp là tướng riêng, trí tuệ Niết-bàn là tướng chung.

Lại nữa, biết pháp ấy là mờ, pháp ấy là trói, là lưu chuyển, là trở về, là sanh, là diệt, là vị ngọt, là tai họa, là nghịch, là thuận, là bờ này, là bờ kia, là thế gian, là xuất thế gian, phân biệt các pháp theo hai môn, gọi là trí tuệ Thanh văn.

Lại nữa, có ba thứ trí tuệ, là biết năm thọ uẩn tập như vậy, tán như vậy, xuất như vậy; là vị ngọt, là tai họa, là xuất ly. Trí tuệ tương ứng với ba giải thoát môn. Như vậy phân biệt các pháp theo ba môn.

Lại nữa, có bốn thứ trí tuệ, là trí về bốn niệm xứ; pháp trí; tỷ trí (loại trí), tha tâm trí, thế trí; khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí; trí biết bất tịnh, trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết vô ngã; trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết không, trí biết vô ngã; pháp trí, tỷ trí, tận trí, vô sanh trí. Như vậy phân biệt các pháp theo bốn môn.

Lại nữa, từ khổ pháp trí nhãn tuệ cho đến Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam muội, Vô tác vô tác tam-muội trí, các trí tuệ có được ở khoảng trung gian ấy đều là trí tuệ Thanh văn. Nói lược là nhằm chán thế gian niệm tướng Niết-bàn, ấy gọi là trí tuệ Thanh văn.

Lại nữa, như trong phẩm Bát-nhã ba-la-mật nghĩa nói: tướng trí tuệ Bồ-tát và trí tuệ Thanh văn là một trí tuệ. Chỉ vì Thanh văn không có phương tiện, không có thể nguyện rộng lớn trang nghiêm, không có tâm đại từ đại bi, không cầu hết thấy Phật pháp, không cầu nhất thiết chủng trí biết hết thấy pháp, chỉ nhằm chán già, bệnh, chết, dứt các ái buộc ràng, thẳng đến Niết-bàn, ấy là khác.

Hỏi: Thanh văn như vậy, còn trí tuệ Bích-chi Phật thế nào?

Đáp: Trí tuệ Thanh văn tức là trí tuệ Bích-chi Phật, chỉ có sai biệt là thời tiết, lợi căn, phước đức. Thời tiết là lúc không có Phật ở đời cũng không có Phật pháp, do một ít nhân duyên xuất gia đắc đạo, gọi là Bích-chi Phật. Lợi căn là khác, pháp tướng là đồng, chỉ do trí tuệ vào sâu mà được đạo Bích-chi Phật. Phước đức là có tướng, hoặc một tướng, hai tướng cho đến 31 tướng. Hoặc gặp được thánh pháp trong Phật pháp đời trước, sau khi pháp diệt chứng thành A-la-hán, ấy gọi là Bích-chi Phật, thân không có tướng hảo. Có vị Bích-chi Phật mau nhất là tu hành bốn đời, lâu là tu hành trăm kiếp, như Thanh văn có vị mau là ba đời lâu là 60 kiếp. Nghĩa này trước đã nói rộng.

Hỏi: Như Phật nói bốn quả Sa-môn, bốn bậc thánh nhân, từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán; năm hạng Phật tử, từ Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật; ba thứ Bồ-đề là Thanh văn Bồ-đề, Độc-giác Bồ-đề, Phật Bồ-đề. Như vậy, trong quả, trong Thánh, trong Phật tử, trong Bồ-đề đều không có Bồ-tát, tại sao nói Bồ-tát hơn hết thầy Thanh văn, Bích-chi Phật trí tuệ?

Đáp: Phật pháp có hai: 1. Thanh văn, Bích-chi Phật Phật pháp. 2. Đại thừa pháp. Pháp Thanh văn nhỏ nên chỉ tán thán việc Thanh văn, không nói đến việc Bồ-tát; pháp Đại thừa rộng lớn nên nói việc của đại Bồ-tát là phát tâm, tu hành, mười địa, vào pháp vị, tịnh quốc độ Phật, thành tựu chúng sanh, chứng được Phật đạo. Trong pháp này nói, Bồ-tát ở dưới Phật, hãy nên như cúng dường Phật. Hay quán các pháp tướng như vậy, ấy là phước điền, hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Như vậy, trong kinh Đại thừa nơi nơi đều tán thán trí tuệ đại Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Như trong kinh Bửu đẳng nói: Chuyển luân thánh vương thiếu một không đủ ngàn người con, tuy có đại lực, mà chư thiên, người đời không quý trọng. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, dù ở trong thai mới bảy ngày đầu, đã được chư thiên quý trọng, vì sao? Vì 999 người con không thể nói được dòng giống Chuyển luân thánh vương, làm sao người đời được vui hiện tại và tương lai. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, tuy ở trong thai nhưng chắc chắn có thể nối ngôi Thánh vương, cho nên được cung kính. Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng vậy, tuy được năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám thánh đạo, sáu thần thông, các thiên định, lực trí tuệ, thật tế được chứng, làm phước điền cho chúng sanh, mà mười phương chư Phật không quý trọng. Bồ-tát tuy còn ở trong bào thai các kiết sử phiền não, ba độc tham dục trói buộc, khi mới phát đạo tâm vô thượng chưa có thể làm gì mà đã được chư Phật quý. Vì vị ấy dần dần sẽ thực hành sáu Ba-la-mật, được lực phương tiện, vào địa vị Bồ-tát, cho đến được nhất thiết chủng trí, độ vô lượng chúng sanh, không dứt hạt giống Phật, hạt giống pháp, hạt giống Tăng, không dứt mắt nhân duyên của sự thanh tịnh an lạc cõi trời, cõi người.

Lại như chim Ca-lăng-tần-già, còn ở trong vỏ trứng đã phát ra âm thanh vi diệu hơn các loài chim khác. Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tuy chưa ra khỏi vỏ vô minh mà âm thanh thuyết pháp nghị luận hơn Thanh văn, Bích-chi Phật và ngoại đạo, như trong kinh Minh võng nói: Tuệ mạng Xá-lợi-phát bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát thuyết pháp, nếu ai hiểu được, được công đức lớn, vì sao? Vì cho đến được nghe tên các Bồ-tát ấy cũng được lợi ích lớn, hưởng gì được nghe các vị thuyết pháp. Bạch Thế Tôn! Ví như trồng cây, không nương nơi đất mà

muốn được gốc, cành, cọng, lá, thành hoa quả, là điều khó được. Các Bồ-tát tu hành cũng như vậy, không trú nơi hết thầy pháp mà hiện trú ở sanh tử, ở trong thế giới chư Phật, tự tại vui nói pháp trí tuệ, ai nghe được pháp do đại trí tuệ du hý tự tại vui nói ấy mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ trong hội có Phổ Hoa Bồ-tát nói với Xá-lợi-phất: Trưởng lão là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Phật, nay Trưởng lão đối pháp tánh các pháp chẳng được chăng? sao không dùng đại trí tuệ tự tại vui thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Các đệ tử Phật, đúng như cảnh giới của họ, thời có thể có thuyết pháp.

Phổ Hoa bồ-tát lại hỏi: Pháp tánh có cảnh giới không?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Nếu pháp tánh không có cảnh giới, cơ sao Trưởng lão nói đúng như cảnh giới của họ thời có thể có thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Tùy chỗ pháp chứng được mà thuyết.

Phổ Hoa lại nói: Trưởng lão lấy pháp tánh vô lượng tướng làm cảnh chứng ư?

Xá-lợi-phất nói: Phải.

Phổ Hoa nói: Sao nay nói tùy chỗ chứng được mà thuyết? Như pháp tánh chứng được là vô lượng thời thuyết cũng phải vô lượng, mà pháp tánh vô lượng thì chẳng phải tướng lường được?

Xá-lợi-phất nói: Pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được.

Phổ Hoa nói: Nếu pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được, thời ông lìa pháp tánh được giải thoát chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không! vì sao? Vì pháp tánh là tướng không biến hoại.

Phổ Hoa nói: Thánh trí mà ông chứng được cũng như pháp tánh ư?

Xá-lợi-phất nói: Tôi muốn nghe pháp, chẳng phải lúc thuyết.

Phổ Hoa nói: Hết thầy pháp nhất định ở trong pháp tánh, có người nghe, người nói ư?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Phổ Hoa nói: Sao ông nói tôi muốn nghe pháp chẳng phải lúc thuyết.

Xá-lợi-phất nói: Phật nói hai hạng người được phước vô lượng là người nhất tâm thuyết pháp và người nhất tâm nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông vào trong diệt tận định, có thể nghe pháp chẳng?

Xá-lợi-phất nói: Này thiện nam tử! Trong diệt tận định không nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông tin thọ hết thấy pháp tướng thường tịch diệt chẳng?

Xá-lợi-phất nói: Tin việc ấy!

Phổ Hoa nói: Pháp tánh thường tịch diệt nên không nghe pháp, vì sao? Vì các pháp tướng thường tịch diệt.

Xá-lợi-phất nói: Ông có thể không dậy khỏi định mà thuyết pháp chẳng?

Phổ Hoa nói: Không có Pháp nào chẳng phải tướng định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy, thời nay hết thấy phàm phu đều là thiên định?

Phổ Hoa nói: Phải! Hết thấy phàm phu đều là thiên định.

Xá-lợi-phất nói: Thiên định gì mà hết thấy phàm phu đều thiên định?

Phổ Hoa nói: Vì tam-muội pháp tánh bất hoại, nên biết thấy phàm phu đều là thiên định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy thời phàm phu với thánh nhân không khác gì nhau?

Phổ Hoa nói: Tôi cũng không muốn khiến cho phàm phu và thánh nhân có sai khác, vì sao? Vì thánh nhân không có pháp diệt, phàm phu cũng không có pháp tánh. Hai tướng ấy đều không ra ngoài pháp tánh.

Xá-lợi-phất nói: Thiện nam tử! Thế nào là tướng pháp tánh?

Đáp: Đó là điều biết thấy của Trưởng lão lúc đắc đạo.

Lại hỏi: Sanh pháp thánh chẳng?

- Không.

- Diệt pháp phàm phu chẳng?

- Không.
- Được pháp tánh chăng?
- Không.
- Thấy biết pháp người phàm phu chăng?
- Không.
- Vậy Trưởng lão dùng tri kiến nào mà được thánh đạo?

Xá-lợi-phát nói: Người phàm phu như (chân như), Tỳ-kheo được giải thoát như, Tỳ-kheo vào Vô dư Niết-bàn như; như ấy một như như không sai khác.

Phổ Hoa nói: Xá-lợi-phát, ấy là tướng pháp tánh như, bất hoại như, dùng như ấy sẽ biết hết thấy pháp đều như.

Xá-lợi-phát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, ví như đồng lửa lớn, không vật gì không đốt cháy. Các thượng nhân ấy thuyết pháp cũng như vậy, hết thấy pháp đều vào trong pháp tánh.

Lại như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Các Thanh văn, Xá-lợi-phát... đều tự nói rằng: Tôi không kham đến chỗ kia hỏi thăm bệnh được. Mỗi người tự nói vì trước đã bị Tỳ-ma-la-cật quở mắng. Như vậy, trong các Kinh nói trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Nhân duyên gì mà trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Như trong kinh Diễn Bản sanh nói: Trí tuệ Bồ-tát, từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp lại đây, tập hợp các trí, trong vô lượng kiếp, không khổ gì không hành, không khó gì không làm, chỉ vì cầu pháp, nên nhảy vào lửa, nhảy từ núi cao, chịu khổ cắt lột, lấy xương làm viết, lấy huyết làm mực, lấy da làm giấy, viết chép kinh pháp, như vậy vì pháp nên thọ vô lượng khổ, vì trí tuệ nên đời đời cúng dường thầy dạy pháp xem như Phật. Tất cả Kinh sách đều đọc tụng, giải nói, trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường suy nghĩ trừ lượng, tìm cầu các pháp tốt xấu, sâu cạn, thiện chẳng thiện, lậu chẳng lậu, thường chẳng thường, có, không... suy nghĩ phân biệt vấn nạn, vì trí tuệ nên cúng dường chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn, nghe pháp, vấn nạn, tín thọ, ghi nhớ đúng, như pháp tu hành; nhân duyên trí tuệ đầy đủ như vậy, làm sao không hơn A-la-hán, Bích-chi Phật?

Lại nữa, trí tuệ Bồ-tát, có năm Ba-la-mật giúp đỡ trang nghiêm, có lực phương tiện, đối với hết thảy chúng sanh có tâm từ bi, nên không bị tà kiến chướng ngại. Trú trong mười địa, thể lực trí tuệ sâu lớn. Vì nhân lớn nên hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Vì nhân lớn nên cái nhỏ tự hoại. A-la-hán, Bích-chi Phật, không có việc ấy.

Vì vậy nên nói muốn hơn trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Muốn được các Đà-la-ni môn, các Tam-muội môn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: *Đà-la-ni* như trong chương Tán Bồ-tát đã nói:

Môn là các pháp phương tiện để được đà-la-ni, như ba tam-muội gọi là cửa giải thoát.

Thế nào là *phương tiện*? Nếu người muốn được giữ gìn những điều đã nghe, không mất, hãy nên nhất tâm ghi nhớ, làm cho tâm ghi nhớ tăng trưởng, trước nên để ý nơi việc tương tự, buộc tâm khiến biết việc không thấy được, như Châu-lợi Bàn-đà-ca, buộc tâm nơi tấm dẻ chùi giày, khiến nghĩ nhớ thiền định mà trừ tâm nhớ cấu. Như vậy người bắt đầu học Văn trì đà-la-ni, ba lần nghe có thể được, tâm căn dần dần lạnh lợi, thì hai lần nghe có thể được, khi thành tựu thì một lần nghe có thể được, được rồi nhớ mãi không quên; ấy là phương tiện ban đầu của Văn trì đà-la-ni.

Hoặc có khi Bồ-tát vào trong thiền định, được môn giải thoát không quên, do năng lực giải thoát không quên, do năng lực giải thoát không quên, mà hết thảy ngôn ngữ thuyết pháp cho đến một câu một chữ, đều không thể quên. Đó là phương tiện thứ hai. Hoặc có khi do năng lực thần chú nên được Văn trì đà-la-ni. Hoặc có khi do hành nghiệp nhân duyên đời trước, khi sanh ra nghe gì đều nhớ được không quên. Như vậy gọi là cửa vào Văn trì đà-la-ni.

Lại nữa, Bồ-tát nghe hết thảy âm thanh ngữ ngôn, phân biệt gốc ngọn, quán thật tướng nó, biết âm thanh ngữ ngôn niệm niệm sanh diệt, âm thanh diệt rồi, mà chúng sanh niệm niệm chấp thủ tướng, nhớ ngôn ngữ đã diệt ấy, rồi nghĩ rằng, người đó mắng ta, liền sanh sân hận. Nghe ngợi khen cũng như vậy. Bồ-tát quán chúng sanh được như vậy, tuy có bị mắng nhiếc trăm ngàn kiếp, không sanh tâm giận, hoặc ngợi khen trăm ngàn kiếp, cũng không vui mừng. Biết âm thanh sanh diệt như tiếng vang. Lại như tiếng trống, không có ai làm. Nếu không

ai làm, là không có nơi chốn, rất ráo không, chỉ lừa dối tai người ngu; như vậy gọi là vào Âm thanh đà-la-ni.

Lại nữa, có đà-la-ni lấy hai mươi bốn chữ mà thu nhiếp hết tất cả ngôn ngữ danh tự. Những gì là hai mươi bốn chữ? Đó là A-la-ba-giá-na..., A-đề (ban đầu), A-nậu-ba-nại (bất sanh). Vì Bồ-tát tu hành đà-la-ni nghe chữ “A” ấy, tâm liền vào tất cả pháp “ban đầu chẳng sanh”. Các chữ như vậy, mỗi chữ theo chỗ nghe, đều đưa vào trong thật tướng hết thấy các pháp; ấy gọi là *Tự nhập môn đà-la-na*, như trong phẩm Ma-ha-diễn nói các tự môn.

Lại nữa, Bồ-tát được các tam-muội hết thấy ba đời sáng suốt không ngại, đối với mỗi tam-muội được vô lượng vô số đà-la-ni. Như vậy hòa hợp gọi là năm trăm đà-la-ni môn, ấy là tặng công đức thiện pháp của Bồ-tát; như vậy gọi là đà-la-ni môn.

Các tam-muội môn: Tam-muội có hai: Tam-muội trong pháp Thanh văn; tam-muội trong pháp Đại thừa.

Tam-muội trong pháp Thanh văn: là ba tam-muội.

Lại nữa, ba tam-muội là: Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam-muội, Vô tác vô tác tam-muội.

Lại có ba tam-muội là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán.

Lại có năm chi tam-muội, năm trí tam-muội... ấy gọi là các tam-muội.

Lại nữa, hết thấy thiền định cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Tứ thiền cũng gọi là thiền, cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Trừ Tứ thiền, các định khác cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội, cũng gọi là thiền. Định ở trong mười địa, gọi là tam-muội.

Có người nói: Ở Dục giới địa cũng có tam-muội, vì có sao? Vì trong Dục giới có hai mươi hai đạo phẩm nên biết có tam-muội. Nếu không tam-muội thì không thể được công đức thâm diệu ấy.

Lại nữa, trong ngàn câu hỏi có câu hỏi này: Trong bốn thánh chủng, mấy hệ thuộc Dục giới, mấy hệ thuộc Sắc giới, mấy hệ thuộc Vô sắc giới, mấy không hệ thuộc? Đáp: Tất cả nên phân biệt. Bốn thánh chủng hoặc hệ thuộc Dục giới, hoặc hệ thuộc Sắc giới, hoặc hệ thuộc Vô sắc giới, hoặc không hệ thuộc. Bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc cũng như vậy. Do nghĩa đó nên biết ở

Dục giới có tam-muội. Nếu tâm tán loạn làm sao được pháp thượng diệu. Vì vậy nên tam-muội đều có ở trong chín địa (*từ ngữ thú tạp cư địa đến phi phi tướng xứ địa – N.D*). Các tam-muội như vậy, ở trong A-tỳ-đàm có phân biệt rộng.

Tam-muội trong pháp Đại thừa: Từ Thủ-lăng-nghiêm tam-muội, cho đến tam-muội hư không tế giải thoát không vướng mắc. Lại như tam-muội thấy hết thầy Phật, cho đến hết thầy Như Lai giải thoát. Tu quán vô lượng vô số Bồ-tát tam-muội, như Sư tử tần thân tam-muội...

Như có tam-muội tên là Vô lượng tịnh. Bồ-tát được tam-muội này, hay thị hiện thân hết thầy thanh tịnh.

Có tam-muội tên là Oai tướng. Bồ-tát được tam-muội này, hay cướp mất oai đức mặt trời mặt trăng.

Có tam-muội tên là Diệt sơn, Bồ-tát được tam-muội này, hay cướp mất oai đức của Đế-thích Phạm thiên.

Có tam-muội tên là Xuất trần, Bồ-tát được tam-muội này, hay diệt hết thầy ba độc cho đại chúng.

Có tam-muội tên là Vô ngại quang, Bồ-tát được tam-muội này, hay chiếu soi hết thầy cõi Phật.

Có tam-muội tên là Không quên hết thầy pháp. Bồ-tát được tam-muội này có thể ghi nhớ hết thầy pháp Phật nói và giảng nói lại lời Phật cho người khác.

Có tam-muội tên là Tiếng như sấm. Bồ-tát được tam-muội này, có thể dùng Phạm thanh nghe khắp mười phương Phật quốc.

Có tam-muội tên là Làm vui thích cho hết thầy chúng sanh. Bồ-tát được tam-muội này, hay làm cho hết thầy người có tâm tâm hoan hỷ.

Có tam-muội tên là Ưa thấy không chán. Bồ-tát được tam-muội này, hết thầy chúng sanh ưa thấy ưa nghe không biết nhàm chán.

Có tam-muội tên là Quả báo công đức vui trong một duyên không thể nghĩ bàn. Bồ-tát được tam-muội này, thành tựu hết thầy thần thông.

Có tam-muội tên là Biết hết thầy âm thanh ngữ ngôn. Bồ-tát được tam-muội này có thể nói hết thầy âm thanh ngữ ngôn, trong một chữ nói ra hết thầy chữ, trong hết thầy chữ nói ra một chữ.

Có tam-muội tên là Nhóm hết thầy phước đức nghiệp quả báo sanh. Bồ-tát được tam-muội này, thường im lặng nhập định, mà vẫn khiến chúng sanh nghe âm thanh sáu Ba-la-mật, pháp chúng của Phật, Thanh văn, Bích-chi Phật, mà vị Bồ-tát ấy thật không nói một lời.

Có tam-muội tên là Vượt cao hết thầy đà-la-ni vương. Bồ-tát được tam-muội này thì được vào vô lượng vô biên các đà-la-ni.

Có tam-muội tên là Hết thầy vui nói. Bồ-tát được tam-muội này vui nói hết thầy chữ, hết thầy âm thanh, ngữ ngôn, thí dụ, nhân duyên. Như vậy là vô lượng tam-muội thể lực.

Hỏi: Tam-muội ấy chính là cửa tam-muội chăng?

Đáp: Tam-muội chính là cửa tam-muội.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không chỉ nói tam-muội, mà còn nói cửa tam-muội?

Đáp: Tam-muội của chư Phật vô lượng vô số như hư không vô biên, Bồ-tát làm sao được hết. Bồ-tát nghe đến tam-muội ấy tâm liền thối mất, vì vậy Phật nói cửa tam-muội. Vào trong một cửa, thu nhiếp vô lượng tam-muội. Như cầm một góc áo, liền được cả áo; cũng như bắt được ong chú, cả bầy ong đều gom hết.

Lại nữa, triển chuyển làm cửa, như trì giới thanh tịnh, một lòng tinh tấn, đầu đêm cuối đêm, thường tu tư duy, liả năm dục lạc, buộc tâm một chỗ. Hành phương tiện ấy, được tam-muội ấy, ấy gọi là cửa tam-muội.

Lại nữa, tam-muội thuộc Dục giới, là cửa tam-muội Vị đáo địa; tam-muội Vị đáo địa là cửa tam-muội Sơ thiên; tam-muội Sơ thiên và Nhị thiên biên địa là cửa vào tam-muội Nhị thiên, cho đến tam-muội Phi hữu tướng phi vô tướng xứ cũng như vậy.

Noãn pháp định là cửa vào tam-muội đảnh pháp; đảnh pháp là cửa vào tam-muội nhãn pháp; nhãn pháp là cửa vào tam-muội thể đệ nhất pháp; thể đệ nhất pháp là cửa vào tam-muội khổ pháp nhãn; khổ pháp nhãn... cho đến là cửa vào tam-muội Kim cang.

Lược nói, hết thầy tam-muội có ba tướng là nhập, trú, xuất. Tướng xuất, tướng nhập gọi là cửa, tướng trú là thể tam-muội. Các pháp như vậy là tam-muội trong pháp Thanh văn.

Cửa tam-muội trong pháp Đại thừa, như các tam-muội trong Thiên ba-la-mật nghĩa, đã phân biệt nói rộng.

Lại nữa, Thi-la ba-la-mật là cửa tam-muội, vì sao? Vì ba chi là Phật đạo, đó là giới chi, định chi, tuệ chi. Giới chi thanh tịnh là cửa của định chi, vì giới hay sanh định; định chi hay sanh tuệ chi. Ba chi ấy hay dứt phiền não, hay cho Niết-bàn, vì vậy Thi-la ba-la-mật và trí tuệ là cửa gần của tam-muội. Còn ba Ba-la-mật kia, tuy có nghĩa cửa mà là cửa xa, như do bố thí được phước đức, có phước đức nên sở nguyện thành tựu, được sở nguyện thành tựu nên tâm nhu nhuyễn, tâm từ bi nên biết sợ tội, biết nghĩ tới chúng sanh, quán thế gian không, vô thường, nên nhiếp tâm hành nhẫn nhục; nhẫn nhục cũng là cửa tam-muội.

Tinh tấn là chế tâm đối với năm dục trừ năm triền cái, nhiếp tâm không loạn, tâm đi thời thu lại không cho chạy loạn, là cửa tam-muội.

Lại nữa, Sơ địa là cửa vào tam-muội Nhị địa. Như vậy triển chuyển cho đến cửu địa là cửa vào tam-muội Thập địa. Thập địa là cửa vào tam-muội của vô lượng chư Phật. Như vậy mỗi mỗi làm cửa tam-muội.

Hỏi: Đà-la-ni môn và tam-muội môn là đồng hay là khác? Nếu đồng, sao còn nói lại. Nếu khác, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Trước đã nói tam-muội môn và đà-la-ni môn khác nhau, nay sẽ nói lại: Tam-muội chỉ là pháp tương ứng với tâm, còn đà-la-ni cũng tương ứng với tâm, cũng không tương ứng với tâm.

Hỏi: Sao biết đà-la-ni không tương ứng với tâm?

Đáp: Như người được Văn trì đà-la-ni, tuy tâm nổi sân hận nó cũng không mất, thường đi theo người, như bóng theo hình. Tu hành tam-muội lâu quen sau thành đà-la-ni, như chúng sanh tập lâu thói dục thành tánh. Tam-muội cộng với trí tuệ biết thật tướng các pháp, phát sanh Đà-la-ni, như bình đất mới nắn được lửa nung chín, có thể giữ nước không chảy, cũng có thể giúp cho người qua sông. Thiên định không trí tuệ cũng như bình đất mới nắn, nếu có được trí tuệ biết thật tướng, như bình đất mới nắn được lửa đốt chín, có thể giữ gìn vô lượng công đức hai đời của Bồ-tát, Bồ-tát cũng nhân đó mà đắc độ, đến Phật. Như vậy là chỗ sai khác giữa tam-muội và đà-la-ni.

Hỏi: Sao trong pháp Thanh văn không có danh từ đà-la-ni, chỉ trong pháp Đại thừa mới có?

Đáp: Trong pháp nhỏ không có pháp lớn, ông không nên hỏi, trong pháp lớn không có pháp nhỏ, thời nên hỏi. Như trong nhà nghèo không có vàng bạc không nên hỏi.

Lại nữa, Thanh văn không ân cần chứa nhóm các công đức lắm, chỉ dùng trí tuệ cầu thoát khổ già, bệnh, chết. Vì vậy người Thanh văn không dùng đà-la-ni giữ gìn các công đức, ví như người khát, chỉ một bụm nước là đủ, không cần bình đựng nước, nếu cung cấp cho đại chúng nhân dân, thời cần bình đựng nước. Bồ-tát vì hết thấy chúng sanh nên cần đà-la-ni giữ gìn các công đức.

Lại nữa, trong pháp Thanh văn phần nhiều nói các pháp sanh diệt vô thường. Các luận nghị sư nói: Các pháp vô thường, nếu vô thường thời không cần đà-la-ni, vì có sao? Vì các pháp vô thường thời không giữ gìn được, chỉ có hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ không mất. Giống như quả báo vị lai, tuy không mà ắt sanh, hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ cũng như vậy.

Trong pháp Đại thừa, tướng sanh diệt không thật, tướng chẳng sanh chẳng diệt cũng không thật. Các quán các tướng đều diệt, ấy là thật. Nếu để giữ gìn pháp quá khứ thời không lỗi. Vì để giữ gìn các công đức thiện pháp thiện căn quá khứ, nên cần có đà-la-ni. Đà-la-ni đời đời thường theo Bồ-tát, còn các tam-muội không như vậy, hoặc có khi thay đổi thân thời mất.

Như vậy các thứ phân biệt đà-la-ni, các tam-muội.

Vì vậy nên nói muốn được các đà-la-ni, các tam-muội môn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(Hết cuốn 28 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 29

Chương 41

Giải Thích: Tùy Hỷ, Hồi Hương...

Kinh: Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thầy người bồ thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thầy người trì giới để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thầy người tu tam-muội, trí tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Tâm tùy hỷ thì như trong phẩm Tùy hỷ đã nói rồi.

Lại nữa, tùy hỷ là khi thấy có người làm việc công đức sanh tâm hoan hỷ theo, mà tán thán rằng: Lành thay! ở trong thế giới vô thường, bị si ám che lấp, mà có thể mở rộng đại tâm, kiến lập công đức ấy, thí như các thứ hương thơm, một người bán, một người mua, người ở hai bên cũng ngửi được mùi thơm, mà mùi thơm không tổn, hai người chủ không mất chi. Như vậy có người thí, có người thọ nhận, có người ở bên hoan hỷ theo, đều được công đức, mà hai người chủ kia không mất chi. Tương trạng như vậy gọi là tùy hỷ. Do vậy, Bồ-tát chỉ đem tâm tùy hỷ, mà vượt quá người cầu nhị thừa, hưởng chi tự mình làm bồ thí.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát có thể do tâm tùy hỷ mà vượt trên người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật đem tài vật bồ thí?

Đáp: Thanh văn, Bích-chi Phật làm bồ thí, Bồ-tát ở bên trông thấy nhất tâm niệm tùy hỷ khen rằng: Lành thay! lấy phước đức tùy hỷ ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ hết thầy chúng sanh, vì nhờ đó được vô lượng Phật pháp. Do hai công đức này vượt trên người bồ thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

Lại nữa, lấy tâm trí tuệ biết thật tướng các pháp mà tùy hỷ, nên vượt trên người bồ thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

Lại nữa, Bồ-tát đem phước đức quả báo do tâm tùy hỷ sanh, mà hồi hướng cúng dường ba đời mười phương Phật, nên vượt trên người bồ thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, ví như người đem một ít vật dâng lên quốc vương, được đáp trả rất nhiều. Lại như thổi kèn, sáo, dùng hơi ít mà âm thanh rất lớn.

Lại nữa, Bồ-tát lấy công đức tùy hỷ hòa hợp với vô lượng các công đức khác, cho đến khi pháp diệt cũng không hết, ví như một ít nước đổ vào trong biển lớn, thì khi kiếp tận nó mới hết. Công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng như vậy.

Hỏi: Dưới Phật có Bồ-tát, dưới Bồ-tát có Thanh văn, Bích-chi Phật, nay nói Bồ-tát muốn hơn người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, thì có gì lạ?

Đáp: Không lấy công đức bố thí, trì giới... của Thanh văn, Bích-chi Phật so với công đức của Bồ-tát, mà chỉ lấy tâm tùy hỷ đã có thể hơn, hưởng gì công đức mà Bồ-tát tự làm. Người Thanh văn, Bích-chi Phật, đem thân siêng làm công đức bị mệt mỏi, Bồ-tát yên lặng tùy hỷ, mà phước đức của năng lực trí tuệ quá hơn Thanh văn, Bích-chi Phật, ví như người thợ, chỉ dùng trí tuệ bày vẽ rồi bỏ đi, người cầm rìu búa mệt nhọc tối ngày, mà tính công lãnh thưởng thì người thợ được gấp ba.

Lại như đánh giặc, người chiến đấu mạo hiểm chết, mà chủ tướng lãnh công.

Hỏi: Nếu tâm tùy hỷ hơn số bố thí, trì giới, có sao chỉ nói Bồ-tát tùy hỷ là hơn?

Đáp: Người phàm phu bị phiền não che tâm, chấp ngã chưa dứt, đắm vui thế gian, làm sao hơn được người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, lợi tuy hơn độn, nhưng đồng ở địa vị Thanh văn, nên không nói.

Hỏi: Công đức của Thanh văn, Bích-chi Phật. Pháp công đức rất nhiều, có sao chỉ nói sáu pháp?

Đáp: Vì trong sáu pháp này nhiếp hết pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Nếu nói bố thí là đã nói công đức của tín nghe, vì sao? Vì trước nghe rồi mới tin, tin rồi mới bố thí.

Bố thí có hai thứ là: 1. Tài thí, 2. Pháp thí.

Trì giới nhiếp ba giới là: luật nghi giới, định cộng giới, đạo cộng giới (vô lậu giới).

Định nhiếp các thiền, định, giải thoát, tam-muội...

Tuệ nhiếp văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ.

Giải thoát nhiếp hai giải thoát là hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát.

Giải thoát tri kiến nhiếp tận trí, tự biết lậu hoặc đã hết, giải thoát khỏi ba cõi, ở trong đó thấy biết rõ ràng. Trong đây đã nói trợ đạo pháp và thánh đạo pháp.

Lại nữa, nếu công đức không hướng đến Niết-bàn, thì trong đây không nói vượt quá, vì công đức ấy mỏng.

Hỏi: Hơn là chỉ cho thế lực tranh giành nhau, nay Bồ-tát không cạnh tranh với Thanh văn, Bích-chi Phật, cứ sao nói hơn?

Đáp: Hơn là cùng ở trong một việc, mà do tâm lực trí tuệ phương tiện cho nên được phước nhiều, ví như người đối với cái hoa chỉ lấy hương sắc, còn con ong chỉ lấy vị để làm thành mật. Cũng như lấy nước, đồ chứa lớn thời được nhiều, đồ chứa nhỏ thời được ít. Do các ví dụ như vậy, đủ biết đem tâm tùy hỷ thâm sâu mãnh lợi, có trí tuệ tương ưng, nên công đức hơn bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

Sáu pháp này, đầu hết là bố thí, như ở trong nghĩa Đàn ba-la-mật đã phân biệt nói về pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Trì giới như ở trong nghĩa Thi-la ba-la-mật đã phân biệt nói về pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến như ở trong nghĩa niệm Phật đã phân biệt nói.

Kinh: Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thầy người tu các thiền, định, giải thoát, tam-muội để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Thiền định là bốn thiền và chín định thứ đệ. Giải thoát tam-muội là tám bội xả, ba giải thoát môn, tuệ giải thoát, cộng giải thoát, thời giải thoát, bất thời giải thoát, hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát... Tam-muội có giác có quán, tam-muội không giác có quán, tam-muội không giác không quán; Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội, các tam-muội như vậy.

Hỏi: Trong sáu pháp trên, tam-muội tức là thiền, định, giải thoát, tam-muội, sao nay còn nói lại?

Đáp: Có hai thứ tam-muội: 1. Thuộc phần tuệ giải thoát. 2. Thuộc phần cộng giải thoát. Thuộc phần tuệ giải thoát thì không thể vào thiền định, chỉ nói đó là tam-muội trong Vị đáo địa. Trong đây nói tam-muội thuộc phần cộng giải thoát thì đủ có thiền, định, giải thoát, tam-muội. Kia nói lược, đây nói rộng; kia chỉ nói tên, trong đây phân biệt nghĩa.

Lại nữa, trước Thắng tam-muội là có người nói một, hai tam-muội, chứ chẳng phải Thâm tam-muội, nay trong đây nói thiền, định, giải thoát là Thâm thâm tam-muội.

Lại nữa, thiền, định, giải thoát, tam-muội có hai thứ: 1. Khi lìa dục liền được. 2. Cầu mà được. Khi lìa dục liền được như trước đã nói. Cầu mà được là đây nói.

Lại nữa, thiền, định, giải thoát, tam-muội, được nó rất khó, tinh tấn cầu mới được. Bồ-tát chỉ đem tâm tùy hỷ bèn được hơn kia. Đó là pháp chưa từng có, cho nên nói lại.

Hỏi: Trong kia tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng khó được, có sao nói đây khó được?

Đáp: Trước đã trả lời, kia là thuộc phần tuệ giải thoát, không tận cùng nghĩa thậm thâm. Còn A-la-hán cộng giải thoát, A-la-hán đủ ba minh khó được, nên nói lại.

Lại nữa, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy, tuy khó được mà không rộng lớn khắp hết, chỉ trực tiếp vì Niết-bàn, còn đây nói rõ A-la-hán muốn được cái vui thiền định hiện tại đó là diệt tận định, đánh té thiền, nguyện trí, Vô tránh tam-muội, nhưng việc như vậy, chẳng phải trực tiếp vì Niết-bàn. Vì vậy nên lại nói rộng, vì có sao? Vì thứ trước là trực tiếp vì Niết-bàn, trong đó nói giải thoát rồi giải thoát tri kiến, nên biết đó là một đường thẳng đến Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vì thiền, định, giải thoát, tam-muội khó được, nên nói lại, trí tuệ là rất khó, vì diệu trong hết thảy pháp, sao không nói lại?

Đáp: Ở trên đã nói trong đoạn nói muốn vượt qua trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Còn thiền định này chưa nói, cho nên nói lại. Thiền định, trí tuệ, là hai pháp tối diệu, có được hai hạnh này thì sở nguyện đều được, như chim có hai cánh, có thể đi đến chỗ này chỗ kia. Giải thoát từ hai pháp đó mà được, giải thoát tri kiến tức là trí tuệ. Bồ thí, trì giới là thân nghiệp, khẩu nghiệp thô hạnh dễ được cho nên không nói lại.

Hỏi: Bồ-tát lấy tâm tùy hỷ hơn Thanh văn, Bích-chi Phật tu bồ thí, trì giới, trí tuệ. Có thể như vậy, vì có sao? Vì việc bồ thí, trì giới, mắt thấy được, tai nghe được, trí tuệ cũng là pháp nghe được, nên có thể sanh tâm tùy hỷ, còn thiền định, giải thoát, tam-muội, là pháp không thể thấy, nghe, thì làm sao tùy hỷ?

Đáp: Bồ-tát do trí biết tha tâm mà tùy hỷ.

Hỏi: Pháp của trí biết tha tâm là, trí hữu lậu biết tha tâm thì biết tâm hữu lậu của người khác, trí vô lậu biết tha tâm thì biết tâm vô lậu của người khác. Bồ-tát chưa thành Phật, làm sao biết được tâm vô lậu của Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Trong pháp Thanh văn thì như vậy, còn trong pháp Đại thừa, Bồ-tát được vô sanh nhẫn, dứt các kiết sử, đời đời thường không mất sáu thần thông, trí hữu lậu biết Tha tâm có thể biết tâm vô lậu của người khác, huống gì lấy trí vô lậu biết Tha tâm.

Lại có người nói: Bồ-tát mới phát tâm, chưa được pháp tánh sanh thân, hoặc thấy hoặc nghe Thanh văn, Bích-chi Phật bố thí, trì giới, so sánh biết họ sẽ được A-la-hán, sanh tâm tùy hỷ nói: Người ấy biết được thật tướng các pháp, lia khỏi ba cõi. Ta muốn độ hết thầy chúng sanh thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay họ đã thoát được, ấy là việc của ta.

Có các nhân duyên tùy hỷ như vậy, nên tùy hỷ không lỗi.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát thực hành một ít thí, ít giới, ít nhẫn, ít tấn, ít thiên, ít trí, muốn do sức phương tiện hồi hướng mà được vô lượng vô biên công đức, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Trước đã nói sáu Ba-la-mật, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trên là nói tướng tổng quát, đây muốn nói tướng sai biệt. Trên nói nhân duyên, đây nói quả báo.

Hỏi: Không phải vậy, trên kia nói sáu Ba-la-mật đều đầy đủ rộng khắp, đây nói một ít thí cho đến một ít trí, in tuồng không đồng với nghĩa sáu Ba-la-mật trên?

Đáp: Không phải! Chính là sáu Ba-la-mật, sao vậy? Vì nghĩa của sáu Ba-la-mật cốt ở tâm không phải cốt ở sự nhiều ít. Bồ-tát thật hành hoặc nhiều hoặc ít, đều là Ba-la-mật. Như kinh Hiền Kiếp nói 84.000 các Ba-la-mật. Trong Kinh ấy cũng nói, có thể gian Đàn ba-la-mật, có xuất thế gian Đàn ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng có thể gian, xuất thế gian.

Hỏi: Sao Bồ-tát bố thí ít?

Đáp: Có nhiều nhân duyên nên ít thí. Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, phước đức chưa nhiều, vì nghèo nên ít thí. Hoặc có Bồ-tát nghe bố thí không kể nhiều ít, công đức tại tâm, vì vậy nên không cầu bố thí nhiều vật, chỉ cầu tâm tốt. Hoặc có Bồ-tát nghĩ rằng nếu ta cầu chất chứa cho nhiều tài vật mà phá giới mất lành, tâm bị tán loạn, não hại chúng sanh nhiều. Nếu não hại chúng sanh để cúng dường Phật, Phật không chấp nhận, vì phá chấp để cầu tài. Hoặc bố thí cho phàm phu mà cướp kia cho đây, là không bình đẳng. Đúng như pháp Bồ-tát, tâm bình đẳng đối với tất cả, đều như con một, vì vậy nên ít thí.

Lại nữa, Bồ-tát có hai: 1. Bại hoại Bồ-tát. 2. Thành tựu Bồ-tát. Bồ-tát bại hoại là vốn phát tâm Bồ-đề, song không gặp thiện duyên, bị năm triền cái che tâm, làm tạp hạnh, khi chuyển thân hưởng thụ giàu sang lớn, hoặc làm quốc vương, hoặc làm đại quỷ thần vương, long vương... vì đã tạo ác nghiệp thân khẩu ý không thanh tịnh nên không được sanh ở trước Phật, và các chỗ vô tội trong cõi trời cõi người; ấy gọi là bại hoại Bồ-tát. Những người như vậy, tuy mất tâm Bồ-tát song do nhân duyên đời trước, còn ưa bố thí, nên nãi hại nhiều chúng sanh, cướp giựt phi pháp, để lấy của đem làm phước.

Bồ-tát thành tựu là không mất tâm Bồ-đề, thương xót chúng sanh, hoặc có người tại gia thọ năm giới, có người xuất gia thọ giới. Tại gia Bồ-tát, tuy hạnh nghiệp thành tựu, có người vì nhân duyên đời trước phải chịu nghèo cùng, nghe Phật dạy có hai cách bố thí là pháp thí, tài thí. Người xuất gia nên nhiều pháp thí, người tại gia nên nhiều tài thí. Ta nay vì nhân duyên đời trước, không sanh nhà giàu, thấy Bồ-tát bại hoại kia tạo tội để bố thí, tâm không vui mừng, nghe Phật không khen ngợi tài thí nhiều, chỉ khen tâm thanh tịnh thí, vì vậy nên ta tùy có được vật gì thí vật ấy.

Lại xuất gia Bồ-tát thủ hộ giới nên không chứa tài vật.

Lại tự suy nghĩ công đức của giới hơn công đức của bố thí, nên tùy có được vật gì thí vật ấy.

Lại nữa, Bồ-tát nghe trong Phật pháp nói nhân duyên đời trước bố thí ít được quả báo nhiều, như A-la-hán Bạt-câu-la lấy thuốc một trái Ha-lê-lặc bố thí mà 91 kiếp không đọa ác đạo, hưởng phước vui cõi trời cõi người, thân thường không bệnh, thân cuối cùng được quả A-la-hán. Lại như Sa-môn Nhị-thập-ức tu ở trong pháp đức Phật Tỳ-bà-thi, làm một phòng xá cấp cho Tỳ-kheo Tăng, trải một tấm da dê để cho Tăng bước lên, nhờ nhân duyên ấy, trong 91 kiếp chân không đạp đất, hưởng vô lượng phước vui trong cõi người cõi trời, thân cuối cùng được sanh vào nhà đại Trưởng giả, thọ thân đoan chánh, dưới chân mọc lông dài hai tấc, màu như lưu ly xanh, xoay về phía hữu. Lúc mới sanh, phụ thân cho ông hai mươi ức lượng vàng, lúc sau chán đời ngũ dục, xuất gia đắc đạo, Phật khen là Tỳ-kheo tinh tấn đệ nhất.

Lại như Tỳ-kheo Tu-mạn-nhĩ, đời trước trông thấy tháp Phật Tỳ-bà-thi, lấy hoa Tu-mạn trên tai bố thí, nhờ nhân duyên ấy trong 91 kiếp thường không bị đọa ác đạo, hưởng phước vui cõi trời cõi người, thân cuối cùng, khi sanh ra, có hoa Tu-

mạn ở trên tai, hương thơm đầy nhà, cho nên đặt tên là Tu-mạn-nhĩ. Lúc sau chán đời xuất gia, chứng đạo quả A-la-hán.

Như vậy, Bồ-tát nhờ nhân duyên đời trước bố thí ít được quả báo nhiều, bèn tùy theo vật có được nhiều ít mà bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát cũng không nhất định thường bố thí ít vật, mà tùy theo vật có được nhiều thì nhiều, ít thì ít.

Lại nữa, Phật muốn tán thán công đức Bát-nhã ba-la-mật lớn lao, nên nói thí ít mà được quả báo nhiều, công đức vô lượng.

Hỏi: Như A-la-hán Bạt-câu-la... cũng bố thí ít mà được quả báo nhiều, đâu có dùng Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Bạt-câu-la tuy được quả báo, nhưng có kiếp số hạng lượng, được đạo quả nhỏ, vào Niết-bàn. Còn Bồ-tát do Bát-nhã ba-la-mật phương tiện hồi hướng, nên bố thí ít mà phước đức vô lượng vô biên vô số.

Hỏi: Thế nào là do phương tiện hồi hướng, nên bố thí ít mà công đức vô lượng vô biên?

Đáp: Tuy bố thí ít mà đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát suy nghĩ rằng: Ta do phước đức nhân duyên này không phải để cầu các vui thế gian trong cõi trời cõi người, mà chỉ để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

Lại phước đức ấy vì độ hết thấy chúng sanh, cũng như chúng sanh vô lượng vô biên nên phước đức cũng vô lượng vô biên.

Lại nữa, phước đức ấy dùng đại từ bi gây dựng, đại từ bi vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

Lại nữa, phước đức của Bồ-tát hòa hợp với thật tướng các pháp, nên ba phần đều thanh tịnh là người nhận, người cho và tài vật, đều chẳng thể có được. Như trong Kinh Bát-nhã ba-la-mật, khi ban đầu vì Xá-lợi-phất nói Bồ-tát bố thí, cả người cho, người nhận, và tài vật đều không thể có được, nên đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Dùng trí tuệ thật tướng ấy bố thí nên được vô lượng vô biên phước đức.

Lại nữa, các Bồ-tát đều ghi nhớ phước đức có được đều là như tướng, pháp tánh tướng, thật tế tướng. Ví như, pháp tánh, thật tế vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

Hỏi: Nếu đại Bồ-tát quán các pháp thật tướng biết như, pháp tánh, thật tế, là tướng tịch diệt vô vi, thì làm sao còn sanh tâm để tạo phước đức?

Đáp: Bồ-tát tu tập tâm đại bi lâu ngày, khi tâm đại bi phát khởi, suy nghĩ rằng: Chúng sanh không biết thật tướng các pháp, ta sẽ làm cho chúng sanh biết được thật tướng ấy, nên dùng sức Tinh tấn ba-la-mật giúp cho tâm đại bi, trở lại thật hành nghiệp nhân duyên về phước đức, ví như lửa tắt gặp được gió, củi thời bùng cháy lại.

Lại nữa, vì nhớ lại bản nguyện, và mười phương Phật đến nói rằng: Người hãy nhớ lại khi mới phát tâm và nay người mới được một pháp môn ấy, còn vô lượng pháp môn như vậy, người chưa được tất cả, hãy trở lại chứa nhóm các công đức, như trong Thất địa của kinh Tiệm bị nói rõ.

Hỏi: Bồ thí nhiều ít thì có thể như vậy. Về giới có năm giới, giới thọ một ngày, mười giới, nhiều ít cũng có thể được, vì nó thuộc sắc pháp có thể phân biệt được. Còn bốn Ba-la-mật kia, làm sao biết nó nhiều ít?

Đáp: Nó đều biết được, như nhãn có hai thứ là thân nhãn và tâm nhãn. Thân nhãn là tuy thân miệng không động nhưng tâm không thể không động khởi, vì thiếu nhãn cho nên không thể chế tâm. Tâm nhãn là thân tâm đều nhãn, giống như cây khô.

Lại nữa, thiếu nhãn là bị người đánh mắng không đánh mắng lại. Đại nhãn là không phân biệt người mắng, người nhãn và sự nhãn.

Lại nữa, nhãn đối với chúng sanh là thiếu nhãn, nhãn đối với pháp là đại nhãn. Như vậy là phân biệt thiếu nhãn.

Thiếu tinh tấn có hai là thân tấn và tâm tấn. Thân tấn là thiếu, tâm tấn là đại. Tinh tấn bên ngoài là thiếu, tinh tấn bên trong là đại. Thân miệng tinh tấn là thiếu, ý tinh tấn là đại. Như Phật nói ý nghiệp sức lớn, như khi vị đại tiên nhãn nổi sân, có thể khiến một nước lớn tiêu diệt.

Lại nữa, thân miệng làm tội ngũ nghịch, bị quả báo lớn ở trong địa A-tỳ chỉ một kiếp, trong khi đó ý nghiệp sức lớn, được sanh cõi trời Phi hữu tướng phi vô

tường, sống tám vạn đại kiếp và cũng ở mười phương cõi Phật sống vô lượng kiếp. Vì vậy nên biết thân miệng tinh tấn là tiểu, ý tinh tấn là đại.

Lại nữa, như Kinh nói: Nếu thân, miệng, ý, tịch diệt bất động, ấy là đại tinh tấn. Động là tiểu tinh tấn, như vậy gọi là tiểu tấn.

Tiểu thiền là dục giới định, vị đáo địa, vì không lìa dục nên gọi là tiểu, và quán hai thiền. Sơ thiền là tiểu, cho đến Diệt tận định, hữu lậu là tiểu, vô lậu là đại. Chưa được bất thối, chưa được vô sanh nhẫn pháp thiền là tiểu, được bất thối, được vô sanh nhẫn pháp thiền là đại. Cho đến ngòai đạo tràng định tương ưng với giải thoát thứ mười sáu là tiểu, Kim cang tam-muội thứ mười bảy là đại.

Lại nữa, nếu Bồ-tát quán hết thấy pháp thường định, không tán loạn, không nương tựa, không phân biệt, ấy là đại, ngoài ra đều là tiểu.

Tuệ có hai là thế gian tuệ và xuất thế gian tuệ. Thế gian tuệ là tiểu, xuất thế gian tuệ là đại. Tịnh tuệ, tạp tuệ, tướng tuệ, vô tướng tuệ, phân biệt tuệ, vô phân biệt tuệ, tùy pháp tuệ, phá pháp tuệ, vì sanh tử tuệ, vì Niết-bàn tuệ, vì tự lợi ích tuệ, vì lợi ích hết thấy chúng sanh tuệ... cũng như vậy.

Lại nữa, văn tuệ là tiểu, tư tuệ là đại, tư tuệ là tiểu, tu tuệ là đại, hữu lậu tuệ là tiểu, vô lậu tuệ là đại, tuệ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tiểu, tuệ tu hành sáu độ là đại, tu tuệ là tiểu, phương tiện tuệ là đại, trong các địa phương tiện triển chuyển có đại tiểu, cho đến mười địa. Như vậy phân biệt nhiều và ít.

Phật khen Bồ-tát kỳ lạ đặc biệt, trong việc nhỏ mà được vô lượng vô biên công đức, hưởng chi việc lớn. Còn các người khác bỏ nhiều tài vật, thân miệng siêng khổ mà được phước ít. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy, không kịp được Bồ-tát tu ít mà quả báo nhiều. Như trước nói ví dụ hơi miệng phát ra tiếng không vang đi xa, tiếng thổi vào trong cõi thời có thể vang xa. Như vậy nghiệp thân bố thí ít, các người khác làm thời được phước đức cũng ít, còn đại Bồ-tát do lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật hồi hướng, nên được vô lượng vô biên phước đức.

Do vậy nên nói muốn thật hành ít thí, ít giới, ít nhẫn, ít tấn, ít thiền, ít trí.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Nghĩa của các Ba-la-mật như trước đã nói.

Hỏi: Tướng năm Ba-la-mật tức là tướng Bát-nhã ba-la-mật chăng? Nếu là tướng Bát-nhã ba-la-mật thì không nên có năm tên sai khác, có sao nói muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Cũng đồng, cũng khác. Khác là Bát-nhã ba-la-mật là quán thật tướng các pháp mà không lãnh thọ, không dính mắc các pháp. Bồ thí là bỏ tất cả vật sở hữu trong ngoài. Đem tâm Bát-nhã ba-la-mật làm việc bồ thí, khi ấy bồ thí được gọi là Ba-la-mật.

Lại nữa, năm Ba-la-mật gieo trồng các công đức, còn Bát-nhã ba-la-mật trừ tâm tà kiến chấp trước. Như một người gieo lúa, một người bừa trừ cỏ rác, để cho lúa tăng trưởng đơm hoa kết trái. Bốn Ba-la-mật kia cũng như vậy.

Hỏi: Nay làm sao muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Bồ thí có hai, một tịnh, hai bất tịnh. Bất tịnh là vì kiêu mạn nên bồ thí, nghĩ rằng: người thua ta mà còn bồ thí, ta há lại không làm được ư? Vì ganh ghét nên bồ thí, nghĩ rằng, kẻ oán ghét ta nhờ bồ thí mà được tiếng hơn ta, vậy nay ta sẽ thí cho nhiều thì chắc chắn hơn người kia. Vì nghèo nên bồ thí, nghĩ rằng: Ta bồ thí một ít vật mà được quả báo gấp ngàn vạn, cho nên bồ thí. Vì danh nên bồ thí, nghĩ rằng, nay ta ưa bồ thí, ta sẽ ở vào số người tốt, được mọi người tín mộ. Vì thu nhiếp người nên bồ thí, nghĩ rằng: Nay ta bồ thí, chắc người sẽ quy về ta. Các lối hành thí xen tạp kiết sử như vậy, gọi là bất tịnh.

Tịnh là, không có việc xen tạp như trên, chỉ đem tâm thanh tịnh, tin nhân quả, cung kính thương xót người thọ nhận, không cầu lợi đời nay, chỉ cầu công đức đời sau. Lại có cách tịnh thí không cầu lợi ích đời sau, chỉ đem tâm tu hành giúp cầu Niết-bàn. Lại có cách tịnh thí là sanh tâm đại bi, vì chúng sanh nên không cầu tư lợi, sớm được Niết-bàn, mà chỉ vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là tịnh thí. Do tâm Bát-nhã ba-la-mật nên có thể tịnh thí như vậy. Do vậy nên nói muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, do năng lực Bát-nhã ba-la-mật, bỏ tâm chấp trước các pháp, hướng gì tâm chấp ngã lại không bỏ được. Vì bỏ tâm chấp ta, nên xem tự thân và vợ con như cỏ, đất, không chút luyến tiếc, đều bồ thí hết cả.

Do vậy nên muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy. Nhờ tâm Bát-nhã ba-la-mật giúp thành tựu vậy.

Lại nữa, các Ba-la-mật kia, không nhờ có Bát-nhã ba-la-mật thì không được gọi là Ba-la-mật, và cũng không bền chắc. Như trong phẩm sau nói: Năm Ba-la-mật

không có được Bát-nhã ba-la-mật thời không được gọi là Ba-la-mật. Lại như Chuyển luân thánh vương, không có xe báu thời không gọi là Chuyển luân thánh vương, không thể lấy báu khác để gọi được. Cũng như nhóm người mù không ai dẫn dắt thì không thể đi đến được. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, dắt dẫn năm Ba-la-mật khiến đạt đến Tát-bà-nhã (nhất thiết chủng trí). Ví như đại quân không có tướng giỏi, không thành công đánh giặc. Lại như thân người, các căn tuy có đủ, nếu không có mắt, không thể tự đến đâu được. Lại như người không có mạng căn, thời các căn khác đều hoại diệt, có mạng căn thời các căn khác hữu dụng. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Năm Ba-la-mật kia không có Bát-nhã ba-la-mật không được tăng trưởng, có được Bát-nhã ba-la-mật thời các Ba-la-mật kia được tăng trưởng đầy đủ.

Do vậy nên Phật nói, muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn đời đời thân thể tương tự với Phật, muốn đầy đủ 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Trong kinh Thanh văn nói: Bồ-tát tu hành qua khỏi ba A-tăng-kỳ kiếp, trong một trăm kiếp tiếp theo gieo trồng nhân duyên về 32 tướng, sao nay nói đời đời thân thể tương tự với Phật, có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (Abhidharma-vibbassa) của Ca-chiên-diên-tử nói như vậy, chứ không phải trong Tam tạng nói, vì sao? Vì 32 tướng người khác cũng có, đâu đủ cho là quý, như Nan-đà ở kiếp trước, nhân một lần tắm cho chúng Tăng phát nguyện rằng: nguyện cho tôi đời đời đoan chánh thanh thiết. Lại trong một kiếp khác, gặp tháp Bích-chi Phật, lấy tranh vẽ trang nghiêm tượng Bích-chi Phật, phát nguyện rằng: nguyện cho tôi đời đời có sắc tướng nghiêm thân. Do nhân duyên ấy, đời đời được thân tướng trang nghiêm, cho đến thân cuối xuất gia làm Sa-môn, Chúng tăng ở xa trông thấy gọi đó là Phật, đồng đứng dậy nghinh đón. Nan-đà Tiểu thừa gieo ít công đức mà còn được quả báo ấy, huống chi Bồ-tát trong vô lượng vô số kiếp tu tập công đức mà đời đời thân hình không tương tự Phật sao?

Lại như Di-lặc Bồ-tát, khi còn làm kẻ bạch y, vị thầy tên là Bà-bạt-lê có ba tướng: 1. Tướng lông trắng giữa hai chân mày. 2. Tướng lưỡi phủ cả mặt. 3. Tướng mã âm tàng.

Như vậy, không phải là Bồ-tát cũng đều có tướng, thì Bồ-tát há phải sau ba vô số kiếp mới gieo nhân về tướng tốt?

Lại nữa, trong Đại thừa, có Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hề sanh ác tâm, đời đời được quả báo có ngũ thông, thân thể tợ Phật.

Hỏi: Bồ-tát chưa được Phật đạo, sao được thân tướng như Phật?

Đáp: Bồ-tát vì độ chúng sanh, mà hoặc làm thân Chuyển luân thánh vương, hoặc làm thân Đế-thích, hoặc làm thân Phạm-vương, hoặc làm thân Thanh văn, thân Bích-chi Phật, thân Bồ-tát, thân Phật. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Văn-thù-sư-lợi tự nói: Bấy mươi hai ức phen làm một Duyên-giác mà vào Niết-bàn. Lại hiện làm Phật hiệu là Long-chủng-tôn. Thời ấy chưa phải có Phật mà chúng sanh vẫn thấy thân Phật, hoan hỷ lãnh thọ giáo hóa.

Hỏi: Nếu Bồ-tát có thể làm thân Phật thuyết pháp độ sanh, vậy với Phật có gì sai khác?

Đáp: Bồ-tát có đại thần lực, ở địa vị thập trú, đầy đủ Phật pháp mà trú thế gian, vì rộng độ chúng sanh nên không thủ chứng Niết-bàn, cũng như huyền sư tự biến hóa thân thuyết pháp cho người, chẳng phải thân Phật thật. Tuy độ thoát chúng sanh như vậy, song có lượng có hạn, còn Phật độ sanh vô lượng vô hạn. Bồ-tát tuy làm thân Phật, không thể cùng khắp mười phương thế giới, còn Phật thân thời cùng khắp vô lượng thế giới, trước những người đáng được độ, đều hiện Phật thân. Cũng như trăng đêm mười bốn tuy có sáng mà không bằng trăng đêm rằm. Bồ-tát và Phật có sai khác cũng như vậy.

Hoặc có Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, pháp tánh sanh thân, ở địa vị thất trụ, có năm thần thông, biến hóa thân như Phật, giáo hóa chúng sanh.

Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, tu sáu Ba-la-mật, do nhân duyên hạnh nghiệp ấy, được thân tướng giống Phật, giáo hóa chúng sanh.

Hỏi: Ba mươi hai tướng là quả báo do bố thí... còn Bát-nhã ba-la-mật là không có gì, như hư không, có sao nói muốn được tướng tốt nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Ba mươi hai tướng có hai loại: 1. Đầy đủ như Phật. 2. Không đầy đủ, như Chuyển luân thánh vương, Nan-đà... Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp với bố thí, nên được tướng tốt đầy đủ như Phật. Các người khác chỉ hành bố thí không có Bát-nhã, nên tướng không đầy đủ.

Hỏi: Tại sao bố thí... mà được 32 tướng?

Đáp: Như đàn việt khi bố thí, người thọ lãnh được sắc lực... nắm việc ích thân, nên người bố thí được đầy đủ tướng vành xe (xoáy tròn) ở chân tay. Như trong chương Đàn ba-la-mật ở trước đã nói rộng. Thật hành trì giới, nhẫn nhục... cũng như vậy, đều làm cho đủ 32 tướng. Những gì là 32 tướng? Một tướng dưới bàn chân bằng phẳng, còn các tướng khác như trong phẩm Tán Bồ-tát ở trước đã nói rõ.

Hỏi: Nhân duyên gì được tướng bàn chân bằng phẳng?

Đáp: Phật đòi đòi nhất tâm kiên cố trì giới, cũng không khiến người khác phá giới, nên được tướng thứ nhất. Được tướng thứ nhất ấy thì ở trong tự pháp không ai lay động được, nếu làm Chuyển luân thánh vương, thì ở trong tự quốc độ không ai xâm lăng được. Do hạnh nghiệp đúng như pháp nuôi dưỡng, bảo hộ nhân dân và Sa-môn xuất gia, nên được tướng bánh xe ngàn tấm, là tướng ban đầu chuyển pháp luân, nếu làm Chuyển luân thánh vương thì được Chuyển bảo luân. Do nghiệp xa lìa sát sanh nên được ngón tay dài. Do nghiệp không trộm cắp nên được tướng gót chân đầy đặn. Do nghiệp lấy bốn nhiếp pháp thu nhiếp chúng sanh nên được tướng mạng lưới ở giữa các ngón tay chân. Do nghiệp lấy y phục, ẩm thực, ngọa cụ thượng diệu cúng dường bậc tôn trưởng nên được tướng tay chân mềm mại. Do nghiệp tu phước càng tăng nên được tướng mu bàn chân cao, tướng mỗi lỗ chân lông mọc một lông, lông đều hướng lên trên. Do nghiệp đúng như pháp sai khiến hòa hợp làm phước và mau mắn dạy người, nên được tướng chân đùi đẹp như nai chúa Y-nê-diên. Do đúng như pháp lấy tịnh vật bố thí, không nào hại người thọ lãnh, nên được tướng đứng thẳng tay dài quá gối, tướng thân ngay ngắn như cây Ni-câu-lô-đà. Do tu tâm biết tầm quý nhiều và dứt tà tâm, lấy phòng xá, y phục, vật che trùm để bố thí, nên được tướng âm tàng như ngựa chúa. Do tu Từ tam-muội, tâm tịnh tín nhiều, và dùng ẩm thực, y phục, ngọa cụ màu sắc đẹp để bố thí, nên được tướng kim sắc, tướng hào quang một trượng. Do thường ưa vấn nghĩa, cung cấp người tôn trọng và người lành, nên được tướng da tế mịn. Do đúng pháp xét đoán sự việc, không tự chuyên chấp, ủy thác việc chấp chánh, nên được tướng phần trên như sư tử, tướng dưới nách đầy đặn, tướng mi mắt tròn. Do cung kính đưa đón hầu hạ tôn trưởng nên được tướng thân thẳng rộng. Do bố thí đầy đủ nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Do thí xả tất cả không tiếc luyến, nên được tướng má vuông. Do lìa nói hai lưỡi nên được tướng 40 cái răng, tướng răng khít và ngang bằng. Do thường tu tâm từ, tư duy đều tốt, nên được răng trắng không lồi lõm. Do lìa vọng ngữ nên được tướng lưỡi mỏng rộng. Do bố thí đồ ăn ngon, không nào hại người lãnh thọ nên được tướng có chất vị tối thượng trong thực vị. Do

liạ ác khẩu nên được tướng Phạm âm. Do thiện tâm mắt hiền nhìn chúng sanh nên được tướng con mắt xanh biếc, như con mắt trâu chúa. Do lễ kính bậc tôn kính và tự trì giới, lấy giới dạy người, nên được tướng nhục kế. Do tán thán người đáng tán thán nên được tướng lông trắng giữa hai chân mày; ấy là nghiệp duyên tạo thành 32 tướng theo trong pháp Thanh văn.

Nghiệp duyên tạo 32 tướng theo trong pháp Đại thừa là:

Hỏi: Chư Phật mười phương, các pháp ba đời, đều là tướng vô tướng, có sao nay nói 32 tướng? một tướng còn không thật, hướng gì 32?

Đáp: Phật pháp có hai đế: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Vì thế đế nên nói 32 tướng, vì đệ nhất nghĩa đế nên nói vô tướng.

Có hai đạo: 1. Khiến chúng sanh tu phước đạo. 2. Tuệ đạo. Vì phước đạo nên nói 32 tướng, vì tuệ đạo nên nói vô tướng, vì sanh thân nên nói 32 tướng, vì pháp thân nên nói vô tướng. Phật thân lấy 32 tướng 80 vẻ đẹp tùy hình để tự trang nghiêm. Pháp thân lấy mười lục, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung, các công đức để trang nghiêm.

Chúng sanh có hai nhân duyên: 1. Nhân duyên phước đức. 2. Nhân duyên trí tuệ. Muốn lấy phước đức nhân duyên dẫn đạo chúng sanh nên dùng 32 tướng, muốn lấy trí tuệ nhân duyên dẫn đạo chúng sanh nên dùng pháp thân.

Có hai loại chúng sanh: 1. Chúng sanh biết các pháp là giả danh. 2. Chúng sanh chấp vào danh tự. Vì chúng sanh chấp vào danh tự nên nói vô tướng, vì chúng sanh biết các pháp là giả sanh nên nói 32 tướng.

Hỏi: Công đức mười lục, bốn vô sở úy cũng đều có tướng riêng, có sao nói pháp thân vô tướng?

Đáp: Hết thầy pháp vô lậu tương ứng với 16 hành (*quán 16 hành tướng của bốn đế - ND*), ba tam-muội (*không vô tướng, vô tác - ND*) nên đều gọi là vô tướng. Phật muốn cho chúng sanh hiểu nên phân biệt nói các tướng. Nói hết thầy Phật pháp, lấy không, vô tướng, vô tác ẩn ký, nên đều vào như, pháp tánh, thật tế, nhưng vì hạng người nhờ trông thấy sắc mà hoan hỷ phát đạo tâm, nên hiện thân 32 tướng trang nghiêm.

Lại nữa, vì hiển bày sự tối thắng đối với chúng sanh nên hiện ra 32 tướng mà không phá pháp vô tướng, như Bồ-tát mới sanh trong bảy ngày đầu, quán bằng lụa trắng, đưa chỉ các thầy tướng, các thầy tướng lấy sách tướng xưa ra đoán và

trả lời vua rằng: theo pháp sấm ký của chúng tôi, thì người có 32 tướng, nếu ở nhà thường làm Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia sẽ được thành Phật. Chỉ có hai lẽ đó, không có lẽ thứ ba. Các thầy tướng lui ra rồi, Bồ-tát ngủ nghỉ.

Lại có tiên nhân tên A-tư-đà thưa vua Tịnh-phạn rằng: Tôi dùng Thiên nhĩ nghe chư thiên quỷ thần nói, Tịnh-phạn vương sanh con có tướng Phật thân cho nên đến xin xem. Vua rất hoan hỷ, người này là tiên thánh mới từ xa đến muốn xem con ta, liền sắc các người hầu, đưa thái tử đến. Người hầu trả lời vua: thái tử vừa ngủ. A-tư-đà nói: Thánh vương xin thường thí cam lồ cho tất cả, không nên ngủ. Liền đứng dậy đi đến chỗ thái tử, bồng lên trên tay, xem tướng trên dưới xong òa khóc, không tự cầm nổi, vua rất không vui, hỏi A-tư-đà có gì không lành mà khóc lóc như vậy? A-tư-đà đáp: Giả sử trời mưa núi Kim cang lớn, không thể làm lay động một sợi lông của vị này, đâu có gì không tốt. Thái tử chắc sẽ làm Phật, tôi nay tuổi đã xế chiều, sẽ sanh lên cõi trời Vô sắc, không được thấy Phật, không nghe được giáo pháp của Ngài, tự thương cho mình quá!

Vua nói: Các thầy tướng nói không nhất định một việc, nếu ở nhà thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia thì sẽ được làm Phật.

A-tư-đà nói: Các thầy tướng nói chỉ lấy việc đời so sánh mà biết, chẳng phải do Thiên nhãn biết. Sách tướng của chư thánh lại không đầy đủ biết khắp các tướng, chỉ xem tổng quát, không thể rõ ràng cho nên hoặc nói ở nhà sẽ làm Chuyển luân thánh vương, xuất gia sẽ làm Phật. Nay 32 tướng của thái tử, ngay thẳng rõ ràng, sâu xa trong sạch, chắc chắn sẽ làm Phật, chứ không phải làm Chuyển luân thánh vương.

Vì vậy nên biết 32 tướng là rất thù thắng đối với hết thảy chúng sanh.

Nói pháp vô tướng là để phá chấp tướng thường, tịnh, lạc, ngã, nam, nữ, sanh, tử... vì vậy nên Phật pháp tuy là tướng vô tướng, mà hiện ra 32 tướng để dẫn đạo chúng sanh, khiến họ biết Phật là đệ nhất mà sanh lòng tin thanh tịnh, nên nói 32 tướng mà không bị lỗi.

Hỏi: Vì có sao nói 32 tướng chứ không nhiều không ít?

Đáp: Hoặc nói nhiều, hoặc nói ít, đều sẽ có vấn nạn.

Lại nữa thân Phật cao 1 trượng 6, nếu nói ít tướng thì không khắp, không đủ trang nghiêm. Nếu quá 32 tướng thì bị tạp loạn, ví như đồ vật trang sức thân, tuy giàu có châu ngọc, không thể mang nặng anh lạc vào mình, thế nên 32 tướng không nhiều không ít, vừa được trung bình.

Lại nữa, nếu ít không đoan nghiêm, thì để lại chỗ cho 80 vẻ đẹp tùy hình, còn quá 32 tướng thì tạp loạn.

Hỏi: Nếu cần có 80 vẻ đẹp tùy hình, thì sao không gọi cả là tướng mà gọi riêng là vẻ đẹp?

Đáp: Tướng lớn nghiêm thân, nếu nói lớn là bao gồm nhỏ.

Lại nữa, tướng thì thô mà vẻ đẹp thì tế. Chúng sanh thấy Phật thời thấy tướng, còn vẻ đẹp khó thấy. Lại tướng thì các người khác cũng có, còn vẻ đẹp thì hoặc có hoặc không, vì vậy nên nói riêng tướng và vẻ đẹp.

Hỏi: Phật rốt ráo dứt hết tướng chúng sanh, tướng tôi ta, đầy đủ tướng không pháp, cứ sao lại lấy tướng trang nghiêm, như cách của người chấp thủ tướng?

Đáp: Nếu Phật chỉ lấy diệu pháp trang nghiêm tâm, còn thân không có tướng hảo, thì hoặc có chúng sanh khả độ, họ sanh tâm khinh mạn cho Phật không đủ thân tướng, nên không thể nhất tâm vui thọ pháp Phật. Ví như lấy đồ nhơ mà đựng thức ăn ngon, người ta không mừng. Như lấy đũa da thúi đựng vật báu, người cầm lấy không vui. Vì vậy nên Phật lấy 32 tướng trang nghiêm thân mình.

Lại nữa, Phật thường ở giữa đại chúng, cất tiếng rống sư tử rằng: Ta có hết thầy công đức rất là đệ nhất giữa chúng sanh, nếu Phật sanh thân không lấy tướng hảo trang nghiêm, thì hoặc có người nói: Thân hình xấu xí, có thể biết được gì! Phật dùng 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân mà chúng sanh còn có kẻ không tin, huống là không dùng tướng hảo trang nghiêm!

Lại nữa, Phật pháp xa xa, tướng thường vắng lặng, nên chúng sanh cuồng ngu không tin không thọ, cho rằng thân diệt tận rồi không còn có thứ gì nữa. Vì vậy nên Phật đưa tướng lười rộng dài, phát ra tiếng Phạm âm, thân phóng hào quang lớn, dùng các nhân duyên thí dụ, nói pháp thượng diệu, chúng sanh được thấy thân tướng của Phật oai đức, lại nghe âm thanh, đều hoan hỷ tin vui.

Lại nữa, vật trang nghiêm có trong ngoài. Thiên định, trí tuệ, các công đức, là trang nghiêm trong, thân tướng oai đức, trì giới đầy đủ, là trang nghiêm ngoài, Phật cả trong ngoài đều đầy đủ.

Lại nữa, Phật thương nghĩ chúng sanh mà xuất hiện ở đời, lấy các công đức trí tuệ làm lợi ích cho chúng sanh lợi căn, lấy thân tướng trang nghiêm làm lợi ích cho chúng sanh độn căn. Tâm trang nghiêm mở cửa Niết-bàn, thân trang nghiêm mở cửa trời người an lạc. Thân trang nghiêm nên đặc chúng sanh vào

ba chỗ phước, tâm trang nghiêm nên đặc chúng sanh vào ba cửa giải thoát; thân trang nghiêm nên nhờ chúng sanh ra khỏi ba đường ác, tâm trang nghiêm nên nhờ chúng sanh ra khỏi ngục ba cõi.

Như vậy có vô lượng nhân duyên lợi ích, nên lấy tướng hảo trang nghiêm sanh thân.

Kinh: Muốn sanh vào nhà Bồ-tát, muốn được đất Cưu-ma-la-già, muốn được không lìa chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Nhà Bồ-tát: Nếu phát tâm đại bi thậm thâm đối với chúng sanh, ấy là sanh vào nhà Bồ-tát. Như sanh vào nhà vua, không ai dám khinh, cũng không sợ đói khát, lạnh, nóng... người vào đạo Bồ-tát, sanh vào nhà Bồ-tát cũng như vậy. Vì là Phật tử nên chư thiên, rồng, quý thần, các thánh nhân không ai dám khinh, càng thêm cung kính, không sợ ác đạo, chỗ thấp hèn trong cõi trời người, không sợ người Thanh văn, Bích-chi Phật, hay ngoại đạo luận sư đến làm trở ngại tâm kia.

Lại nữa, Bồ-tát mới phát tâm, một lòng phát nguyện từ ngày nay không còn theo các ác tâm, chỉ muốn độ thoát hết chúng sanh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Bồ-tát nếu biết được thật tướng các pháp chẳng sanh chẳng diệt, được vô sanh pháp nhẫn, từ đó trở đi thường trụ Bồ-tát đạo, như Phật nói trong kinh Trì tâm: Từ khi Ta thấy đức Phật Đỉnh Quang (Nhiên Đăng) được pháp vô sanh nhẫn mới bắt đầu đầy đủ sáu Ba-la-mật, còn từ đó về trước, hoàn toàn không có bố thí, trì giới...

Lại nữa, nếu Bồ-tát nghĩ rằng, lấy kiếp số nhiều như cát sông Hằng làm một ngày một đêm, dùng ngày đêm ấy, 30 ngày làm một tháng, 12 tháng làm một năm, số năm như vậy quá trăm ngàn vạn ức kiếp mới có một đức Phật ra đời. Đối với chỗ đức Phật ấy, cúng dường, trì giới, chứa các công đức, ở nơi chư Phật nhiều như cát sông Hằng như vậy, vậy sau mới được thọ ký làm Phật, mà tâm Bồ-tát không giải đãi, không mất không chán, thấy đều vui tu hành.

Lại nữa, Bồ-tát đối với chúng sanh tà định, ngũ nghịch, và người dứt thiện căn, mà sanh tâm từ bi, khiến họ vào chánh đạo, không cầu báo ân.

Lại nữa, Bồ-tát khi mới phát tâm đến nay, không bị các phiền não che lấp, phá hoại.

Lại nữa, Bồ-tát tuy quán thật tướng các pháp, đối với các quán, tâm cũng không chấp trước.

Lại nữa, Bồ-tát tự nhiên, miệng thường nói thật, cho đến trong mộng cũng không nói dối.

Lại nữa, Bồ-tát thấy sắc đều là sắc Phật, do năng lực của niệm Phật tam-muội, không đắm trước nơi sắc.

Lại nữa, thấy hết thấy chúng sanh bị trôi lăn trong khổ sanh tử, nên đối với hết thấy sự vui, tâm cũng không đắm trước, chỉ nguyện rằng: Ta và chúng sanh, lúc nào sẽ được độ thoát.

Lại nữa, Bồ-tát đối với hết thấy trần bảo, tâm không đắm trước, chỉ vui theo Tam bảo.

Lại nữa, Bồ-tát thường dứt năm dục, cho đến không sanh tâm tưởng nhớ, hưởng có thật sự.

Lại nữa, chúng sanh mắt trông thấy Bồ-tát, liền được từ tam-muội.

Lại nữa, Bồ-tát hay làm cho hết thấy pháp đều là Phật pháp, không có pháp Thanh văn, Bích-chi Phật và pháp phàm phu sai khác.

Lại nữa, Bồ-tát phân biệt hết thấy pháp, đối với hết thấy pháp cũng không sanh tướng pháp, cũng không sanh tướng phi pháp. Có vô lượng nhân duyên như vậy, ấy gọi là sanh vào nhà Bồ-tát.

Hỏi: Từ khi phát tâm lại đây, đã sanh vào nhà Bồ-tát, sao nay còn nói muốn sanh vào nhà Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Có hai thứ nhà Bồ-tát: là có thối chuyển và không có thối chuyển; nhà danh tự, nhà thật; nhà tịnh, nhà tạp; nhà có tin kiên cố, nhà không tin kiên cố. Vì muốn được nhà không thối chuyển, cho đến nhà có lòng tin kiên cố, nên nói: muốn được sanh vào nhà Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn được đất Cưu-ma-la-già (đồng chơn): Hoặc có Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thường hành Bồ-tát đạo, ấy gọi là đất Cưu-ma-la-già.

Lại nữa, hoặc có Bồ-tát phát nguyện rằng: Đời đời làm đồng nam xuất gia hành đạo, không thọ ái dục thế gian, ấy gọi là đất Cưu-ma-la-già.

Lại nữa, như con vua tên Cưu-ma-la-già, Phật là vua pháp, Bồ-tát từ khi vào chánh vị của pháp, cho đến chứng mười địa, đều gọi là con vua, đều kham làm Phật, như Văn-thù-sư-lợi, đủ các Phật sự mười lực, bốn vô sở úy... nên ở đất Cưu-ma-la-già, rộng độ chúng sanh.

Lại nữa, như đồng tử quá 4 tuổi trở lên, chưa đủ 20 tuổi gọi là Cưu-ma-la-già. Hoặc có Bồ-tát mới sanh vào nhà Bồ-tát giống như hài nhi, khi được vô sanh pháp nhãn cho đến mười trụ địa, dứt các việc ác, gọi là đất Cưu-ma-la-già. Muốn được địa vị như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Thường muốn không lìa chư Phật: Bồ-tát đời đời sanh ra thường gặp chư Phật.

Hỏi: Bồ-tát thường giáo hóa chúng sanh, có sao thường muốn gặp Phật?

Đáp: Có Bồ-tát chưa vào địa vị Bồ-tát, chưa được bất thối chuyển, chưa được thọ ký biệt, nên nếu lìa chư Phật, liền hoại các thiện căn, chìm trong phiền não, tự không độ được, đầu độ được người, như người cỡi thuyền giữa dòng bị hư hỏng, muốn vớt người khác, trở lại bị chìm luôn.

Lại như một ít nước sôi đổ vào ao băng lớn, tuy tan băng một chỗ nhỏ, vẫn trở lại thành băng. Bồ-tát chưa vào pháp vị, nếu xa lìa chư Phật, vì ít công đức, không sức phương tiện mà muốn giáo hóa chúng sanh, tuy được ít lợi ích vẫn trở lại đọa lạc! Vì vậy nên hàng tâm học Bồ-tát không nên xa lìa chư Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không nói không xa lìa Thanh văn, Bích-chi Phật, vì Thanh văn, Bích-chi Phật cũng có thể làm lợi ích cho Bồ-tát?

Đáp: Bồ-tát có tâm lớn, Thanh văn, Bích-chi Phật tuy có lợi ích Niết-bàn, mà vì không có nhất thiết trí nên không thể giáo hóa, dẫn đạo Bồ-tát. Chư Phật có nhất thiết chủng trí nên có thể giáo hóa dẫn đạo Bồ-tát, như voi lún dưới bùn, phi sức voi không kéo ra được. Bồ-tát cũng như vậy, nếu vào trong phi đạo, chỉ có Phật cứu được, vì đồng đạo lớn. Vì vậy, nên nói Bồ-tát thường muốn không lìa chư Phật.

Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ rằng ta chưa được Phật nhãn, không khác người mù, nếu không được Phật dẫn đạo, thời không đến được, lầm đi vào đường khác, dầu nghe nói Phật pháp ở chỗ khác lưu hành, mà chưa biết thời tiết giáo hóa, hành pháp nhiều hay ít.

Lại nữa, Bồ-tát thấy Phật thời được các thứ lợi ích, hoặc mắt thấy mà tâm được thanh tịnh, hoặc nghe nói mà tâm vui pháp, được đại trí tuệ, theo pháp tu hành

được giải thoát. Như vậy, gặp Phật được vô lượng lợi ích, đâu lại không một lòng cầu muốn thấy Phật, ví như hài nhi, không nên lìa mẹ. Lại như đi đường, không lìa lương thực, như lúc nóng bức không lìa gió mát nước lạnh, như lúc đại hàn không muốn xa lửa, như qua nước sâu, không nên lìa thuyền, như người bệnh không lìa lương y. Bồ-tát không lìa chư Phật, quá hơn các việc trên ấy, vì có sao? Vì cha mẹ, thân thuộc, tri thức người, trời, vua... đều không lợi ích bằng Phật. Phật lợi ích các Bồ-tát, lìa các chỗ khổ, ở đất của Thế Tôn. Do nhân duyên ấy, Bồ-tát thường không lìa Phật.

Hỏi: Pháp hữu vi giả dối không thật, đều không thể tin, làm sao được như nguyện “không lìa chư Phật”?

Đáp: Đầy đủ phước đức, trí tuệ còn có thể làm Phật, hướng chi là không lìa chư Phật. Vì chúng sanh có tội nghiệp nhân duyên từ vô lượng kiếp nên không được như nguyện. Tuy hành phước đức mà trí tuệ mỏng ít, tuy hành trí tuệ mà phước đức mỏng ít, nên sở nguyện không thành. Bồ-tát cầu Phật đạo nên cần tu hai hạnh là sanh nhẫn và pháp nhẫn. Hành sanh nhẫn nên phát tâm từ bi đối với chúng sanh, diệt tội vô lượng kiếp, được vô lượng phước đức. Hành pháp nhẫn nên phá vô minh đối với các pháp, được vô lượng trí tuệ. Hai hành hòa hợp nên nguyện gì cũng được thành. Vì vậy nên Bồ-tát đời đời thường không lìa Phật.

Lại nữa, Bồ-tát thường ưa vui niệm Phật, nên bỏ thân thọ thân, thường được gặp Phật, ví như chúng sanh tâm tập dục nặng, nên sanh làm thân loài chim đã dâm như khổng tước, uyên ương... ; tập sân hận nhiều nên sanh loài trùng độc, là ác long, la-sát, rết, rắn độc... tâm Bồ-tát không quý phước vui của Chuyển luân thánh vương, người, trời, mà chỉ niệm Phật, nên theo chỗ tâm thiên nặng mà thọ thân hình.

Lại nữa, Bồ-tát thường khéo tu niệm Phật tam-muội, nên sanh ra thường được gặp Phật, như nói ở trong Ban châu tam-muội; Bồ-tát vào tam-muội này liền thấy Phật A-di-đà, bèn hỏi Phật kia do nghiệp gì nên được sanh nước Cực-lạc ấy. Phật liền trả lời: Đây thiện nam tử, do thường tu niệm Phật tam-muội, ghi nhớ không bỏ, nên được sanh nước ta.

Hỏi: Thế nào là niệm Phật tam-muội được sanh nước kia?

Đáp: Niệm Phật là niệm 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, thân sắc vàng, thân phóng hào quang chiếu khắp mười phương, như vàng Diêm-phù-đàn nấu chảy, sắc nó sáng trong. Lại như núi chúa Tu di ở giữa biển lớn, khi mặt trời chiếu vào sắc nó phát sáng, hành giả lúc ấy không còn tưởng các sắc khác, như sắc núi

đất cây cỏ... chỉ thấy thân tướng chư Phật giữa hư không, như vàng đỏ trong bình lưu ly thật hiện ra ngoài, cũng như Tỳ-kheo khi vào bất tịnh quán, chỉ thấy thân thể phình trướng, tan hoại, cho đến chỉ thấy bộ xương người, bộ xương người ấy không có động tạo tác, cũng không đến đi, chỉ do ước tưởng nên thấy. Bồ-tát ma-ha-tát khi vào niệm Phật tam-muội, thấy chư Phật cũng lại như vậy. Vì nhiếp tâm vì tâm thanh tịnh, ví như người trang nghiêm thân mình, soi kính thủy sạch, thấy hết tất cả. Trong kính thủy ấy cũng không có hình tướng, chỉ vì sáng sạch nên trông thấy thân tướng mình.

Các pháp từ xưa đến nay thường tự thanh tịnh, Bồ-tát đem tâm thanh tịnh, tùy ý thấy hết thấy chư Phật, hỏi chỗ nghi ngờ, Phật đáp câu hỏi; nghe điều Phật dạy, tâm rất hoan hỷ; từ tam-muội khởi dậy suy nghĩ rằng: Phật từ đâu lại, thân ta cũng không đi, liền biết chư Phật không từ đâu đến, ta cũng không đi đâu.

Lại suy nghĩ rằng: Các vật hiện hữu trong ba cõi, đều do tâm làm, vì có sao? Vì tùy tâm nghĩ đến thấy đều được thấy. Lấy tâm thấy Phật, lấy tâm làm Phật, tâm tức là Phật, tâm tức thân ta, tâm không tự biết, cũng không tự thấy. Nếu chấp thủ tâm tướng, thấy đều vô trí, tâm cũng hư dối, đều từ vô minh xuất sanh. Nhân tâm tướng ấy, liền vào thật tướng các pháp, là “thường không”.

Được tam-muội và trí tuệ như vậy rồi, do năng lực của hai hành ấy, nên tùy ý sở nguyện không xa lìa chư Phật, như chim Kim sí, nhờ đủ hai cánh nên tự tại bay liệng giữa hư không. Bồ-tát được năng lực tam-muội và trí tuệ nên thân hiện tại tùy ý cúng dường chư Phật, sau khi mạng chung cũng lại gặp được chư Phật.

Vì vậy nên nói: Bồ-tát muốn thường không lìa chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(Hết cuốn 29 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 30

Chương 42

Giải Thích: Thiện Căn Cúng Dường

Kinh. Muốn đem các thiện căn cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, được như ý thành tựu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Bồ-tát đã được không lìa chư Phật, hãy nên cúng dường. Nếu được gặp Phật mà không cúng dường, thật là chẳng vui! Như Bồ-tát Tu-ma-đề (Diệu Ý) gặp Phật Nhiên Đăng mà không có chi cúng dường, tìm kiếm chung quanh, thấy người con gái bán hoa, lấy năm trăm tiền vàng, mua được năm hoa sen xanh để cúng dường Phật. Lại Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, vì cúng dường Thầy, mà bán thịt máu thân mình. Các Bồ-tát như vậy, đã được thấy Phật, tâm muốn cúng dường. Nếu không có gì cúng dường, thì tâm có trở ngại, ví như người dân thường gặp quân trưởng mà không đem lễ tặng, thời là bất kính. Thế nên các Bồ-tát tìm vật cúng dường để cúng dường chư Phật. Phật tuy không cần mà tâm Bồ-tát được đầy đủ, ví như nông phu gặp ruộng tốt mà không hạt giống, tuy muốn gia công, mà không lấy gì để tung sức, tâm rất ưu sầu! Bồ-tát cũng như vậy, được gặp chư Phật, mà không có vật cúng dường, dầu có vật khác, không xứng ý mình; tâm bèn e ngại.

Các thiện căn: Quả báo của thiện căn như hoa hương, anh lạc, y phục, tràng phan, bảo cái, các thứ trân bảo... vì có sao? Vì hoặc có khi lấy nhân nói quả, như nói ngày ăn ngàn lượng vàng, vàng không thể ăn, nhân vàng được ăn, nên nói ăn vàng. Hoặc có khi nói lấy quả nói nhân, như thấy bức vẽ đẹp nói là khéo tay. Thiện căn quả báo cũng như vậy. Do nhân duyên nghiệp thiện căn mà được đồ cúng dường, gọi là thiện căn.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không nói ngay hoa hương mà nói nhân của nó?

Đáp: Đồ cúng dường có hai thứ: 1. Tài cúng dường. 2. Pháp cúng dường. Nếu chỉ nói cúng dường hoa hương thời không bao gồm được pháp cúng dường. Nay nói thiện căn cúng dường, nên biết đã gồm cả tài và pháp.

Cúng dường: Hoặc thấy hoặc nghe công đức chư Phật, sanh tâm cung kính tôn trọng, đưa đón hầu hạ, nhiễu quanh, lễ bái, đứng cúi mình chấp tay, tránh ngồi, yên chỗ, khuyên mời ăn uống, hương hoa, trân bảo... xưng tán các công đức trì

giới, thiên định, trí tuệ, Phật có thuyết pháp thì tín thọ lời dạy bảo; thân. ngữ, ý nghiệp lành như vậy, ấy là cúng dường.

Tôn trọng: Biết hết thầy chúng sanh không ai có đức quá hơn, nên nói là tôn; tâm kính sợ hơn kính sợ cha mẹ, sư trưởng, quân vương, vì sự lợi ích trọng đại, nên nói là trọng.

Cung kính: Khiêm tốn, sợ sệt nên nói là cung, suy tôn trí đức của Phật nên nói là kính.

Tán thán: Khen ngợi công đức là tán, tán chưa đủ, còn xướng lên nữa gọi là thán.

Tùy ý thành tựu: Nếu có hoa để cúng dường, hoa liền theo ý, hoặc cầu được, hoặc không cầu mà được. Có thứ tự nhiên hiện ra, hoặc biến hóa sanh, cho đến các thứ kỹ nhạc cúng dường, đều được như vậy.

Hỏi: Bồ-tát gặp được thứ gì thì cúng dường, có sao lại tìm cầu theo ý?

Đáp: Phước đức theo tâm, dùng vật ái trọng đem cúng dường thì được phước thêm nhiều. Như vua A-dục lúc trẻ nhỏ dùng đất mà mình quý trọng đem dâng Phật. Quả báo được làm vua cõi Diêm-phù-đề, trong một ngày dựng tám vạn tháp, nếu người lớn tuy lấy nhiều đất bỏ vào bát cúng dường mà không được gì, vì không phải là đất được quý trọng. Có người quý trọng riêng thứ hoa, đem hoa ấy cúng dường Phật, được phước thêm nhiều, cho đến bảo vật cũng như vậy.

Lại nữa, thích nghi theo thời, nếu lúc lạnh thì nên đem cho cửi lửa, áo, giày, nhà ấm, mền nệm, và thức ăn uống; lúc nóng thì nên đem cho nước đá, quạt, lọng, nhà mát, áo mỏng, đồ ăn ngon, tùy lúc gió mưa đưa đồ cúng dường. Như vậy tùy thời mà cúng dường.

Lại thích nghi theo địa phương, tùy theo người lãnh thọ cần dùng đều đem cúng dường.

Lại nữa, tùy ý cúng dường là có vị Bồ-tát biết Phật không cần gì, lại biết các vật hư dối như huyễn, chỉ là nhất tướng tức là vô tướng, vì giáo hóa chúng sanh nên tùy tài vật mà chúng sanh và quốc độ quý trọng, dẫn dắt họ cúng dường.

Lại có Bồ-tát được thiên định thâm sâu, phát sanh Bồ-tát thần thông, do sức thần thông nên bay đến trước mười phương Phật, hoặc nơi nước Phật, nếu cần hoa trời mưa khắp, hoa liền khắp đầy ba ngàn đại thiên thế giới, đem cúng dường Phật; hoặc mưa hương Chiên-đàn trời, hoặc mưa châu ngọc tươi sáng;

hoặc mưa bảy báu; hoặc mưa ngọc Như-ý lớn như núi Tu-di; hoặc mưa kỹ nhạc, âm thanh thanh thoát; hoặc lấy thân lớn như núi Tu-di làm tim đèn, cúng dường chư Phật. Như vậy... gọi là tài cúng dường.

Lại Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, lấy pháp cúng dường chư Phật. Hoặc có Bồ-tát thực hành một địa pháp cúng dường chư Phật, cho đến hành mười địa pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát được vô sanh pháp nhãn, trừ phiền não cho mình và cho chúng sanh, ấy là pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát trú ở mười địa dùng thần lực làm đứt lửa địa ngục, khiến cho ngã quỷ đạo được no đủ, sức sanh được lìa sợ hãi, khiến được sanh lên cõi trời cõi người, ở địa vị bất thối, sức đại công đức như vậy, gọi là pháp cúng dường.

Vì vậy nên nói muốn được thiện căn thành tựu, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện về y phục, ăn uống, đồ nằm, hương xoa, xe ngựa, phòng xá, giường chõng, đèn đuốc... hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Có thứ lớp gì, khi muốn làm mãn nguyện cho hết thảy chúng sanh?

Đáp: Hành nghiệp của Bồ-tát có hai: 1. Cúng dường chư Phật. 2. Độ thoát chúng sanh. Do cúng dường chư Phật nên được vô lượng phước đức, đem phước đức ấy làm lợi ích chúng sanh, đó là làm mãn nguyện chúng sanh. Như người chủ buôn vào biển cả tìm châu báu, được an ổn trở về, làm lợi ích cho người thân thích và quen biết. Như vậy, Bồ-tát vào trong biển pháp của chư Phật, được vô lượng báu công đức, làm lợi ích cho chúng sanh. Cũng như tiểu vương cúng dường đại vương, làm cho hoan hỷ, được ban cho đều sở nguyện, chức vị, tài của, đem về nước cũ, làm lợi ích cho mọi người, trừ khổ oán tặc. Bồ-tát cúng dường chư Phật pháp vương, nên được thọ ký biệt, lấy vô lượng trân bảo thiện căn, được vô tận trí lực, trở lại trong chúng sanh, cúng dường người lành, cung cấp vật cần dùng cho người nghèo, bọn ma dân, tà kiến ngoại đạo thảy đều tan rã, ấy là cúng dường chư Phật, tiếp đến làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Bồ-tát thật có thể làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh chăng? Nếu làm mãn nguyện khắp hết chúng sanh, vậy chư Phật và Bồ-tát khác còn lợi ích gì? Nếu không làm mãn nguyện tất cả, thì trong đây có sao nói muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh, hãy học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Có hai thứ nguyện: 1. Nguyện thành được. 2. Nguyện không thành được. Nguyện không thành được là có người muốn cần lượng hư không cùng tận biên

tế, và muốn tìm biên tế của thời gian, phương hướng, thì chỉ như trẻ con tìm trăng đáy nước, tượng trong gương. Những nguyện như vậy thì không thể thành được. Nguyện thành được là như cưa cây tìm lửa, đào đất tìm nước, tu phước được sanh cõi người cõi trời và thành A-la-hán, Bích-chi Phật quả, cho đến được chư Phật pháp vương. Những nguyện như vậy gọi là nguyện thành được.

Nguyện thành được có hai thứ: 1. Thế gian. 2. Xuất thế gian. Trong đây vì nguyện thế gian nên làm mãn nguyện chúng sanh, tại sao biết? Là vì lấy đồ ăn uống, giường nằm, cho đến đèn đuốc cần dùng đều cung cấp cho.

Hỏi: Có sao Bồ-tát làm cho chúng sanh mãn nguyện những điều dễ được, mà không cho những điều khó được?

Đáp: Nguyện có hạ, trung, thượng. Hạ nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời nay. Trung nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời sau. Thượng nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui Niết-bàn. Thế nên, trước cho hạ nguyện, thứ đến trung nguyện, vậy sau thượng nguyện.

Lại nữa chúng sanh phần nhiều đắm cái vui đời nay, ít cầu cái vui đời sau, cái vui Niết-bàn càng ít cầu hơn nữa. Nếu nói nhiều là đã gồm có ít trong ấy.

Lại nữa, kinh này trước sau phần nhiều nói đến cái vui Niết-bàn đời sau, ít nói đến cái lợi đời nay.

Pháp của Bồ-tát là cho hết thầy chúng sanh đủ thứ lợi ích, không nên bỏ một ai, vì sao? Vì tâm ban đầu chỉ muốn dạy chúng sanh tu Đại thừa pháp, nhưng vì chúng sanh không kham thọ hóa, nên tiếp đó dạy cho pháp Thanh văn, Bích-chi Phật. Nếu cũng không kham nữa, thì sẽ dạy cho mười điều thiện, bốn phạm hạnh, khiến tu phước đức. Nếu chúng sanh vẫn không ưa, cũng không nên bỏ rơi chúng sanh ấy, mà nên cho họ sự lợi ích đời này là ăn uống...

Lại nữa, người phạm phu tuy có thể cho người khác ăn uống..., làm mãn nguyện người kia, đều có nhân duyên, hoặc việc đời này, hoặc việc đời sau. Thanh văn, Bích-chi Phật, không có nhân duyên làm mãn nguyện chúng sanh, nên sự lợi ích rất ích, còn đại Bồ-tát do nhân duyên thực hành Bồ thí ba-la-mật nên được làm quốc vương, đại trưởng giả, giàu có vô lượng, chúng sanh bốn phương, nếu đến cầu xin đều được đầy đủ. Như cư sĩ Tân-đầu, làm vị đại đàn-việt, ngồi giường lớn bảy báu, kim cương làm chân, trải nệm trời, màn giảng xích chân châu; người hầu hạ hai bên, mỗi bên có 84.000, toàn trang sức kỳ diệu, mở bốn cửa lớn, tự do cho người đến xin. Ngày đêm sáu thời đánh trống, lại phóng ánh sáng.

Mười phương vô lượng chúng sanh nghe tiếng trống, ánh sáng chạm thân, thầy đều đi đến, muốn được các thứ ăn uống. Trường giả thấy các người ấy nhóm lại, liền im lặng chiêm ngưỡng hư không, khi ấy trong hư không mưa xuống thức trăm vị, đều được theo ý. Nếu chúng sanh không tự lấy được, thì người hai bên lấy chia cấp cho, đầy đủ mới thôi. Ai cần ăn uống, y phục, ngọc cụ, bảo vật... đều cũng như thế. Cho chúng sanh tự do theo ý muốn xong, vậy sau nói pháp, khiến xa lìa bốn cách ăn (*đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực – N.D*) đều an trú trong địa vị bất thoái chuyển. Như vậy Bồ-tát do lực thần thông nên hay làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Lúc Phật ở đời chúng sanh còn có đói khát, trời không mưa, chúng sanh khốn tẻ mà Phật còn không thể cho hết thầy chúng sanh mãn nguyện, huống Bồ-tát làm sao cho chúng sanh mãn nguyện?

Đáp: Bồ-tát trú ở thập địa; vào Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, ở tại ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc có khi hiện làm người mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, hoặc hiện làm người ở địa vị bất thoái chuyển, hoặc hiện làm vị nhất sanh bồ xứ, ở cõi trời Đâu-xuất, thuyết pháp cho chư thiên. Hoặc từ trời Đâu-xuất hạ sanh vào cung vua Tịnh-phạn. Hoặc hiện xuất gia thành Phật. Hoặc hiện Chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, độ vô lượng chúng sanh. Hoặc hiện vào Niết-bàn, dựng tháp bảy báu, ở khắp các quốc độ, để chúng sanh cúng dường Xá-lợi, khi Phật pháp diệt hết. Khi đang làm Bồ-tát mà lợi ích như vậy, huống chi khi thành Phật. Phật thân có hai thứ: 1. Chơn thân. 2. Hóa thân. Chúng sanh thấy được Phật chân thân, không nguyện gì không thỏa mãn.

Phật chân thân đầy khắp hư không, ánh sáng chiếu khắp mười phương, âm thanh thuyết pháp cũng khắp mười phương, đại chúng đầy trong vô lượng hàng hà sa thế giới, thầy đều nghe pháp, thuyết pháp không dứt, trong một khoảng thời gian, mỗi mỗi tùy chỗ nghe mà đặng giải ngộ. Như kiếp tận rồi, do hành nghiệp của chúng sanh nên có mưa lớn đổ xuống, liên tục không dứt, ba đại kia không thể ngăn được, chỉ có gió của kiếp tận mười phương nổi lên, xúc đối nhau mà duy trì nước mưa ấy.

Như vậy, pháp tánh thân Phật thuyết pháp, trừ hàng thập trụ Bồ-tát, hàng tam thừa không thể duy trì được; chỉ có hàng thập trụ Bồ-tát với năng lực phương tiện trí không thể nghĩ bàn là nghe lãnh thọ được. Chúng sanh nào thấy được pháp thân Phật thời không có ba độc, và các phiền não, các khổ rét, nóng cùng lúc diệt hết, không nguyện gì không thỏa mãn. Như ngọc như ý còn luôn cho chúng sanh được tùy nguyện, huống gì ngọc Phật, cho hết thầy được mãn

nguyện thế gian, mãn nguyện xuất thế gian. Nếu nói Phật không thể làm cho chúng sanh mãn nguyện, lời ấy không đúng.

Lại nữa, đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thọ thân ở cung vua, hiện chịu theo phép tắc con người, có lạnh, nóng, đói, khát, ngủ nghỉ, chịu lời phỉ báng, già, bệnh, chết... mà nội tâm trí tuệ thần đức không khác với chân Phật chánh giác, muốn làm thỏa mãn sở nguyện của chúng sanh, đều thỏa mãn được, mà không mãn là vì từ vô số kiếp lại thường làm cho chúng sanh mãn nguyện về ăn mặc mà không khỏi hết khổ, cho nên nay chỉ lấy Niết-bàn vô vi thường lạc làm lợi ích nó, như thương người thân không cho đồ ăn ngon, có lẫn độc. Như vậy nguyện về thế gian chỉ làm sanh các kiết sử, lại khi xa lìa các kiết sử thì tâm sanh đại khổ, cho nên không lấy đó để hứa hẹn.

Lại nữa, có người nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã làm cho chúng sanh mãn nguyện mà chúng sanh tự không nhận được, như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Phật lấy ngón chân ấn xuống đất, tức thời quốc độ được trang nghiêm bảy báu, Phật quốc độ của Ta cũng như vậy, con người nhiều oán hại thì hiện thấy Phật quốc khác hơn.

Lại như vua rồng, tâm bình đẳng mưa xuống, mà ở người thì là nước mà trên thân ngựa quỷ thì là lửa than.

Hỏi: Nếu có thể làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, thì chúng sanh hữu biên, không còn ai chịu khổ đói rét nữa, vì có sao? Vì hết thảy chúng sanh đều đã mãn nguyện lìa khổ được vui?

Đáp: Mãn nguyện hết thảy, là danh tự hết thảy, chứ không phải thật hết thảy, như kệ Pháp cú nói:

“Hết thảy đều sợ chết,

Hết thảy sợ gây đánh,

Suy bụng ta ra người,

Chớ giết chớ đánh gây”.

Tuy nói hết thảy sợ gây đánh đau, nhưng như chúng sanh ở cõi Vô sắc, không thân, thì không có gây đánh đau. Chúng sanh ở cõi Sắc, tuy có thể có thân cũng không có gây đánh đau. Chúng sanh ở cõi Dục cũng có người không bị gây đánh đau, nhưng nói “hết thảy” là chỉ những người đáng bị gây đánh mà nói, chẳng phải thật hết thảy. Vì vậy nên Bồ-tát làm cho hết thảy chúng sanh mãn

nguyện. Nhưng tâm Bồ-tát không có giới hạn, quả báo phước đức cũng vô lượng, chỉ vì chúng sanh bị tội chướng sâu dày từ vô lượng vô số kiếp, nên không thể được, như đệ tử của Xá-lợi-phất là Tỳ-kheo La-tần-châu (Lasoka) đi khát thực sáu ngày liền mà không được chi, cho đến ngày thứ bảy, mạng sắp muốn dứt, có người đồng đạo khát thực đem cho, liền bị chim dứt lấy tha đi. Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Mục-kiền-kiên: Thầy có thần lực lớn, giữ hộ thức ăn ấy đưa cho La-tần-châu được ăn. Mục-kiền-liên liền đem thức ăn đến cho, thức ăn sắp đưa đến miệng, liền biến thành bùn. Lần sau Xá-lợi-phất khát thực đem cho, thì miệng tự ngậm lại. Cuối cùng Phật đi đến đưa thức ăn cho, nhờ phước đức vô lượng của Phật nên làm cho La-tần-châu ăn được. Tỳ-kheo ấy ăn xong, tâm sanh hoan hỷ, càng tin kính gấp bội.

Phật bảo Tỳ-kheo La-tần-châu: Các pháp hữu vi đều là khổ, và nói Tứ đế cho nghe, ngay khi ấy Tỳ-kheo được lậu hết, ý giải, chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Có những chúng sanh phước mỏng, tội nặng hơn đây, Phật không cứu được.

Lại vì biết chúng sanh là không thể có được, rõ thấu pháp tánh, nên chư Phật không có ức tướng phân biệt là người có thể hay không có thể độ, tâm thường vắng lặng, ý không thêm bớt. Vì vậy nên dù Bồ-tát có muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, nhưng vì chúng sanh tội nặng, nên không thể được, Bồ-tát không có lỗi.

Uống, ăn: Ăn lượng có hai thứ là thô và tế. Bánh, cơm, thức ăn trăm vị. Tuy kinh nói do bốn cách ăn mà chúng sanh được tồn tại, nhưng nơi đây chỉ nói cách đoàn thực (*ăn đồ vật có khối lượng năm cầm được – ND*) còn ba cách ăn kia là không có sắc chất, không thể đem cho. Nếu nói cho đoàn thực, thời đã cho ba cách ăn kia, vì sao? Vì nhân đoàn thực nên tăng ích ba cách thực kia. Như Kinh nói: Đàn-việt thí đồ ăn, thời cho người lãnh thọ năm việc lợi ích.

Uống, tổng quát có hai thứ: 1. Rượu cây cỏ, đó là rượu nho, mía, lúa... 2. Nước cây cỏ đó là nước mía, nước nho, nước đường, nước thạch lựu, nước quả lê, mít, nước quả ba-lô-sa... và nước các thứ lúa, như vậy hòa hợp làm thức uống ăn trong loài người. Và các thức uống ăn của trời là vị Tu-đà cam lồ, hoa quả trời... nước Ma-đầu-ma-đà-bà... mỗi loại chúng sanh ăn hoặc ăn lúa, hoặc ăn thịt, hoặc ăn đồ sạch, đồ nhơ, đều đưa đến no đủ.

Y phục: Y có hai thứ, hoặc lấy từ thân chúng sanh làm ra, như tơ lụa, lông, da... Hoặc lấy từ cây cỏ làm ra như vải, bông, cỏ cây... có y của trời, không có đường ngang dọc, tự nhiên từ cây sinh ra, màu sáng nhẹ mềm.

Ngọa cụ: Giường chông, mền nệm, màn, trướng, gối...

Hương xoa: Có hai thứ: 1. Cây Chiên-đàn, xoa thân. 2. Hương tạt các thứ cây, giã nát thành bột lấy xoa thân và ướp chăn áo, hoặc bôi trên đất, trên vách.

Thừa là voi ngựa.

Xa là xe.

Phòng xá là đất, cây, bảo vật làm thành lầu, gác, điện, nhà, cung, quán... để ngăn rét, nóng, gió, mưa, đạo tặc.

Đèn đuốc là dầu, mỡ, sáp ong, ngọc sáng...

Các vật là tất cả những vật cần dùng của chúng sanh không thể nói đủ, cho nên lược nói là “các vật”.

Hỏi: Trong đây có sao không nói hương đốt, hoa đẹp?

Đáp: Nói “các vật” là đều đã gồm trong đó.

Hỏi: Nếu như vậy, chỉ nên lược nói ba thứ: ẩm thực, y phục và đồ trang nghiêm?

Đáp: Các vật này là vật nhu yếu, nếu thương niệm chúng sanh thì trước cho ẩm thực, tiếp đến y phục, rồi hương xoa trừ thân như thú, kế cho ngọa cụ, rét lạnh cần phòng xá, tối tăm cần đèn đuốc.

Hỏi: Hương hoa cũng có thể trừ thú, vì có sao không nói?

Đáp: Hoa chẳng phải có thường, cũng chóng héo tàn, lợi ích ít cho nên không nói. Hương đốt khi lạnh mới cần, khi nóng đáng sợ. Hương xoa thì thông dụng cả khi lạnh khi nóng. Khi lạnh trộn với trầm thủy, khi nóng thì trộn với Chiên-đàn để xoa thân, vì vậy chỉ nói hương xoa.

Hỏi: Nếu thực hành Bồ thí ba-la-mật, được vô lượng quả báo, có thể làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, có sao nói muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, hãy học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Trước đã nói, do có Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp nên gọi là Đàn-ba-la-mật. Nay sẽ nói lại: Chúng sanh có thể được mãn nguyện, không phải chỉ trong một quốc độ, một Diêm-phù-đề, mà đều muốn làm mãn nguyện chúng sanh trong sáu đường khắp mười phương thế giới, nên không phải chỉ Bồ thí mà có thể làm được, phải do Bát-nhã ba-la-mật, phá tướng xa gần, phá tướng hết thảy chúng

sanh, tướng phi hết thầy chúng sanh, trừ hết các ngại, trong khoảnh khắc gãy móng tay, hóa ra vô lượng thân, khắp đến mười phương, mới có thể làm mãn nguyện cho hết thầy chúng sanh.

Thần thông lợi ích như vậy phải từ Bát-nhã xuất sanh, vì vậy, Bồ-tát muốn làm mãn nguyện hết thầy chúng sanh, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, **Xá-lợi-phất:** Bồ-tát ma-ha-tát muốn khiến chúng sanh trong hằng hà sa thế giới, an lập nơi Bồ thí ba-la-mật, an lập nơi trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát-nhã ba-la-mật, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Nghĩa ấy có thứ lớp, vì nhân duyên gì?

Đáp: Lợi có ba thứ: lợi đời này, lợi đời sau, lợi rốt ráo. Vui có ba thứ: vui đời này, vui đời sau, vui xuất thế. Trước kia nói lợi vui đời nay, ở đây nói lợi vui đời sau và xuất thế. Vì vậy nên khiến chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật. Bồ-tát thương nhớ chúng sanh quá hơn cha mẹ nhớ con. Tâm từ bi thấu đến xương tủy, trước lấy ăn uống làm no đủ thân nó, trừ khổ đói khát, kế lấy y phục trang nghiêm thân nó, làm cho thọ vui. Nhưng tâm Bồ-tát không mãn túc, lúc suy nghĩ rằng chúng sanh đã được cái vui đời nay, còn nghĩ làm sao cho được cái vui đời sau. Nếu đem sáu Ba-la-mật thế gian dạy cho thời được cái vui cõi người cõi trời, lâu sau trở lại luân hồi sanh tử, nên lại đem sáu Ba-la-mật xuất thế gian dạy cho, khiến được cái vui vô vi thường hằng.

Lại nữa, trước lấy y phục hoa hương trang nghiêm thân nó, nay lấy công đức trang nghiêm tâm nó. Nếu có ba thứ trang nghiêm thời đầy đủ không còn chi hơn: 1. Y phục bảy báu. 2. Phước đức. 3. Đạo pháp. Bồ-tát muốn đầy đủ ba thứ trang nghiêm chúng sanh, nên trước nói quả báo công đức, nay nói nhân duyên công đức.

Lại nữa, trước nói tuy có đại bố thí mà vì chúng sanh tội nặng không thể hưởng được tất cả. Như trong kinh Ngạ quỷ nói: tuy cho nó đồ ăn mà nó không ăn được, biến thành vật bất tịnh, lửa than.

Lại Bồ-tát không bỏ chúng sanh, nên tạo phương tiện để khiến chúng sanh được lợi ích cơm áo, cho nên dạy tu phước nghiệp, tự làm tự hưởng, Bồ-tát khéo biết nhân duyên, không thể cưỡng ép có được, nên dạy khiến tu để được hưởng. Vì vậy nên tiếp dạy chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Chí nguyện của Bồ-tát là khiến hết thầy chúng sanh mười phương an trú sáu Ba-la-mật, cơ sao chỉ nói chúng sanh trong thế giới như cát sông Hằng?

Đáp: Vì người nghe pháp đã nghe nói cát sông Hằng. Lại đối với Bồ-tát mới phát tâm thì cho vô biên vô lượng là nhiều, nhiều thì rối loạn. Nếu đại Bồ-tát thời không kể số cát sông Hằng.

Lại nữa, nói như cát sông Hằng là nói số vô biên vô lượng, như trong phẩm nói sau.

Lại nữa, như cát sông Hằng là đã nói mười phương các thế giới, trong đây cũng không nói một cát sông Hằng, không nên vấn nạn. Vì vậy nói thế giới như cát sông Hằng, không có lỗi. Nghĩa thế giới như cát sông Hằng như trước đã nói.

Chúng sanh là đối với 5 uẩn, 18 giới, 12 xứ, 6 nhập, 12 duyên... nhiều pháp, giả danh chúng sanh: là trời, là người, là trâu, là ngựa. Chúng sanh có hai thứ: động và tịnh. Động thì phát sanh thân khẩu nghiệp, tịnh thời không thể. Chúng sanh có sắc, chúng sanh không sắc, chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, chúng sanh thế gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, hiền, thánh, phàm phu, tà định, chánh định, bất định, vui, khổ, không khổ, không vui, chúng sanh vui thượng, trung, hạ; chúng sanh học, vô học, phi học phi vô học. Chúng sanh có tưởng, không tưởng, Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Chúng sanh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Chúng sanh cõi Dục có ba hạng: thiện căn có thượng, trung, hạ. Thượng là trời Lục dục, trung là hạng giàu sang trong loài người, hạ là thấp hèn trong loài người. Vì bộ mặt không đồng loại nhau nên có bốn châu thiên hạ khác nhau (*Nam thiên bộ châu, Bắc cu-lô châu, Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu – N.D*).

Bất thiện có ba bậc: thượng là địa ngục, trung là súc sanh, hạ là ngã quỷ.

Lại nữa, chúng sanh cõi Dục có mười thứ: ba ác đạo, người, trời Lục dục.

Địa ngục có ba thứ: địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục hắc ám.

Súc sanh có ba hạng: đi trên không, đi trên bộ, đi trong nước, đi ngày, đi đêm, đi ngày đêm.

Quỷ có hai hạng: quỷ xấu tệ, quỷ đỏi. Quỷ tệ hưởng vui như trời, chỉ khác là ở chung với quỷ đỏi, làm chủ nó. Quỷ đỏi thì bụng như hang núi, cổ nhỏ như kim, thân thể chỉ có ba việc: da đen, xương gân vố số, trăm năm không nghe đến danh từ ăn uống, hưởng chi được thấy. Lại có loài quỷ lửa từ miệng tuôn ra, lấy

loài phi nga nhảy vào lửa làm thức ăn. Hoặc ăn gân, ăn máu mủ, đờm giải, đồ dư thừa rửa bỏ. Hoặc được cúng tế, hoặc ăn đồ sanh để bắt tịnh.

Trời Lục dục là bốn thiên vương... ở giữa trời Lục dục lại riêng có các trời Mang anh lạc, trời Hỷ vọng, trời Tâm sân, trời Chân chim, trời Ưa thấy. Các trời này đều nhiếp vào sáu trời.

Có người nói: chúng sanh cõi Dục có mười một thứ: trước nói năm đạo, nay nói thêm A-tu-la đạo.

Hỏi: A-tu-la tức nhiếp vào năm đạo, A-tu-la chẳng phải trời, chẳng phải người, ở địa ngục khổ nhiều, ở súc sanh hình khác. Như vậy nên nhiếp vào ngạ quỷ phải hơn?

Đáp: Không đúng! Lục A-tu-la ngang bằng trời Ba mươi ba, vì sao? Vì hoặc bị chư thiên phá, hoặc phá chư thiên, như trong Kinh nói: Thích-đề-hoàn nơn bị A-tu-la đánh phá. Bốn thứ binh chúng của A-tu-la chui vào cọng sen để tự dầu mình, hưởng thụ năm dục lạc tương tự như trời, làm đệ tử Phật. Có oai lực như vậy, đâu được nhiếp vào ngạ quỷ. Vì vậy nên phải có sáu đạo.

Lại nữa, như A-tu-la, Chân-đà-la, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà, Dạ-xoa, La-sát, Phù-đà các đại thần này là A-tu-la thuộc trời. A-tu-la hưởng vui ít hơn chư thiên, có oai đức biến hóa tùy ý. Vì thế có người nghi rằng đó là A-tu-la chẳng phải tu-la? Tu-la (*Trung Hoa dịch là lớn, có nghĩa là trời*), có người nói A-tu-la ấy chẳng phải Tu-la. A-tu-la đạo là tên có được ban đầu, ngoài ra đều đồng một đạo.

Hỏi: Kinh nói có năm đạo, cơ sao nói sáu đạo?

Đáp: Cách Phật lâu xa, Kinh pháp lưu truyền năm trăm năm sau, có nhiều dị biệt, kinh bộ không đồng, hoặc nói năm đạo, hoặc nói sáu đạo. Nếu người nói năm đạo, thời xoay vần trong kinh Phật. Lại nói năm, nếu người nói sáu đạo thời xoay vần trong kinh Phật lại nói sáu.

Lại trong Đại thừa như kinh Pháp Hoa nói có sáu thứ chúng sanh, xem các ý nghĩa nên có sáu đạo.

Lại nữa, phân biệt thiện ác nên có sáu đạo: thiện có thượng, trung, hạ, nên có ba đường thiện, là trời, người, A-tu-la. Ác có thượng, trung, hạ nên có ba đường ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu không như vậy thời ác có ba hạng quả báo mà thiện chỉ có hai hạng quả báo, việc ấy mâu thuẫn. Nếu có sáu đạo, đối nghĩa không trái.

Hỏi: Thiện pháp cũng có ba quả: hạ làm người, trung làm trời, thượng là Niết-bàn?

Đáp: Trong đây không nói đến Niết-bàn, chỉ nên phân biệt quả báo về trú xứ của chúng sanh. Niết-bàn không phải quả báo.

Thiện pháp có hai thứ: 1. Ba mươi bảy đạo phẩm có thể đưa đến Niết-bàn. 2. Có thể sanh cái vui đời sau. Nay chỉ nói thiện pháp được thọ thân, không nói thiện pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế gian thiện có ba bậc: do thiện thượng phần nên được quả báo cõi trời, do thiện trung phần nên được quả báo cõi người, do thiện hạ phần nên được quả báo cõi A-tu-la.

Hỏi: Ông tự nói A-tu-la oai lực ngang với trời, hưởng vui không khác trời, sao nay lại nói thiện hạ phần được quả báo A-tu-la?

Đáp: Ở trong loài người, có thể được xuất gia thọ giới, cho đến đạt đạo, ở cõi A-tu-la kiết sử che tâm, đắc đạo rất khó. Chư thiên tuy theo kiết sử mà có tâm thẳng tin đạo, còn A-tu-la tâm nhiều tà vạy, không thường gần đạo. Vì vậy nên A-tu-la tuy giống trời mà vì khó gần đạo nên lại dưới người. Như rồng chúa, chim Kim sí, thế lực tuy lớn, hay biến hóa mà vẫn ở trong súc sanh đạo, A-tu-la đạo cũng như vậy.

Hỏi: Nếu rồng chúa, chim kim sí, thế lực tuy lớn mà vẫn thuộc súc sanh đạo, vậy A-tu-la cũng thuộc vào ngã quỷ đạo, vì sao lại làm ra sáu đạo?

Đáp: Rồng chúa, chim kim sí, tuy được thọ vui, mà vì thân hình đi ngang như súc sanh nên nhiếp thuộc súc sanh đạo. Địa ngục, ngã quỷ thân hình tuy giống người mà vì nó quá khổ, nên không nhiếp vào nhân đạo. A-tu-la thế lực đã lớn, mà thân hình giống người, trời, nên lập riêng sáu đạo; ấy là lược nói chúng sanh cõi Dục.

Chúng sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, như trong phẩm sau sẽ nói.

An lập Bồ thí ba-la-mật: Bồ-tát nói với chúng sanh hãy tu hạnh bồ thí. Nghèo là khổ lớn, không nên vì nghèo mà phải làm ác phải đạo ba đường dữ. Làm các hạnh ác, đạo ba đường dữ, thời không thể cứu. Chúng sanh nghe rồi bỏ tâm xan tham, thực hành Bồ thí ba-la-mật, như trong phẩm sau nói rộng.

Lại nữa, Bồ-tát ở trước chúng sanh, dùng các nhân duyên, các thí dụ mà thuyết pháp, chê bai lòng xan tham, người xan tham, ngay việc cần cho bản thân còn

tiếc không dám dùng, thấy ai đến hỏi xin thì tâm đục sắc biến, liền hiện ra thân sắc âm thanh hung ác xấu xí, gieo nghiệp ác cho đời sau, nên chịu thân hình xấu xí. Trước không gieo nhân duyên bố thí nên thọ thân đời này nghèo hèn, tham đắm tài vật, cầu nhiều không ngưng, mở cửa tội ác, chuyên làm việc ác, đọa trong đường ác.

Lại nữa, nghiệp lợi ích trong vòng sanh tử luân chuyển, không cho hơn bố thí, đời nay đời sau thường được theo ý, các việc tiện lợi cho thân, đều từ bố thí mà được. Bố thí là thiện đạo sư, hay mở ra ba vui: vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn, vì có sao? Vì người ưa bố thí, tiếng tăm lan truyền, tám phương tin vui, không ai không ái kính; ở giữa đại chúng, không có sợ hãi, khi chết không hối hận. Người ấy tự nghĩ: Ta đem tài vật gieo vào ruộng phước tốt, chắc chắn ta được cái vui cõi người cõi trời và mở cửa Niết-bàn, vì có sao? Vì bố thí phá kiết sử tham, thương nghĩ người lãnh thọ; diệt trừ sân não, dứt tâm tật đố; cung kính người lãnh thọ; thời trừ kiêu mạn; tâm quyết định bố thí, lưới nghi tự phá; biết quả báo bố thí, thời trừ tà kiến, vô minh. Các phiền não bị phá như vậy, thời cửa Niết-bàn được mở ra.

Lại nữa, không chỉ mở ra ba cái vui mà còn mở ra vô lượng Phật đạo, chỗ của Thế Tôn, vì có sao? Vì sáu Ba-la-mật là Phật đạo, mà bố thí là cánh cửa đầu, các hạnh khác đều đi theo. Như vậy bố thí có vô lượng công đức. Vì nhân duyên ấy nên khiến chúng sanh an lập nơi Bồ thí ba-la-mật, như trong chương bố thí trước đã nói.

An lập Trì giới ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh tán thán việc trì giới rằng: Chúng sanh các người, nên học trì Giới. Công đức của trì giới nhổ khỏi ba đường ác và kiếp hạ tiện trong loài người, khiến được loài người loài trời tôn quý cho đến được Phật đạo. Giới là căn bản của hết thầy sự vui, ví như kho tàng lớn, xuất ra các trân bảo. Giới là sự bảo hộ lớn, hay diệt mọi sợ hãi, ví như đại quân phá giặc. Giới làm trang nghiêm, như đeo anh lạc. Giới là thuyền lớn, hay đưa qua biển lớn sanh tử. Giới là xe lớn, hay chở châu báu quý trọng đi đến thành Niết-bàn. Giới là thuốc hay, hay phá bệnh kiết sử. Giới là thiện tri thức, đời đời theo dõi không hề xa trái, khiến tâm an ổn; ví như đào giếng đã thấy bùn ướt, vui mừng sung sướng, không còn lo sợ. Giới hay thành tựu các hạnh lợi ích, ví như cha mẹ nuôi lớn các con. Giới là thang trí, hay đưa vào vô lậu. Giới hay làm các kiết sử kinh sợ, ví như sư tử, hay làm cho bày thú nhiếp phục. Giới là gốc của hết thầy các đức, ách yếu của xuất gia. Người tu tịnh giới, sở nguyện được theo ý; ví như ngọc Như ý, mọi sự đều được ứng theo niệm.

Như vậy nhiều cách tán thán công đức của giới, làm cho chúng sanh hoan hỷ, phát tâm an trú Trì giới ba-la-mật.

An trú Nhẫn nhục ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh, tán thán nhẫn nhục rằng: Nhẫn là sức mạnh của người xuất gia, hay dẹp các ác, có thể hiện việc kỳ lạ giữa chúng. Nhẫn nhục thủ hộ làm cho thí, giới không làm cho bị hủy hoại. Nhẫn là áo giáp lớn, các quân binh không gia hại. Nhẫn là thuốc hay, hay trừ ác độc. Nhẫn là khéo hơn, giữa đường hiểm sanh tử, an ổn không lo. Nhẫn là kho tàng lớn, thí báu rất lớn cho người thiện nghèo. Nhẫn là thuyền lớn hay đưa qua khỏi sanh tử bờ này, đạt đến Niết-bàn bờ kia. Nhẫn là kính sáng hay làm sáng tỏ các đức, nếu người đến gia ác thì như leo dẫm núi vàng, càng làm phát ánh sáng của nó. Lợi khí để cầu Phật đạo, độ chúng sanh; nhẫn là tối diệu. Hành giả nên nghĩ rằng: nếu ta lấy sân hận đáp lại kia thì là tự hại. Lại nghĩ ta đời trước có tội ấy mà không được như ý, chắc phải nên bồi thường lại. Nếu với người này không nhẫn chịu, các người khác cũng hại ta, đều không tránh được, có sao nổi giận?

Lại nữa, chúng sanh bị phiền não lôi kéo, gây các việc ác, không được tự tại; ví như người bị kẻ quỷ ám hại, mà mắng nhiếc lương y, lương y lúc ấy chỉ lo trừ quỷ, mà không hiềm kẻ mắng. Hành giả cũng như vậy, chúng sanh đưa ác đến mình, không hiềm nó giận dữ, chỉ do trừ kiết sử.

Lại nữa, người tu nhẫn, xem kẻ đến mạ nhục như cha mẹ xem con nhỏ, khi nó mạ nhục lại càng thương xót hơn, yêu nó sâu hơn.

Lại tự nghĩ rằng: người kia đưa ác đến ta, ấy là do nghiệp đã tạo ra đời trước, nay phải chịu; nếu lấy giận đáp trả, lại tạo thêm khổ về sau, biết lúc nào giải thoát được! Nếu nay nhẫn nhục, thì vĩnh viễn lìa khổ. Vì vậy không nên nổi giận. Các nhân duyên như vậy, chê sân giận, sanh từ bi, vào “chúng sanh nhẫn” (*gọi tắt là sanh nhẫn – N.D*).

Vào sanh nhẫn rồi, suy nghĩ mười phương chư Phật thuyết pháp đều nói không có ngã, cũng không ngã sở, chỉ do các pháp hòa hiệp giả danh chúng sanh, như máy chuyển động người gỗ, tuy động tác mà bên trong vô chủ; thân này cũng như vậy, chỉ có da thịt giữ nhau, chuyển theo gió tâm, niệm niệm sanh diệt vô thường, không tịch, không người làm, không người mắng, cũng không người lãnh thọ; vì gốc ngọn rớt ráo không, chỉ là điên đảo hư dối, tâm phàm phu chấp trước. Suy nghĩ như vậy rồi, thời không tướng chúng sanh. Không tướng chúng sanh rồi, các pháp không thuộc về đâu, chỉ do nhân duyên hòa hợp, không có tự

tánh. Như chúng sanh hòa hợp, cưỡng gọi là chúng sanh; pháp cũng như vậy, tức được vào “pháp nhãn”. Được sanh nhãn, pháp nhãn rồi nên còn có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng chi các lợi ích khác.

Chúng sanh nghe như vậy rồi, an trú trong Nhẫn ba-la-mật.

An lập Tinh tấn ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh rằng: Người chớ giải đãi. Nếu tinh tấn thời các công đức lành đều được dễ dàng; nếu giải đãi, thời thấy cây có lửa, còn không gây lên được, hưởng chi việc khác, vì vậy khuyên phải tinh tấn. Nếu người theo phương tiện tinh tấn thời không nguyện gì không thành. Phạm được pháp thù thắng gì, chẳng phải không nhân duyên, mà đều do tinh tấn phát sanh.

Tinh tấn có hai: 1. Hay chứa nhóm, phát sanh các thiện pháp, 2. Hay trừ các ác pháp.

Lại có ba tướng: 1. Muốn làm, 2. Tinh tấn làm, 3. Không ngưng nghỉ.

Lại có bốn tướng: Ác đã sanh tinh tấn diệt trừ; ác chưa sanh tinh tấn không cho sanh; thiện chưa sanh tinh tấn làm cho phát sanh, thiện đã sanh tinh tấn làm cho tăng trưởng, như vậy gọi là tướng tinh tấn.

Tinh tấn nên có thể giúp thành hết thầy thiện pháp; ví như lửa được gió giúp, ngọn mới cháy bùng. Lại như người dựng kiền ở thế gian, có thể vượt núi qua biển. Đạo pháp tinh tấn, cho đến Phật đạo còn được, hưởng chi việc khác. Chúng sanh nghe như vậy rồi, đều an lập Tinh tấn ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người chưa phát Bồ-đề tâm, tán thán pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp tối đệ nhất trong hết thầy pháp, rất là tôn quý, hay lợi ích tất cả, làm cho ngộ được thật tướng không hư dối của các pháp, có đại từ bi, đủ nhất thiết trí, tướng thân kim sắc, đệ nhất vi diệu, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, vô lượng ánh sáng, vô lượng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, ba đạt minh vô ngại, vô ngại giải thoát đối với hết thầy pháp. Được như vậy, thì rất là tối thượng giữa hết thầy chúng sanh, đáng lãnh thọ sự cúng dường của hết thầy thế gian. Nếu người chỉ chuyên tâm niệm Phật, còn được vô lượng vô tận phước đức, hưởng chi tinh tấn bố thí, trì giới, cúng dường, hầu hạ, lễ bái...

Bồ-tát nói với chúng sanh rằng: Phật sự như vậy, người nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, siêng tu tinh tấn, thực hành được pháp như vậy, không khó. Chúng sanh nghe rồi, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng không thể chỉ phát tâm suông mà được, nên thực hành Bồ thí ba-la-mật,

tiếp thực hành Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật. Thực hành năm Ba-la-mật ấy là Tinh tấn ba-la-mật. Nếu không phát tâm Đại thừa, thì dạy tu đạo Bích-chi Phật, nếu không tu Bích-chi Phật, thì dạy tu đạo Thanh văn. Nếu không tu đạo Thanh văn, thì dạy lìa sắc, tu định vô sắc, tịch diệt an lạc. Nếu không tu định vô sắc, thì dạy khiến lìa dục, hưởng theo các thứ vui thiền định ở cõi Vô sắc. Nếu không tu thiền, thì dạy khiến tu mười thiện nghiệp đạo, hưởng thụ thứ vui cõi người, cõi trời, chớ giải đãi, luống chẳng được gì, nghèo cùng hà tiện, chịu đủ cần khổ, thật rất đáng lo!

Giải đãi là đều rất tệ ác, phá hoại đạo lành ích lợi đời này đời sau. Chúng sanh nghe rồi, nhóm các thiện pháp, siêng tu tinh tấn.

An lập Thiền ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh tán thán cái vui thiền định thanh tịnh; là cái vui bên trong, vui tự tại, vui lìa tội lỗi, vui đời này đời sau, vui các bậc thánh, vui của Phạm thiên vương, vui thọ khắp thân, vui thâm hậu vi diệu. Chúng sanh các người sao cứ đắm theo cái vui ngũ dục bất tịnh, cùng thọ cái vui tội cấu đồng với súc sanh, mà bỏ cái vui vi diệu này. Nếu người bỏ cái vui nhỏ thời được cái vui lớn. Người không thấy kẻ nông phu bỏ hạt giống nhỏ, sau thu hoạch quả lớn, như người hiến cho vui vật nhỏ, mà được thưởng lớn, như chút mồi nhỏ đầu lưỡi câu mà được cá to. Bỏ đi rất ít mà được rất nhiều. Người trí cũng như vậy, hay bỏ cái vui thế gian, được khoái lạc của thiền định thâm sâu. Được cái vui này rồi, trở lại xem cái vui ngũ dục, rất là bất tịnh, như từ ngục ra khỏi, như bệnh được chữa lành, không còn tìm thuốc.

Lại nữa, thiền định là cửa ban đầu của thật trí, làm cho trí tuệ đứng lặng, có thể soi chiếu các pháp; như đèn trong nhà kín, ánh sáng nó đặc dụng. Nếu tu thiền định, thời bốn tâm vô lượng, tám bội xả, tám thắng xứ, năm thần thông, bốn biện tài... các công đức thậm thâm, đều được đầy đủ, có thể làm cho ngói đá biến thành ngọc Như ý, hướng chi các việc khác. Tùy ý muốn làm, không điều chi không làm được. Vào đất như nước, đi trên nước như đất, tay cầm mặt trời mặt trăng, thân không cháy, lạnh, hóa làm thân các cảm thú, mà không chịu chuyện cảm thú. Hoặc có khi biến thân đầy khắp hư không, hoặc có khi thân như vi trần, hoặc nhẹ như lông hồng, hoặc nặng như núi Thái. Hoặc có khi lấy ngón chân ấn xuống đất, trời đất rung động mạnh như rung cỏ lá. Năng lực thần thông biến hóa như vậy, đều từ thiền định mà có được. Chúng sanh nghe rồi, an lập nơi Thiền ba-la-mật.

An lập Bát-nhã ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh nên học trí tuệ. Trí tuệ là sáng suốt, thứ nhất gọi là mắt tuệ. Nếu không mắt tuệ, tuy có mắt thịt vẫn là đui. Tuy

có mắt mà không khác súc sanh. Nếu có trí tuệ, tự phân biệt được tốt xấu, không theo lời người khác; nếu không trí tuệ, theo người dốt đông dốt tây; như trâu, lạc đà bị xâu mũi đi theo người. Trí tuệ trên hết thấy pháp hữu vi, được bậc thánh nhân ái, vì hay phá pháp hữu vi. Như trong Kinh nói: Trong các thứ báu, trí tuệ báu hơn hết. Trong hết thấy đồ sắc bén, đao trí tuệ sắc bén hơn hết. Ở đỉnh núi trí tuệ, không còn lo sợ, xem các chúng sanh khổ não, đều thấy tất cả. Lưỡi đao trí tuệ hay cắt đứt sợi xích phiền não sanh tử vô thì. Năng lực trí tuệ còn làm cho đầy đủ sáu Ba-la-mật, được vô lượng Phật đạo không thể nghĩ bàn, thành nhất thiết trí, huông chi Thanh văn, Bích-chi Phật và các việc tốt thế gian. Trí tuệ ấy tăng trưởng thanh tịnh không thể bị trở hoại, ấy gọi là Ba-la-mật. Chúng sanh nghe rồi, an trú trong Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát hoặc có khi không dùng miệng dạy; hoặc hiện thần thông, ánh sáng, làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật; hoặc hiện các cảnh duyên khác, cho đến trong mộng, làm nhân duyên khiến chúng sanh giác ngộ mà an trú trong sáu Ba-la-mật.

Thế nên Kinh nói: muốn làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Muốn gieo một thiện căn nơi Phật phước điền, cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không tận, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Thiện căn: Ba thiện căn là thiện căn không tham, thiện căn không giận, thiện căn không ngu si. Hết thấy pháp lành đều từ ba thiện căn phát sanh và tăng trưởng; như cây thuốc, cây cỏ, nhờ có gốc mà được sanh thành, tăng trưởng, vì vậy gọi là các thiện căn.

Nay nói thiện căn là, đồ cúng dường làm nhân duyên cho thiện căn là hoa hương, đèn sáng, và pháp cúng dường là trì giới, tụng kinh... Đây là trong nhân nói quả, vì sao? Vì hoa hương không nhất định, khi lấy thiện căn hoa hương cúng dường, gọi là thiện căn. Bồ thí chẳng phải tức là phước, bồ thí chỉ phá xan tham, mở cửa thiện pháp. Thiện căn gọi là phước; như kim dẫn chỉ may áo, may chẳng phải là kim.

Một là hoặc hoa, hoặc hương, hoặc đèn sáng, hoặc lễ kính, hoặc tụng kinh, hoặc trì giới, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ... mỗi mỗi cúng dường, và pháp cúng dường, gieo vào Phật phước điền.

Phật phước điền: Mười phương ba đời chư Phật, hoặc Phật ở đời, hoặc hình tượng, hoặc xá lợi, hoặc chỉ niệm Phật.

Gieo là duyên tâm bám chắc.

Hỏi: Kinh nói các thứ phước điền, có sao chỉ nói gieo vào Phật phước điền?

Đáp: Tuy có các thứ phước điền, Phật phước điền hơn hết, vì đầy đủ vô lượng Phật pháp như mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp không chung. Vì vậy chỉ nói gieo vào Phật phước điền. Pháp bảo tuy là thầy của Phật, nhưng nếu Phật không thuyết, thời pháp thành vô dụng; như tuy có thuốc hay, nếu không có lương y, thời thuốc thành vô dụng. Vì vậy, Pháp bảo tuy trên, mà trước phải nói đến Phật bảo, hướng chi Tăng bảo.

Lại nữa, Phật phước điền, có thể thu được vô lượng quả báo, ngoài ra các phước khác, tuy nói vô lượng mà có kém thua, vì vậy Phật phước điền là bậc nhất.

Không tận: Chư Phật thành tựu công đức vô tận, nên gieo vào Phật phước điền, phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, công đức của Phật vô lượng, vô biên, vô số, vô đẳng, nên người gieo phước, được phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, lúc Phật còn làm Bồ-tát, duyên hết thầy chúng sanh, như chúng sanh vô lượng vô biên, thì phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, Phật phước điền thanh tịnh, nhỏ sạch cỏ uế phiền não tham ái... Tịnh giới là đất bằng, đại từ bi là tươi tốt, trừ đất muối tà ác, ba mươi bảy đạo phẩm làm ngòi cảnh, mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại trí... làm tường vách, hay xuất sanh quả báo Niết-bàn của ba thừa. Gieo giống vào ruộng vô thượng vô tỷ ấy, được phước vô tận.

Hỏi: Hết thầy pháp hữu vi là tướng vô thường, đều trở về tận diệt, phước từ nhân duyên sanh làm sao được bất tận?

Đáp: Cũng không nói thường bất tận. Tự nói: cho đến khi chúng đắc Phật, ở trung gian bất tận.

Lại nữa, hết thầy pháp hữu vi, tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng tương tục không đoạn, quả báo không mất, nên nói là bất tận, ví như đốt đèn tuy ngọn lửa sanh diệt mà không gọi là diệt, khi dầu hết tim lụn, mới gọi là diệt. Phước điền cũng

như vậy, do thâm tâm gieo vào ruộng tốt, cho đến khi pháp tận mà phước điền cũng không tận.

Lại nữa, Bồ-tát biết thật tướng các pháp như Niết-bàn bất tận. Phước đức đưa vào thật tướng các pháp, nên cũng không tận.

Hỏi: Nếu như vậy, Niết-bàn bất tận, phước đức cũng lẽ phải thường bất tận, có sao nói cho đến khi thành Phật, ở khoảng trung gian bất tận?

Đáp: Phước ấy do lực trí tuệ làm cho công đức ấy như Niết-bàn rốt ráo không, bất sanh bất diệt; vì vậy nên ví như Niết-bàn, chứ chẳng phải Niết-bàn. Nếu là Niết-bàn thì không thể làm ví dụ. Nếu là Niết-bàn có sao quả báo thành Phật mà phước không tận. Ví như ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác; như tướng rốt ráo không giải thoát, là không giải thoát môn, thời quán thế gian cũng là rốt ráo không; như tướng vô tướng giải thoát, là vô tướng giải thoát môn, thời quán thế gian cũng là tướng vô tướng; như tướng vô tác giải thoát, là vô tác giải thoát môn, thời quán thế gian cũng là tướng vô tác.

Vì vậy nên nói: muốn gieo một thiện căn nơi Phật phước điền cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phước ấy không tận, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được mười phương chư Phật xưng tán tên mình, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Bồ-tát nếu quán các pháp rốt ráo không, bên trong không có ta, tôi, đã phá kiêu mạn, có sao còn muốn được chư Phật xưng tán tên mình? Lại, Bồ-tát theo pháp phải cúng dường chư Phật, có sao lại cầu chư Phật cúng dường mình?

Đáp: Phật pháp có hai môn: 1. Môn đệ nhất nghĩa. 2. Môn thế tục pháp. Theo môn thế tục nên muốn được chư Phật tán thán. Tuy được chư Phật tán thán mà không thấy ta, tôi, không chấp thủ tướng chúng sanh, vì theo giả danh của thế gian nên nói. Ông hỏi: có sao trở lại cầu Phật cúng dường mình, như phẩm sau nói Phật tán thán: Bồ-tát được bất thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Bồ-tát ấy muốn được biết chắc chắn mình đã được bất thối chuyển chẳng, vì vậy cầu Phật tán thán, chứ chẳng phải cầu cúng dường.

Lại nữa, các người, các chúng sanh khác bị tham dục, sân nhuế, ngu si che tâm, nên không thể như thật tán thán; vì nếu có thiên ái thì không thấy thật lỗi, chỉ thấy công đức kia; nếu có thiên giận thì chỉ thấy lỗi không thấy công đức kia;

nếu ngu si nhiều thời không thể như thật thấy tốt xấu. Chư thiên và người đời tuy có trí tuệ, ba độc có mỏng, cũng không thể như thật tán thán vì còn sai lầm, vì không có nhất thể trí, và kiết sử chưa hết. Thanh văn, Bích-chi Phật, ba độc tuy hết, cũng không thể như thật tán thán, vì còn tập khí thừa chưa hết, và lại vì trí tuệ không đầy đủ. Chỉ một mình Phật cả ba độc và tập khí hết vĩnh viễn, thành tựu nhất thể trí, nên có thể như thật tán thán không thêm không bớt. Vì vậy, hành giả muốn được chư Phật tán thán, để biết thực đức của mình, nên không cầu người khác tán thán.

Hỏi: Chư Phật ra khỏi ba cõi, không nhiễm trước thế gian, không có ngã và ngã sở; xem ngoại đạo, ác nhân, đại Bồ-tát, A-la-hán, bình đẳng không sai khác; có sao chỉ tán thán Bồ-tát?

Đáp: Phật tuy không có ta, tôi, không có ghét thương, đối hết thấy pháp tâm không nhiễm trước, thương xót chúng sanh, vì lấy tâm đại từ bi dẫn dắt hết thấy, nên phân biệt người lành mà có sự tán thán. Và cũng muốn phá hoại sở nguyện của ác ma, vì Phật tán thán nên vô lượng chúng sanh ưa thích Bồ-tát, mà cung kính cúng dường, sau đều được thành tựu Phật đạo; vì vậy nên chư Phật tán thán Bồ-tát.

Hỏi: Tán thán như thế nào?

Đáp: Như Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng, Ngài muốn khiến chúng sanh vào pháp thậm thâm, nên tán thán Bồ-tát, như tán thán Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Sadāpralāpa - Thường-đề Bồ-tát).

Lại nữa, Phật tán thán Bồ-tát rằng: Bồ-tát ấy hay quán các pháp rốt ráo không, cũng có tâm đại từ bi đối với chúng sanh, hay thực hành sanh nhẫn, nên cũng không thấy tướng chúng sanh; tuy thực hành pháp nhẫn, mà không sanh chấp trước đối hết thấy pháp, tuy xét việc kiếp trước mà không rơi vào tà kiến, tuy xem thấy chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn mà không rơi vào biên kiến; tuy biết Niết-bàn là Vô thượng thật pháp, cũng không khởi thiện nghiệp về thân, khẩu, ý; tuy đi trong sanh tử mà tâm vui Niết-bàn; tuy trụ ba cửa giải thoát, hướng nhìn Niết-bàn cũng không dứt bản nguyện và thiện hành. Các công đức kỳ đặc như vậy rất là khó có.

Lại nữa, nếu Bồ-tát chưa được vô sanh nhẫn, chưa được năm thần thông, ngay nơi nhục thân sanh tử, có tâm đại từ bi, hay vì chúng sanh, nên có thể thí cho tất cả những gì trong ngoài đáng quý đáng tiếc. Ngoài là vợ con yêu quý, năm dục thượng diệu, ngọc Như ý, diệu bảo tối thượng, quốc độ an ổn... ; trong là thân

thể, da thịt, xương máu, đầu, mắt, tủy não, tai, mũi, chân, tay... Bồ thí như vậy rất là khó có, cho nên chư Phật tán thán đức ấy. Nếu Bồ-tát đã vào pháp vị, được thần thông, mà thực hành khổ hạnh thì không là khó. Nhưng vì Bồ-tát ấy còn sanh thân, mắt thịt, mà chí nguyện rộng lớn, có tâm đại bi, ưa vui Phật đạo, làm việc như vậy, rất là hy hữu.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trì giới thanh tịnh đầy đủ, không phân biệt trì giới, phá giới; đối hết thầy pháp rốt ráo bất sanh, thường nhẫn “không pháp”; tinh tấn không thối không nghĩ, không đắm không chán, tinh tấn và giải đãi một tướng không khác, vô lượng vô biên vô số kiếp, siêng tu tinh tấn; đều muốn lãnh thọ thực hành thiền định thậm thâm, không nương dựa, định và loạn không khác, không rời khỏi định mà có thể biến hóa thân vô lượng, cùng khắp mười phương, thuyết pháp độ người; thực hành trí tuệ sâu xa, quán hết thầy không sanh không diệt, chẳng phải không sanh chẳng phải không diệt, cũng chẳng phải không sanh cũng chẳng phải không diệt, chẳng chẳng phải không sanh chẳng chẳng phải không diệt; vượt qua các ngôn ngữ, chỗ tâm đi dứt bật, không thể hoại không thể phá, không thể thọ nhận, không thể chấp trước, chỗ chư thánh đi sạch như Niết-bàn, cũng không chấp trước sự quán sát ấy; ý cũng không mất, hay lấy trí tuệ tự làm lợi ích. Các Bồ-tát như vậy được chư Phật tán thán.

Lại nữa, Bồ-tát chưa được thọ ký, chưa được vô sanh pháp nhẫn, sanh ra không gặp Phật, không được thấy hiền thánh, do chánh tư duy nên hay quán thật tướng các pháp. Tuy quán thật tướng, tâm cũng không dính mắc. Bồ-tát như vậy, được mười phương chư Phật đều tán thán.

Lại nữa, Bồ-tát nghe Phật pháp thậm thâm vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, tuy tự chưa chứng được, trí tuệ chưa kịp, mà có thể định tâm tin vui, không sanh nghi ngờ hối hận, nếu ma giả làm Phật đi đến nguy nói ý nó, tâm cũng không thêm bớt, Bồ-tát như vậy, được chư Phật tán thán.

Lại nữa, có các Bồ-tát phát tâm cũng trong một lúc, trong đó có vị mau thành Phật, thời Phật tán thán, vì có sức tinh tấn lớn. Như đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cùng các Bồ-tát Di-lặc... đồng thời phát tâm, mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni do sức tinh tấn nên vượt qua chín kiếp.

Lại nữa, hoặc có Bồ-tát đầy đủ Bồ-tát sự, là mười địa, sáu Ba-la-mật, mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung, và vô lượng Phật pháp thanh tịnh, nhưng vì rộng độ chúng sanh nên ở lâu trong sanh tử, không thủ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát như vậy, chư Phật tán

thán, đó là ai? Là như Văn-thù-sư-lợi, Tỳ-ma-la-cật (Duy-ma-cật), Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Biến Cát Bồ-tát... là thượng thủ của các Bồ-tát, đã ra khỏi ba cõi, biến hóa vô số thân, vào trong sanh tử, giáo hóa chúng sanh. Các việc hy hữu như vậy, đều từ Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm sanh ra.

Vì vậy nên nói: muốn được chư Phật tán thán tên mình, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn một lần khởi ý là đến được mười phương thế giới số như hằng hà sa, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Bồ-tát được năng lực thân thông biến hóa làm mười phương hằng hà sa thân một lúc đi đến mười phương hằng hà sa thế giới.

Hỏi: Như Kinh nói: Trong khoảng búng ngón tay có sáu mươi niệm, nếu trong một niệm đi đến hằng hà sa thế giới ở một phương, còn không thể tin được, huống gì đi đến hằng hà sa thế giới ở mười phương, thời gian ít mà chỗ đi đến nhiều?

Đáp: Kinh nói: Năm việc không thể nghĩ bàn, đó là chúng sanh nhiều ít, nghiệp quả báo, năng lực người tọa thiền, năng lực các rồng, năng lực chư Phật. Trong năm việc không thể nghĩ bàn ấy, năng lực Phật là rất không thể nghĩ bàn, Bồ-tát vào thiền định phát sanh thần thông không thể nghĩ bàn, nên trong một niệm đến được thế giới chư Phật trong mười phương. Như nói trong bốn loại thần thông, chỉ Phật và Bồ-tát có thần thông chóng đi khắp như ý muốn, như con của chim Kim si, mới từ vỏ trứng ra, mà đi từ một núi Tu-di đến một núi Tu-di; các Bồ-tát cũng như vậy, nhờ lực vô sanh nhẫn, phá vỏ trứng vô minh phiền não, tức thì trong một niệm hóa ra vô lượng thân, khắp đến mười phương.

Lại nữa, Bồ-tát đã tiêu diệt hết tội chướng trong vô lượng đời, nhờ lực trí tuệ nên chuyển được hết thầy pháp; nhỏ chuyển làm lớn, lớn chuyển làm nhỏ; lấy ngàn vạn kiếp làm một ngày, lại lấy một ngày làm ngàn vạn kiếp. Bồ-tát ấy, là chủ thế gian, ưa muốn tự tại, thì có nguyện gì mà không thành được. Như kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Lấy bảy đêm làm một kiếp sống. Do nhân duyên ấy Bồ-tát nương lực thần thông, có thể chóng vượt qua mười phương thế giới.

Hỏi: Trong năm việc không thể nghĩ bàn nói trước đó không có Bồ-tát, sao nay nói Bồ-tát không thể nghĩ bàn?

Đáp: Hoặc có khi trong nhân nói quả, như nói ngày ăn trăm lượng vàng. Vàng không thể ăn, nhân vàng được ăn, nên nói ăn vàng, ấy là trong nhân nói quả.

Hoặc có khi trong quả nói nhân, như thấy bức vẽ đẹp nói là khéo tay, ấy là thấy trong quả nói nhân. Các Bồ-tát cũng như vậy, Bồ-tát là nhân, Phật là quả; nếu nói Phật lực không thể nghĩ bàn nên biết là đã nói Bồ-tát.

Vì vậy nên nói: muốn một lần khởi ý, đã đến được mười phương hằng hà sa thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn phát ra một âm khiến cho mười phương hằng hà sa thế giới đều nghe tiếng, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Bồ-tát được sáu thần thông, tăng trưởng tướng phạm âm, vượt qua ba ngàn đại thiên thế giới, đến mười phương hằng hà sa thế giới.

Hỏi: Nếu như vậy, thời có khác gì với âm thanh của Phật?

Đáp: Âm thanh của Bồ-tát có số hạng trong hằng hà sa thế giới, còn âm thanh Phật đi xa không có hạng số. Như trong kinh Phật Tích nói: Mục-liên muốn thử âm thanh của Phật, đi đến tận phương tây, vẫn nghe âm thanh Phật, như đối trước mặt.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật thường ở tại quốc độ xóm làng, thuyết pháp giáo hóa, nhưng mà người ở trong cõi Diêm-phù-đề, không đến bên Phật thời không nghe được, sao biết thế? Vì có nhiều người từ phương xa đi đến muốn nghe Phật thuyết pháp?

Đáp: Âm thanh Phật có hai thứ: 1. Âm thanh mật. 2. Âm thanh không mật. Âm thanh mật trước đã nói, âm thanh không mật, thời đến bên Phật mới nghe. Cũng có hai hạng đệ tử: 1. Xuất thế thánh nhân. 2. Thế gian phàm phu. Xuất thế thánh nhân như Mục-kiền-liên... nghe được âm thanh vi mật; còn người phàm phu theo chỗ nó đến gần mới nghe.

Lại nữa, chư Bồ-tát được vào chánh vị, lìa thân sanh tử, được chân thân pháp tánh, thấy được vô lượng thân Phật mười phương và ánh sáng chiếu khắp, cũng nghe được sáu mươi thứ âm thanh cực xa vô lượng của chư Phật. Các đại Bồ-tát tuy chưa đầy đủ âm thanh như vậy, nhưng đối âm thanh của Phật cũng được một phần.

Âm thanh của Phật Bồ-tát có ba thứ: 1. Do đời trước gieo âm thanh lành nên trong cổ họng có được tứ đại vi diệu, phát ra các thứ âm thanh diệu hảo xa gần một dặm, hai dặm, ba dặm, mười dặm, trăm ngàn dặm, cho đến âm thanh lan khắp ba ngàn đại thiên thế giới. 2. Là do lực thần thông mà tứ đại trong cổ họng

phát ra tiếng lan khắp ba ngàn đại thiên thế giới, và mười phương hằng hà sa thế giới. 3. Là âm thanh Phật thường lan khắp mười phương hư không.

Hỏi: Nếu âm thanh Phật thường lan khắp, sao nay chúng sanh không được thường nghe?

Đáp: Chúng sanh vô lượng kiếp lại đây, vì nghiệp đã gây che lấp, nên không được nghe, ví như sấm chớp giông bão, mà người điếc không nghe, tiếng sấm không giảm. Phật cũng như vậy, thường vì chúng sanh thuyết pháp, như rỗng rung tiếng sấm lớn, mà chúng sanh vì tội nghiệp, tự không nghe được. Như nay người tinh tấn trì giới, trong lúc niệm Phật tam-muội, tâm đắc định, không bị tội chướng ngại, thì liền được thấy Phật, nghe Phật thuyết pháp, âm thanh rõ ràng. Bồ-tát đối với ba thứ âm thanh ấy, muốn được hai thứ, hai thứ âm thanh ấy rất khó, hy hữu, còn như âm thanh của nghiệp quả thì tự nhiên có được.

Vì vậy nên nói: Bồ-tát ma-ha-tát muốn dùng một âm thanh khiến cho mười phương hằng hà sa thế giới nghe tiếng, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm cho thế giới chư Phật không dứt, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Phật thế giới không dứt là Bồ-tát làm cho mỗi nước kế tiếp nhau đều khiến chúng sanh phát tâm làm Phật.

Hỏi: Nói kế tiếp nhau là mỗi nước trước sau kế tiếp, hay là mười phương thế giới kế tiếp? Nếu mỗi một nước kế tiếp nhau, thì tâm đại bi là trùm khắp hết thảy chúng sanh, cứ sao không trùm đến nước khác? Còn nếu mười phương thế giới kế tiếp nhau, thì các Phật Bồ-tát khác có lợi ích gì?

Đáp: Tâm nguyện Bồ-tát muốn khiến hết thảy thế giới đều làm Phật, đại tâm rộng xa, không bị giới hạn, lấy tâm chứa nhóm các trí tuệ, và vô lượng phước đức thần thông lực, lại tùy chúng sanh gieo nhân duyên làm Phật, Bồ-tát đều khiến làm. Nếu hết thảy thế giới đều gieo nhân duyên làm Phật, thì các Phật, Bồ-tát khác chẳng phải có ích. Nhưng việc ấy không đúng.

Lại, mười phương thế giới vô lượng vô biên, không lẽ một Bồ-tát được biến khắp hết các thế giới, khiến Phật chủng không dứt, mà các Bồ-tát khác tùy theo nhân duyên đều có phần trong đó. Vì tâm đại bi rộng lớn nên nguyện cũng vô lượng, tâm lợi ích không có giới hạn. Chủng loại chúng sanh vô lượng, nên chẳng phải một Phật một Bồ-tát có thể độ hết được.

Hỏi: Nếu việc không xứng tâm, có gì lại phát nguyện?

Đáp: Vì muốn khiến tâm nguyện rộng lớn thanh tịnh, như tu Từ tam-muội, tuy không thể khiến chúng sanh lia khổ, chỉ tự muốn làm cho tâm rộng lớn thanh tịnh, thành tựu nguyện lợi ích, như lực của chư Phật đại Bồ-tát, đều có thể độ thoát hết thảy, nhưng chúng sanh phước duyên chưa nhóm, chưa có trí tuệ, nhân duyên chưa tụ hội, nên không được độ, như nước biển cả, hết thảy chúng sanh lấy dùng, mà nước không khô kiệt, chỉ vì chúng sanh không thể được dùng; như chúng sanh ngạ quỷ, do tội mình, nên không được thấy nước, giả sử được thấy, nước liền khô kiệt, hoặc biến thành nước đồng sôi, hoặc thành máu mủ. Phật cũng như vậy, có đại từ bi trí tuệ vô lượng vô biên, có thể làm đầy đủ cho chúng sanh, nhưng chúng sanh vì tội nghiệp, nên không gặp Phật, giả sử được gặp Phật, thì cũng giống như người khác, hoặc sanh sân nhuế, hoặc nổi lên phỉ báng. Vì nhân duyên ấy nên không thấy được oai tướng thần lực của Phật; tuy được gặp Phật mà không có lợi ích.

Lại nữa, hai nhân hai duyên phát sanh chánh kiến, đó là nội nhân ngoại duyên. Phật là nhân duyên bên ngoài đầy đủ, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, vô lượng ánh sáng trang nghiêm Phật, các thứ thần lực, các thứ âm thanh, tùy ý thuyết pháp, dứt mọi nghi lầm. Chỉ vì chúng sanh nhân duyên bên trong không đầy đủ, trước không gieo thiện căn thấy Phật, không tin kính, không tinh tấn trì giới, độn căn sâu dày, đắm vào cái vui thế gian, vì vậy nên không có lợi ích, chửi không phải lỗi tại Phật. Phật hóa độ chúng sanh, thần khí lợi dụng, thấy đều đầy đủ; ví như mặt trời mọc, có mắt thời thấy, mắt mù không thấy, giả sử có mắt mà không có mặt trời, thời không thấy chi, thế nên mặt trời không có lỗi; Phật cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên khiến Phật thế giới không dứt?

Đáp: Bồ-tát đối với chúng sanh, dùng các cách tán thán Phật đạo, khiến chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dần dần hành sáu Ba-la-mật, vậy sau mỗi mỗi làm Phật ở các thế giới. Nếu nơi mỗi nước kế tiếp làm Phật, hoặc ở nước khác mỗi tự làm Phật, ấy gọi là không dứt nước Phật.

Lại nữa, Bồ-tát chóng nhóm trí tuệ đầy đủ, làm Phật độ vô lượng chúng sanh, khi sắp vào Niết-bàn, thọ ký Bồ-tát rằng: Sau khi Ta diệt độ, người kế tiếp làm Phật, triển chuyển đều như vậy, khiến không đoạn tuyệt. Nếu Phật không thọ ký Bồ-tát thời Phật quốc bị đoạn, ví như vua lập thái tử, triển chuyển như vậy, quốc độ không dứt.

Hỏi: Cớ sao quý trọng thế giới có Phật, mà khinh hèn quốc độ không có Phật?

Đáp: Việc ấy không nên hỏi. Phật là vị chủ trang nghiêm mười phương thế giới, hưởng chi một quốc độ. Nếu lìa quốc độ có Phật thì tuy hưởng cái vui cõi người cõi trời, mà không biết là do ơn Phật gây nên, thì không khác gì súc sanh. Nếu các đức Phật không ra đời, thì không có con đường đến tam thừa Niết-bàn, thường nhốt trong ngục ba cõi, vĩnh viễn không ngày ra khỏi. Nếu đời có Phật, thì chúng sanh được ra khỏi lao ngục ba cõi; ví như giữa hai quốc độ, một nơi không có mặt trời, trong đó chúng sanh từ tối tăm sanh ra, từ tối tăm chết đi. Nếu lúc có Phật ra đời, có ánh sáng dần soi, mỗi mỗi trông thấy nhau, cho đến thấy các chúng sanh được ánh mặt trời mặt trăng chiếu đến mà biết kia là đại phước, còn chúng ta có tội. Như vậy, hoặc có khi Phật lấy ánh sáng chiếu khắp các Phật quốc, chúng sanh ở nước không có Phật, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, thì rất hoan hỷ, nghĩ rằng: chúng ta đây tối tăm, còn nơi kia sáng suốt.

Lại nữa, quốc độ có Phật, thì chúng sanh biết có tội phước, có người thọ Tam quy Ngũ giới, Bát quan trai giới và xuất gia năm chúng, có các thứ thiện pháp như thiền định, trí tuệ sâu xa, có bốn quả Sa-môn, hữu dư Niết-bàn... vì nhân duyên ấy nên Phật quốc là quý. Nếu chúng sanh ở quốc độ có Phật, tuy không thấy Phật, mà gặp được Kinh pháp, tu thiện trì giới, bố thí, lễ kính... gieo nhân duyên Niết-bàn, cho đến súc sanh cũng có thể gieo nhân duyên phước đức. Nếu quốc độ không có Phật, thì cho đến trời người, cũng không thể làm thiện.

Vì vậy, nên Bồ-tát phát nguyện muốn khiến Phật quốc không dứt.

(Hết cuốn 30 theo bản Hán)

--o0o--